



Sông Trà

TẠP CHÍ SÁNG TÁC - NGHIÊN CỨU - PHÊ BÌNH VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

101-102
BỘ MỚI
2021

VĂN NGHỆ - SỰ KIỆN

- * Từ tinh thần Cách mạng tháng Tám...
ĐẠI NGHĨA 03
- * Tình cảm Bác Hồ đối với thương binh - liệt sĩ
VÕ HOÀNG NAM 06

VĂN

- * Kỷ niệm về ngày đình chiến tháng 7 năm 1954
VŨ TIẾN ĐỨC 08
- * Nén tâm hương mùi thanh quế
NGUYỄN THANH TUẤN 13
- * Những cây cầu mơ ước
HOÀNG LAN QUYÊN 15
- * Nỗi lo mùa dịch
HỒ NGHĨA PHƯƠNG 19
- * Trách nhậm
PHẠM VĂN HOANH 21
- * Dang dở
DƯƠNG THANH HƯƠNG 24
- * Sóng vỗ trắng cổng trời
MAI DUY QUÝ 29
- * Xóm mồ côi
SƠN TRẦN 35
- * Miền mơ tưởng mong manh
HÀ HƯƠNG SƠN 39
- * Không có con vi trùng
THOẠI VĂN 44
- * Đàn bà
TRẦN THU HÀ 49

KHUÔN MẶT VĂN NGHỆ QUẢNG NGÃI

- * Khắc Minh và những khúc tình thi
NGUYỄN DUY LONG 62

NGHIÊN CỨU - LÝ LUẬN - PHÊ BÌNH

- * Nhà thơ Thanh Thảo với Nam Bộ
MAI BÁ ÁN 69
- * Một hướng tiếp cận thơ tình Nguyễn Thụy Kha
NGUYỄN THỊ THU THỦY 75

TÁC GIẢ - TÁC PHẨM

- * Giang Nam và cô du kích
PHẠM ĐƯƠNG 78
- * Hoa trong Cung oán ngâm khúc của Nguyễn Gia Thiều
TRỊNH BÍCH THỦY 82

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

- * Tấm vải liệm
PREMCHAND (ẤN ĐỘ) - TRẦN NGỌC HỒ TRƯỜNG dịch 97

THÔNG TIN - TRAO ĐỔI

- * Những guồng xe nước - hoài niệm của một thời
LÊ HỒNG KHÁNH 104
- * Đôi điều về chuyện quen và lạ
MAI MỘNG TƯỜNG 107

THƠ - NHẠC - ẢNH - MINH HỌA

VÕ THỊ HỒNG TỶ - LÊ ANH PHONG - NGUYỄN THÁNH NGÃ - BÙI VĂN CANG - KHÔI NGUYỄN - NGÀ RI VÊ - THANH LƯƠNG - HỒNG MẢO - UNG VĂN KHÁNH - NGUYỄN MẬU CÔNG - TRẦN CAO DUYÊN - PHAN BÁ TRÌNH - TRẦN HỮU SƠN - NGUYỄN NGỌC HƯNG - NGUYỄN MẬU CHIẾN - HÀ QUẢNG - TRỊNH MINH ĐỨC - HOÀNG THÂN - THU NGUYỄN - NGUYỄN TẤN HẢI - HOÀNG GIANG - THIÊN VƯƠNG - SỸ HÙNG - MINH CHÂU - TẤN THÀNH - ĐĂNG LÂM - MINH THỂ - NHÂN HIẾU - VƯƠNG QUỐC - ĐỨC MINH - ĐÌNH NGÔN - THANH BÌNH - TUẤN VŨ - NGỌC ĐƯỜNG - LÊ VĂN QUÝ - NGỌC BÌNH ...

*Sông Trà * Số 101 - 102 (Bìa mới) - 2021*

Tổng Biên tập

MAI BÁ ÁN

Trình bày

MAI TUẤN VŨ

* Tòa soạn: 68 Hùng Vương, TP. Quảng Ngãi

* Điện thoại: 0255. 3826790 - Email: tapchisongtra@gmail.com

* Giấy phép xuất bản số

666/GP - BTTTT do Bộ Thông tin & Truyền thông cấp ngày 29 tháng 12 năm 2017

* In tại Công ty TNHH MTV In Bình Định

VPĐD tại Quảng Ngãi: 368 Lê Lợi, TP. Quảng Ngãi - ĐT: 0255. 3713268

Từ tinh thần Cách mạng Tháng Tám nghĩ về vai trò của tình đoàn kết

○ ĐẠI NGHĨA

*Đoàn kết đã giúp Cách
mạng Tháng Tám thành
công. Đoàn kết đã giúp
kháng chiến thắng lợi và
đoàn kết sẽ đưa đất nước
Việt Nam tiến đến những
đỉnh cao mới của thời đại.*

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là cuộc hồi sinh vĩ đại của một dân tộc biết nương tựa vào nhau, chung sức đồng lòng vì lẽ phải, vì lương tri và những giá trị làm người cơ bản. Đó là biểu tượng sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, của mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam và sức mạnh của đoàn kết quốc tế: toàn dân đồng lòng nổi dậy, lực lượng Đồng minh chống phát xít trên thế giới ủng hộ; từ chiến khu về đồng bằng, từ nông thôn đến thành thị, rồi cả thành thị cùng nông thôn nhất tề nổi dậy giành chính quyền về tay nhân dân.

Có được sức mạnh đó là nhờ

nghệ thuật lãnh đạo, chỉ đạo tài tình của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đặc biệt là nghệ thuật xây dựng và phát huy cao độ sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; trên cơ sở lợi ích, nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân để tổ chức, tập hợp họ vùng lên đấu tranh “lấy sức ta giải phóng cho ta”. Vì thế, Cách mạng Tháng Tám đã tạo nên một cao trào cách mạng rộng khắp, mạnh mẽ chưa từng thấy với đông đảo lực lượng tham gia, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, mọi thành phần kinh tế, mọi giới và mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam. Chỉ trong hai tuần, toàn thể dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, Mặt trận Việt Minh và lãnh tụ Hồ Chí Minh, đã nhất tề vùng lên làm một cuộc Tổng khởi nghĩa có một không hai, giành chính quyền về tay mình. Ngày 2 tháng 9 năm

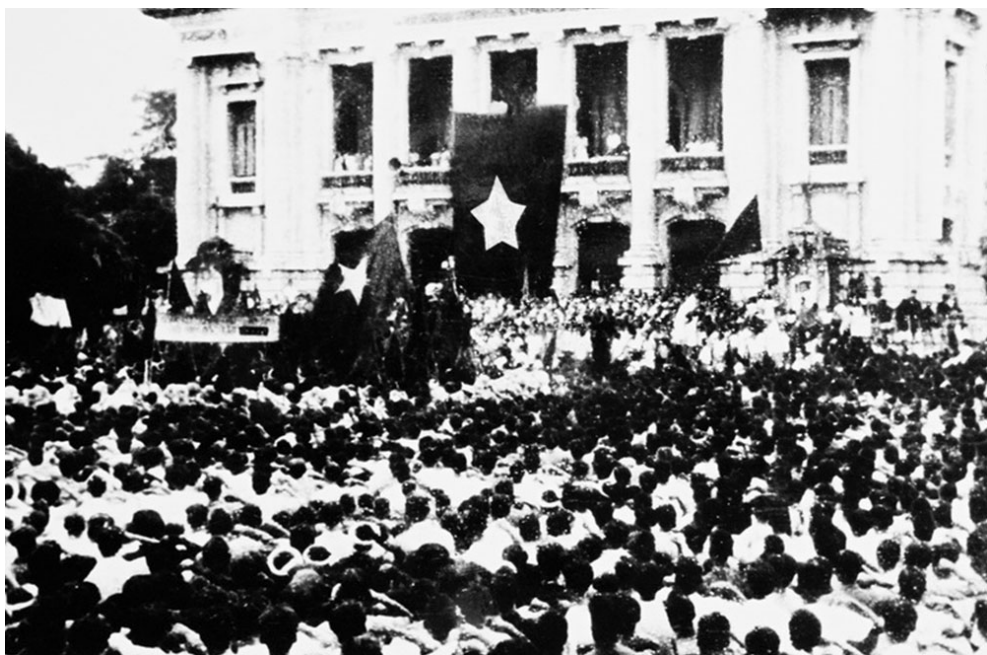
1945, tại Quảng trường Ba Đình lộng gió, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Nhìn lại quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, mỗi khi đất nước gặp khó khăn, tinh thần đoàn kết, sức dân là vũ khí lợi hại nhất để chúng ta chiến thắng mọi kẻ thù và viết nên những chiến thắng vẻ vang của dân tộc, như Bác Hồ kính yêu đã căn dặn: “Dễ trăm lần không dân cũng chịu. Khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Năm 1945, trước những khó khăn chồng chất của tình thế cách mạng ngàn cân treo sợi tóc, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng bào ta trên mọi miền đất nước đã nhiệt tình ủng hộ “Tuần lễ vàng” với tinh thần “người có ít góp ít, người có nhiều góp nhiều”, tạo nên “Quỹ Độc lập”, góp phần thiết thực đưa công cuộc kháng chiến, kiến quốc đến thành công.

Tinh thần đoàn kết được hun đúc trong mỗi người con đất Việt và được gìn giữ từ thế hệ này sang thế hệ khác. Truyền thống ấy càng tỏa sáng mỗi khi đất nước gặp khó khăn, thiên tai, bão lũ, dịch bệnh... Một lần nữa, trong cuộc chiến chống dịch COVID-19 này, sự đồng lòng của nhân dân chắc chắn sẽ giúp chúng ta thoát ra khỏi đại dịch và trở về cuộc sống bình yên. Ngày 31/5/2021, khi Thủ tướng Chính Phủ ký quyết định thành lập Quỹ vaccine phòng

COVID-19 thì ngay lập tức nhận được sự đồng lòng của triệu triệu đồng bào trong và ngoài nước. Kể từ khi Quỹ được thành lập, không chỉ doanh nghiệp, địa phương mà rất nhiều cá nhân, từ thành thị tới nông thôn, đồng bằng đến miền núi, từ doanh nhân đến những người buôn bán nhỏ, cựu chiến binh, người già về hưu, các em nhỏ, học sinh, sinh viên đến cộng đồng người Việt ở nước ngoài đều nhiệt tình hưởng ứng và ủng hộ, đóng góp vào Quỹ. Tiếp đó, Chính phủ triển khai Gói hỗ trợ trong phòng, chống dịch bệnh trị giá hàng trăm nghìn tỷ đồng; các ngân hàng giảm lãi suất để hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh; ở các tỉnh có dịch hình thành các điểm tặng thực phẩm hàng ngày với khẩu hiệu “Ai cần cứ đến lấy, nếu khó khăn hãy cứ đến lấy”; nhiều điểm phát khẩu trang miễn phí... Phải thấy rằng đây là những việc làm hết sức có ý nghĩa, thể hiện tinh thần đại đoàn kết dân tộc, tương thân tương ái. Cùng trân trọng hơn khi các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đó cũng đang phải đối mặt với những khó khăn nhất định trong bối cảnh đại dịch lây lan toàn cầu.

Tại tỉnh ta, trong những ngày qua nghe tin vùng đất Sa Huỳnh “ấm mình” vì dịch Covid -19 hoành hành, nhân dân cả tỉnh cũng quận thất nỗi lo âu, nhiều chuyến hàng tình nghĩa đã gửi đến vùng tâm dịch của tỉnh. Rồi tiếp đến nghe tin Thành phố Hồ



Cuộc mít tinh tại quảng trường Nhà hát Lớn ngày 19/8/1945. (Ảnh tư liệu).

Chí Minh cũng bị cơn bão Covid - 19 “càn quét” nặng nề. Lại lần nữa, bao người dân Quảng Ngãi mất ăn mất ngủ hướng về nơi xa ấy, nơi có biết bao người Quảng Ngãi hiện đang sống, làm việc, học tập và vất vả trên con đường mưu sinh. Thấu hiểu và sẻ chia nỗi khó của bà con xa xứ, nhiều tổ chức, cá nhân quyên góp gửi những chuyến hàng tình nghĩa vào trong ấy. Những đặc sản quê nhà như: hũ mắm mực, mắm nêm, cá bống, thịt heo ngâm mắm, cân đường, hộp sữa, quả bí, quả bầu... đã chuyển đến tay đồng bào Quảng Ngãi khó khăn hiện đang ở Thành phố Hồ Chí Minh. Những món quà quê rất mộc mạc, đơn sơ nhưng chứa đựng bao yêu thương của người dân quê mình.

Những tấm lòng thơm thảo ấy xuất phát từ “tình dân tộc, nghĩa đồng bào”, thứ tình cảm thiêng liêng ấy luôn chảy trong huyết quản của người dân Việt Nam chúng ta. Cao hơn đó tinh thần đoàn kết, đồng sức, đồng lòng đã đưa dân tộc Việt nam vượt qua muôn trùng sóng gió của thời đại. Trong trận chiến đương đầu với đại dịch Covid-19 lần này đã có nhiều câu chuyện đẹp và cảm động được lan tỏa trong cộng đồng. Như vậy, có thể thấy tinh thần đoàn kết dân tộc đã và đang được khơi dậy và phát huy cao độ những ngày qua trong nỗ lực phòng, chống dịch bệnh COVID - 19 và sẽ tiếp tục được phát huy trong thời gian tới, nhất định dịch bệnh sẽ được ngăn chặn và đẩy lùi♦

Tình cảm Bác Hồ đối với thương binh - liệt sĩ

○ VÕ HOÀNG NAM



Bác Hồ với các thương, bệnh binh.

(Ảnh: Tư liệu).

Sinh thời Bác Hồ luôn dành tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc đặc biệt đối với thương binh và gia đình liệt sĩ. Những người đã cống hiến xương máu, hy sinh tính mạng của mình để bảo vệ độc lập, tự do cho Tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân.

Có thể nói rằng lịch sử của dân tộc Việt Nam là lịch sử được viết bằng “máu và hoa” của những người yêu nước. Họ đã ngã xuống,

hy sinh nơi chiến trường khốc liệt để xây nên giang sơn gấm vóc Việt Nam như ngày hôm nay. Bác Hồ đã từng nói: “Máu đào của các liệt sĩ ấy đã làm cho lá cờ cách mạng thêm đỏ chói. Sự hy sinh anh dũng của liệt sĩ đã làm cho đất nước ta nở hoa độc lập, kết quả tự do. Nhân dân ta đời đời ghi nhớ công ơn các liệt sĩ...” (HCM: Toàn tập, Nxb CTQG, HN năm 2011, t. 12, tr. 401). Tình cảm của Bác

đối với thương binh, liệt sỹ không chỉ là sự tiếc thương, ngậm ngùi, đau xót và tự hào mà còn gọi lên tinh thần bất khuất, làm hồi sinh sức sống mãnh liệt của cả dân tộc. Trong thư Bác gửi cho bác sỹ Phạm Đình Tụng, khi được tin con trai hy sinh Bác viết: “Ngài biết rằng tôi không có gia đình, cũng không có con cái. Nước Việt Nam là gia đình của tôi. Tất cả thanh niên Việt Nam là con cháu của tôi. Mất một thanh niên thì hình như tôi đứt một đoạn ruột... Họ chết cho Tổ quốc sống mãi; vật chất họ mất nhưng tinh thần họ vẫn luôn luôn sống với non sông Việt Nam” (Sđd t. 5, tr. 204). Tháng 6-1947, Bác Hồ chỉ thị nên chọn một ngày trong năm làm “Ngày thương binh” để nhân dân ta có dịp tỏ lòng biết ơn, hiếu nghĩa, yêu mến thương binh, gia đình liệt sỹ và những người có công với đất nước. Thực hiện chỉ thị của Bác, Hội nghị đại biểu họp ở xã Phú Minh (huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên) nhất trí lấy ngày 27-7 hàng năm làm “Ngày thương binh, liệt sỹ”. Từ đó trở đi hàng năm ngày 27 tháng 7 đã trở thành “tượng đài kỷ niệm” các anh hùng liệt sỹ, thương binh trong lòng dân tộc Việt Nam, để tri ân những con người anh hùng đã ngã xuống vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc và cuộc sống yên bình của nhân dân. Tư tưởng, tình cảm của Bác đối với thương binh liệt sỹ được thể hiện rõ nhất trong các bức thư Bác Hồ viết nhân dịp ngày 27-7. Trong thư, Bác nhấn mạnh:

“Đang khi Tổ quốc lâm nguy... Ai là người xung phong trước hết để chống cự quân thù, để giữ gìn đất nước cho chúng ta. Đó là những chiến sỹ mà nay một số thành ra thương binh... Vì vậy Tổ quốc, đồng bào phải biết ơn, phải giúp đỡ những người con anh dũng ấy” (Sđd t. 5, tr. 204). Trước lúc đi xa, trong Di chúc thiêng liêng Bác, đã căn dặn: “Đầu tiên là công việc đối với con người. Đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình (cán bộ, binh sỹ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong...), Đảng, Chính phủ và đồng bào ta phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần “tự lực cánh sinh”.

Trong suốt 74 năm qua, phát huy truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” và lời căn dặn của Bác, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm đến các thương binh, gia đình liệt sỹ. Các hoạt động “đền ơn đáp nghĩa” ngày càng đi vào chiều sâu và xã hội hóa cao. Các phong trào xây dựng nhà tình nghĩa, tặng sổ tiết kiệm tình nghĩa, Quỹ đền ơn đáp nghĩa, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, chăm sóc con liệt sỹ mồ côi, đi tìm hài cốt đồng đội... ngày càng thu hút sự tham gia của toàn xã hội trong phạm vi cả nước. Tất cả những việc làm đó đều bắt nguồn từ bản chất tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh♦

Kỷ niệm về ngày đình chiến tháng 7 năm 1954

○ Hồi ký VŨ TIẾN ĐỨC

Chiến dịch Bắc Tây Nguyên đầu năm 1954, sau khi quân ta quét sạch hàng loạt đồn bốt địch giải phóng toàn bộ tỉnh Kon Tum rộng gấp 2 lần tỉnh Quảng Ngãi, bứt địch rút khỏi An Khê và đang uy hiếp thị xã Pleiku. Trong khí thế thắng lợi như chẻ tre, núi rừng Tây Nguyên bừng lên nỗi vui mừng thì đột nhiên có lệnh tất cả dừng lại. Chúng tôi ngơ ngác nhìn nhau không dám nói một lời, trong đêm tối người sau theo người trước, lục tục kéo về binh trạm. Sau vài tiếng đồng hồ chúng tôi có mặt tại địa điểm, đó là một khu rừng nguyên sinh với những cây cổ thụ cực lớn che kín bầu trời. Đêm tối sẫm, những đoàn người tất tưởi từ các hướng tập trung về đây. Họ còn nguyên xi nhiệm vụ với những quân lương quân khí, những chiến lợi phẩm nặng trĩu trên đôi vai gầy. Tất cả đứng ngồi từng tốp, từng cụm, từng đám đông, hàng chục, hàng

trăm người xung quanh những dãy lán trại nhẵn thín dấu chân người qua binh trạm. Không khí tĩnh lặng có thể nghe tiếng suối chảy róc rách xa xa và tiếng thì thầm to nhỏ có vẻ cẩn trọng, cơ mật của một số ít người...

Bỗng có âm thanh tiếng loa rè rè và lập tức là tiếng nói đồng loạt của một đồng chí ở binh trạm:

- Đồng chí đồng bào chú ý! Hiệp định đình chiến Đông Dương giữa Chính phủ Việt nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cộng hòa Pháp đã được ký kết tại Giơ-ne-vơ. Sau đây mời đồng chí, đồng bào nghe chúng tôi đọc mệnh lệnh ngừng bắn của Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp: "... Tôi ra lệnh cho tất cả các lực lượng vũ trang nhân dân, bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích trong toàn quốc nhất loạt ngừng bắn kể từ 0 giờ ngày 21 tháng 7 năm 1954!".

Tiếng hoan hô ban đầu dè dặt rồi sau bùng lên giòn giã, vang

dội cả khu binh trạm và lan ra khắp núi rừng. Nhiều người phấn khích reo to: “Hoan hô, Hòa bình rồi! Hòa bình rồi!”...

Hai mươi ngày sau hiệp định đình chiến Giơ-ne-vơ có hiệu lực, chúng tôi lên đường trở về trên Quốc lộ 24. Lần đầu tiên giữa ban ngày, từng đoàn bộ đội, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến ung dung vui vẻ, với gồng gánh mang vác hành quân về phía đông, không còn lo máy bay địch khủng bố nữa. Hồi đó con đường rải đá Kon Tum về Quảng Ngãi rộng khoảng năm mét, nhiều đoạn bong tróc rất khó đi. Nhưng dù sao cũng thuận tiện hơn rất nhiều so với ngày đầu mùa chiến dịch phải băng rừng, leo đèo lội suối rất vất vả. Không khí chiến thắng, hòa bình cộng với tâm trạng “mã hồi” nên chúng tôi đi khá nhanh. Cả trung đội thanh niên xung phong được giao nhiệm vụ vận chuyển vũ khí chiến lợi phẩm về xuôi. Cứ hai người thay nhau vác một bó gồm ba đến bốn khẩu súng trường tùy loại. Riêng tôi không vác súng mà nhận hai ba lô toàn là súng lục, máy ảnh và ống nhòm. Tôi khá thích thú được tiếp cận những thứ khí tài đặc biệt này, sành soạn mở nó ra xem và kiểm tra số lượng từng loại. Súng không có đạn, máy ảnh không có phim, riêng ống nhòm đưa lên ngắm thì được. Tôi không biết tại sao họ lại giao cho tôi mang cái thứ khí tài cao cấp này, vẫn biết rằng

mình là Bí thư Chi đoàn Thanh niên Cứu quốc của đại đội. Không thể đeo mang gì được, tôi chia đôi ra cho vào ba lô, lấy đòn gánh treo lên hai đầu để gánh. Đồng chí cán bộ quân khí có lẽ là của trung đoàn 108 Liên khu V tên là Đa, người mảnh dẻ nhỏ nhắn, nhanh nhẹn và tháo vát, chỉ huy chúng tôi đưa vũ khí rời chiến trường về hậu phương.

Nhân đây xin nhắc lại chuyện vui vui, chẳng là thằng bạn trong đơn vị thấy tôi gánh nhiều súng lục nên nó năn nỉ mượn một khẩu để đeo cho thỏa thích và đỡ nặng cho tôi. Cậu ta đeo súng lục và vác bó súng chạy băng băng lên trước hô to: Tiến lên! Tiến lên! Làm mọi người cười ì xèo về cái tính sĩ diện hảo của cậu ta. Không ngờ đồng chí Đa thấy được, bắt phạt vác thêm một bó súng nữa, cộng là bảy khẩu súng trường. Tuy vác trong thời gian ngắn thôi nhưng cũng đủ làm cậu ta ẹo cả xương sườn. Thế là cả trung đội chế nhạo: “Đeo một súng lục, phạt vác bảy súng trường!”.

Tuy là đường quốc lộ nhưng hồi ấy nhiều đoạn quanh co đèo dốc khá hiểm trở. Trời đổ mưa chiều, xuống dốc đèo Mang Đen chúng tôi phải đi tắt đường rừng cho nhanh nhưng dốc đứng trơn trượt rất nguy hiểm. Chúng tôi gặp một số gia đình ở thị xã Kon Tum bắt đầu đi tập kết. Họ là những cán bộ cơ sở trong thị xã mới được giải phóng đứng ra thành lập Ban Quân quản

xây dựng chính quyền. Không ngờ hiệp định Giơ-ne-vơ ký kết, theo thoả thuận hội nghị Trung Giã thì Kon Tum là khu vực 80 ngày ta phải bàn giao lại cho đối phương quản lý. Thế là Kon Tum là một trong những địa phương đi tập kết sớm nhất. Là người thị xã chưa từng xông pha nơi núi rừng, với quần là áo lượt mà dắt díu nhau leo đèo vượt suối, tay xách nách mang nhếch nhác trông thật là tội nghiệp. Một chị khoảng hơn 40 tuổi với túi hành lý kết sù, đi theo ông chồng bế đứa con gái lên ba và dắt tay đứa con trai lên tám tuổi. Anh vừa đi, thỉnh thoảng quay lại nắm tay vợ vượt qua chỗ khó. Cảnh tình họ trông rất vất vả gian nan, lúc nào cũng thở hổn hển, mếu máo, nước mắt đọng lưng tròng. Hồi đó không có phương tiện đi lại nào khác ngoài đôi chân, chúng tôi chỉ biết động viên an ủi và thỉnh thoảng xách cho cái túi nặng trĩu hoặc bông em bé lên ba trong chốc lát mà thôi.

Ngang qua đồn Măng Đen, xa xa đã thấy bãi dây thép gai mọc thịch, khô khan cuộn cuộn một màu xám xịt. Đồn nằm trên một quả đồi lum lum cao giữa không gian tương đối bằng phẳng, bát ngát. Đồn được thiết kế hình tam giác nằm sâu dưới mặt đất gần 2 mét để tránh hỏa lực bắn thẳng của quân ta. Ba lô cốt bằng bê tông cốt thép ở ba góc nhô lên cao đã bị bộc phá quân ta đánh hỏng, cái vỡ toang một bên, cái đổ sập,

nhiều vết đạn nham nhở. Nhà lớn giữa đồn cũng làm toàn bằng gỗ súc xếp làm tường, mái nhà nhô cao hơn thấy rõ không còn nóc, xiêu vẹo vì trận mưa ba-zô-ca và súng cối của quân ta trong trận mở màn từ đầu mùa chiến dịch. Không một bóng người, chỉ có đàn quạ đậu đầu đầy kêu: Khá... khá... khá... nghe mà rùng rợn!

Sân bay đã chiến bằng bạc một màu tiêu điều ảm đạm, đường băng trông rõ từng mảng cỏ khô cháy loang lổ, đó đây một vài vật dụng linh tinh lẫn lóc hoang phế. Cột cờ tín hiệu hướng gió gãy sập, hai đầu cắm xuống đất trông bệ rạc thảm hại. Chúng tôi định vào đồn xem một lần nữa cho tường tận, nhưng cấp trên không đồng ý vì lý do phải tranh thủ về Quảng Ngãi chuẩn bị cho ngày Tết Độc lập và Lễ Duyệt binh mừng chiến thắng ngày 2 tháng 9 đến.

Chúng tôi đi trong khí thế chiến thắng bừng bừng, ai nấy hoan hỉ bước mà lòng tràn ngập niềm vui chiến tranh đã kết thúc. Đường về còn phải vượt qua bao đèo núi cao, suối sâu hiểm trở mà giờ đây là con đường khá thuận tiện cho những bước chân đã trở thành thần thoại. Về quá Kon Plông lại gặp mấy tốp đồng bào dân tộc Ê đê, gùi nặng còng lưng, hả hê cười với hàm răng trắng toát và nùi thuốc lá rê méo xeo miệng trông thích thú. Thì ra đồng bào đi cống muối từ kho dự trữ chiến trường về dùng. Được biết đề phòng địch chiếm duyên

hải miền Trung, Bộ Tư lệnh Liên khu V chủ trương chuyển hàng trăm tấn muối do hàng nghìn dân công bằng đèo lội suối đưa lên đây dự trữ. Giờ cuộc chiến đã dừng lại, không cần bảo quản nữa, đồng bào Tây Nguyên mặc sức lấy về dùng dần.

Về gần Viôlắc chúng tôi dừng lại một binh trạm dưới tán cây rừng um tùm. Đâu đó tiếng chim rừng líu lo hót trong tia nắng sớm xuyên cành lá. Đồng chí Đa bảo chúng tôi giao lại số khí tài đó cho binh trạm và gọi riêng một số thanh niên, trong đó có tôi đi làm nhiệm vụ đặc biệt. Chúng tôi đến một nhà kho đã chiến cách đó độ khoảng một giờ đi đường rừng. Những dây lán sạp nhỏ gọn đứng rải rác, trong sạp chất nhiều bó vũ khí gói gọn trong vải bạt, lớp mỡ bò tẩm ra vàng quánh dính bết vào mặt vải. Không một lời giải thích lý do mục đích gì hết, chúng tôi cứ làm theo người trước, mỗi người vác một bó súng và cầm theo một que gậy chống đi đường. Có mười người vừa thanh niên vừa bộ đội, không ai chuyện trò hỏi han, không khí trầm lặng cơ mật. Anh bộ đội dẫn đường đi trước, vác toàn là cuốc và xà beng, vừa đi vừa ngoảnh lại nhìn thử chúng tôi có theo kịp không?

Ngược dòng một con suối nhỏ, chúng tôi đến khu rừng già nguyên sinh toàn những cây to một vòng tay ôm không xuể, cành lá rậm rạp. Cảnh vật hoang sơ hùng vĩ

khác hẳn nơi binh trạm, rừng thâm u nín lặng trầm mặc như để lắng nghe xa xa bước quân đi dốc mòn sỏi đá. Con suối trong veo nước chảy qua khe đá ồ ồ nghe mát rượi cả tâm can. Mới đầu bọn thanh niên chúng tôi chưa quen lội suối nên bị lao đao mấy lần xuýt ngã, có đứa bị tuột dép cao su thật là khổ sở. Cứ thế bươn ngược dòng rồi đến con suối cạn, nhiều tảng đá lớn và cây rừng gai góc thật khó đi. Anh bộ đội đi trước quay lại nhắc nhở:

- Mỗi người đi một ngã, không được đi thành lối mòn, không bẻ cây, không bứt dây rừng, hiểu chưa?

Chúng tôi lặng lẽ nghe theo và đi trong sự hồi hộp khó hiểu mệnh mang núi rừng đại ngàn. Đến bên tảng đá hình chóp to và mấy cây chò xum xuê, hai anh bộ đội để bó dụng cụ xuống đất và nói: “Đế đây!”.

Sau một chốc nghỉ xả hơi, chúng tôi chia làm hai tốp, tốp ở lại đào hố, còn tốp khác trong đó có tôi theo anh Đa quay lại vận chuyển tiếp vũ khí. Đến đây không ai bảo ai nhưng mỗi người chúng tôi tự hiểu rõ là mình đang làm gì? Giấu súng! Có nghĩa là chúng ta còn trở lại đây, trở lại Viôlắc này, đồng nghĩa với chiến tranh còn tái diễn? Chúng tôi không hiểu gì nhiều, chỉ biết làm theo mệnh lệnh trên chỉ dẫn mà thôi!

Quay lại một quãng liền gặp một tốp khác đang vác vũ khí đi

lên, thế là chúng tôi trung chuyển để họ quay lại. Cứ thế vài ba lượt, chúng tôi đã hoàn thành chuyển đủ toàn bộ số lượng vũ khí và anh em đào hầm cũng đã xong. Tất cả các loại súng đã được bảo quản cẩn thận, đảm bảo giữ được lâu dài trong lòng đất. Sau khi lấp đất đá bằng phẳng, cho rễ cây và lá khô phủ kín bề mặt để nguy trang, lẫn hòn đá to chặn lên trên cùng để lấp dấu vết cẩn thận. Xong xuôi công việc, chúng tôi leo dốc tìm con đường khác trở về bình trạm.

Đường về hậu phương ngày càng thêm nhộn nhịp từng bừng, núi rừng đại ngàn như được trở lại cái thâm u hùng vĩ của nó. Đó đây tiếng chim rừng hót vang rộn rã chào mừng những người thắng trận trở về. Từng ngọn cây bên đường, từng viên sỏi đá dưới chân cũng như đang reo hò, chia sẻ niềm vui chiến thắng, ca ngợi những người nông dân chân đồng vai sắt làm nên lịch sử, chiến thắng cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp. Chúng tôi đi cả ngày lẫn đêm, trăng khuya mờ lối vẫn không ngơi nghỉ, đói ăn, khát uống, buồn ngủ lẫn ra vệ đường, mong sao sớm về đến đồng bằng quê nhà.

Tham gia việc làm cơ mật ngày ấy lúc còn non trẻ, đã hơn 50 năm dậm dài trên những nẻo đường công tác, tất bật ở miền Bắc, miền Nam cho đến ngày về hưu, chưa có dịp nào nhớ lại. Mãi

năm 2008, trong lúc nghiên cứu biên soạn lịch sử Đảng bộ các xã thuộc huyện Nghĩa Hành, đọc tới lịch sử tỉnh Đảng bộ Quảng Ngãi trang 156. Thì chao ôi, tôi đã nhớ ra...! Tôi vô cùng xúc động và sung sướng, được biết số vũ khí mà mình tham gia cất giấu ấy đã được khai quật năm 1958, trang bị cho đơn vị vũ trang đầu tiên tỉnh Quảng Ngãi trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Tôi hết sức vinh dự, tự hào là một nhân chứng lịch sử về “một tiên liệu tuyệt vời” của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng của chúng ta. Tham gia giấu súng! Một kỷ niệm sâu sắc trong đời tôi về cuộc kháng chiến toàn dân toàn diện, trường kỳ gian khổ chống thực dân Pháp xâm lược. Giấu súng ngay sau ngày ký hiệp định Giơ-ne-vơ lập lại hòa bình Đông Dương năm 1954, sự kiện nói lên tầm nhìn chiến lược của Đảng và quân đội ta trong cuộc trường chinh cứu nước vì độc lập, tự do của tổ quốc.

Đã gần hết một đời người, những con người may mắn sống trong thời đại dân tộc quật cường, vươn lên như thiên thần Phù Đổng. Biết bao sự kiện lịch sử vĩ đại, với chủ nghĩa anh hùng cách mạng, cực kỳ anh dũng, hy sinh không bờ bến. Biết bao chủ trương đường lối thông minh sáng tạo cụ thể tuyệt vời không sao kể xiết, nhớ hết. Có nhớ chăng chỉ là những gì mình không thể nào quên được mà thôi!♦

Nén tâm hương mùi thanh quê

○ NGUYỄN THANH TUẤN

Cứ mỗi độ tháng bảy về, mang theo cái nóng như đổ lửa thiêu đốt những chòm phượng vĩ, tôi lại thu xếp gia đình và công việc giảng dạy của một giáo viên để cùng người chú thương binh đã già yếu về lại chiến trường xưa, tìm hài cốt người anh, người cha của chúng tôi.

Trước khi trận đánh ngày mùng 10 tháng 03 năm 1975 tại Buôn Ma Thuột kết thúc và giành thắng lợi, để cứu lấy em trai và những đồng đội của mình khỏi sự hi sinh bên thềm chiến thắng, cha tôi đã tự nguyện lấy thân mình dập pháo chỉ điểm. Chú tôi đặt cây súng xuống, ôm lấy xác anh trai đã cháy khét vào lòng mà mắt giáo hoảnh, không một giọt nước trào ra. Nơi chiến trường ác liệt nhưng đầy vinh quang không có chỗ cho những giọt nước mắt bi ai, “Nước mắt để dành cho ngày chiến thắng”. Không thể chờ lâu, phải tìm nơi nghỉ ngơi cho anh trai mình. Ánh mắt chú tôi nhìn xuyên qua màn

khói bom mù mịt rồi quyết định đặt ba tôi “nằm xuống” bên tảng đá ong lớn, dưới một gốc cây to đã bị bom đánh trơ cành vằn còn nghi ngút khói. Trước khi chia tay, chú tôi hẹn: “Anh yên tâm, nằm đây nghỉ ngơi một thời gian, em sẽ quay lại đón anh về với mẹ. Em tin chắc rằng, dưới sự chỉ huy của Thượng tướng Hoàng Minh Thảo - Tư lệnh mặt trận Tây Nguyên, chúng ta nhất định sẽ giành được thắng lợi cuối cùng”!

Chú tôi, ôm chặt cây súng lao vào chiến đấu cho cả phần của anh trai mình nhằm góp một phần nhỏ công sức kéo Đại thắng mùa xuân năm 1975 tiến lại gần hơn. Khi lá cờ tổ quốc đỏ thắm tung bay trên nóc Dinh Độc Lập cũng là lúc chú tôi lặng lẽ tìm về chiến trường Buôn Ma Thuột để thực hiện lời hứa với anh trai mình. Càng đến gần nơi anh trai yên nghỉ, chú tôi càng hoảng hốt... “Tảng đá ong đâu rồi? Cây cổ thụ lớn nhất vùng này đâu rồi”? Tất cả chỉ còn là tro bụi...

Nước mắt chú tôi bắt đầu tuôn ra như mưa. Mọi thứ mờ nhòa, chân tay bủn rủn, lời nói nghẹn đắng... Chú tôi bước đi trong tình trạng tự động tâm linh... Ông chạy tung tro bụi, ánh mắt kiếm tìm thẳng thốt, giọng buồn vời vợi... “Anh hai! Anh hai ơi... Anh ở đâu? Anh ở đâu? Em trở lại đón anh về quê mẹ! Anh... anh... anh hai”...

Thế rồi, một năm trôi qua, năm năm trôi qua, mười năm trôi qua... cho đến tận bây giờ, 46 năm đã trôi qua... Tôi không còn là đứa trẻ đỏ hỏn nằm trong lòng mẹ. Chú tôi không còn là anh bộ đội trẻ trung, anh dũng và vui tính. Đất nước không còn nghèo đói, đau thương... Nhưng, lời hứa của chú tôi vẫn chưa thực hiện được. Chiến tranh đã đi qua gần nửa thế kỷ. Các chiến trường ác liệt ngày xưa đã trở thành những nông trường, nhà máy, cánh rừng hồi sinh nhanh trù phú. Trường Sơn, Tây Nguyên trong đó có Buôn Ma Thuột ngày nào đã tự thay cho mình chiếc áo màu xanh mỡ màng, tràn ngập sức sống và niềm hi vọng! Cha tôi vẫn còn lưu lạc đâu đó... Điều này làm trái tim mang nhiều thương tích của chú tôi cứ đập loạn nhịp và co thắt, đau đớn mỗi khi đêm về nằm gác tay lên trán...

Chiến trường Buôn Ma Thuột đã ghi dấu chân chú tôi trong những ngày oanh liệt... Hòa bình lập lại mảnh đất này lại tiếp tục đón bước chân ông trên hành trình tìm anh suốt 46 năm qua.

Mười lăm năm đầu, chỉ có bước chân của chú tôi, gần ba mươi năm sau, có thêm dấu chân tôi. Khoảng hai ba năm nay, do sức khỏe yếu, chú tôi không thể tiếp tục công việc quan trọng nhất đời mình. Trên hành trình này, chỉ còn có bước chân tôi.

Năm nay, khác với mọi năm, trước khi tôi lên đường, ông giao lại toàn bộ những kỷ vật chiến trường cho tôi. “Đây là chiếc ba lô con cóc. Đây là chiếc võng Trường Sơn. Đây là chiếc bình toong và đây là mảnh giấy ghi số hiệu của ba con... Con hãy thay chú đi tìm và đón ba con về! Còn đây là bó hương được làm từ cây quế của quê mình, chú nhờ con mang vào Buôn Ma Thuột thắp cho ba con và cho tất cả những người đồng đội đã chiến đấu cùng với chú”!

Tôi lang thang trên chiến trường Buôn Ma Thuột ngày xưa cùng bó hương quế thơm phức trong ba lô trên lưng với hi vọng sẽ tìm được cha mình. Chiều 27 tháng 7, trên mảnh đất Buôn Ma Thuột, tôi thắp nén tâm hương ngát mùi thanh quế, tôi gọi: “Cha ơi! Cha ở đâu? Hãy dẫn đường chỉ lối cho con đón cha về”. Một mình tôi cúi đầu trước hoàng hôn rừng núi và tự hỏi: “Còn bao người con như tôi? Còn bao người em như chú tôi?”

Xin thành kính dâng lên những người đã chiến đấu, hi sinh cho độc lập dân tộc nén tâm hương mùi thanh quế”!♦

Những cây cầu mơ ước

○ Bút ký HOÀNG LAN QUYÊN

Thế là sau bao nhiêu năm mong đợi, người dân xóm Đồng Min (xã Bình Dương) sắp có cây cầu bê-tông như đã từng ao ước. Đây là chiếc cầu bê-tông thứ tư bắc qua sông Trà Bồng trên vùng đất cù lao bốn bề sông nước.

Từ thuở khai thiên lập địa trên vùng đất này, ông bà ta muốn qua sông thì phải lụy đò. Tiếng gọi đò... ơ... ơi... vẫn như còn í ới, vang vọng đâu đây trong tâm khảm mỗi người. Những năm sau ngày đất nước giải phóng (1975), người dân quê tôi cùng hợp sức đắp đập ngăn sông, đưa dòng nước ngọt rửa sạch các vùng hoang hóa chua phèn; biến những vùng đất đai khô cằn thành đồng xanh lúa tốt. Bên cạnh đó họ còn nghĩ ra cách làm cầu bắc qua sông để giao thông thuận tiện và thu cầu phí góp thêm vào nguồn ngân sách hàng năm của xã nhà.

Những chiếc cầu đơn giản được làm từ cây tre và dương

liều. Thường là vào khoảng đầu tháng Chạp khi mùa mưa lũ đã qua là bắt đầu làm. Họ chọn những thân cây cứng cáp lâu năm, đẽo gọt một đầu nhọn đóng xuống lòng sông làm nhịp cầu. Trên bề mặt trải những tấm phên đan từ nan tre già hoặc thân tre chẻ đôi, sắp lớp đều đặn, buộc chặt vào nhau. Mặc dù thời tiết mùa Đông mưa dầm, gió rét, các bác nông dân vẫn trầm mình ngụp lặn dưới lòng sông sâu. Họ không ngại vất vả, gian truân chỉ vì mong muốn có cầu để con cái đi học khỏi phải lội nước sớm hôm và mỗi khi có ai đau ốm thì được chạy chữa kịp thời. Cầu tre đã thay thế cho con đò ngang bập bênh trên sóng nước tự bao đời; trong đêm khuya thanh vắng không ai còn nghe tiếng gọi đò và nhịp chèo róc rách trên sông nữa. Cầu tre đã tạo điều kiện thuận tiện cho việc đi lại, nối liền các thôn xóm với mạch giao thông liên xã. Bà con, họ hàng như được gần gũi



Minh họa: LÊ VĂN QUÝ

nhau thêm. Người dân quê tôi vui vẻ truyền nhau câu hát:

*Bình Dương có bốn cái cầu/
Bình Trung, Xóm Cát, Bà Dầu,
Đồng Min*

Thế nhưng sự thuận lợi ấy thường chỉ đến cuối tháng tám Âm lịch là phải dừng lại. Bởi vì sau gần một năm sử dụng cầu đã bị hao mòn, lung lay không đủ sức chống chọi với lũ lụt. Nếu mưa lớn liên tiếp hai, ba ngày là nước sông sẽ dâng cao gần ngập cầu, rồi những cơn lũ đầu nguồn tràn về cuộn cuộn có khi cuốn trôi ra biển. Vì vậy mà người dân phải lo tháo dỡ, xếp cất để dành cho lần sau. Việc làm cầu cứ lặp đi lặp lại

như thế suốt mấy chục năm. Chặt cây, đẽo gọt, chẻ lạt, đan phên để làm cho kỳ được bốn cây cầu tre giữa mùa Đông mưa dầm gió rét. Thật là vất vả, tốn kém và hao tổn công sức nhưng mang lại nhiều niềm vui bình dị.

Những năm 1985-1986 dù kinh tế còn nhiều khó khăn, nhưng nhân dân trong xã cũng đóng góp kinh phí và vay vốn để làm cây cầu bê-tông nối liền đôi bờ hai xã Bình Trung- Bình Dương và thông thương với quốc lộ 1A. Cầu bê-tông đã nối mạch giao thông chính của xã tới mọi miền đất nước. Nói sao hết nỗi vui mừng của nhân dân xã nhà,

họ gọi là cây cầu cơ bản (thể hiện sự gần gũi và yêu quý). Những chiếc xe ô tô, xe tải... lần đầu tiên được qua sông đến với vùng đất mới. Xe chạy bon bon mang theo hàng hóa, vật liệu xây dựng góp phần kiến thiết xã nhà. Cuộc sống nơi đây dường như được sang trang nhờ có cây cầu vững chắc. Sau một thời gian, cầu Bình Dương đã mỗi mòn, xuống cấp. Vì thế đến năm 2011-2012 nhà nước đã cho kinh phí làm cầu mới thay thế. Cầu này to rộng, đường bề và có sức chịu trọng tải lớn hơn. Dù nắng hay mưa nó cũng phơi mình, chĩa lưng đưa đón các đoàn xe rầm rập về với vùng quê nghèo đang từng ngày đổi sắc thay da.

Niềm vui được nối tiếp khi chiếc cầu bê-tông thứ hai bắc qua núi Bà Dầu kết mạch giao thông với xã Bình Thới và trung tâm huyện lỵ Bình Sơn. Cầu này do một nhà hảo tâm là người con của quê hương Bình Dương tài trợ hoàn toàn. Đó là cầu Bà Dầu được xây dựng trên đoạn sông đã từng đi vào thơ ca của cố thi sĩ Tế Hanh ngày nào:

*Quê hương tôi có con sông
xanh biếc/ Nước gương trong
soi tóc những hàng tre*

Vì địa hình phức tạp, sông sâu, nước lớn nên việc thi công gặp nhiều trắc trở. Nhưng tình quê sâu nặng thôi thúc nên nhà tài trợ không bỏ cuộc giữa

chừng và cầu vẫn được hoàn thành vào tháng 9/2013. Cầu Bà Dầu như một cánh cung nghiêng mình soi bóng trên mặt nước trong xanh. Cây cầu đã góp thêm đường nét, tô thêm màu sắc cho bức tranh làng chài “cách biển nửa ngày sông” thơ mộng, làm nao lòng nhiều du khách thập phương.

Chẳng biết ý đồ của tạo hóa như thế nào mà con sông Trà Bồng khi chảy đến địa đầu của xã Bình Dương là rẽ nhánh uốn lượn vòng quanh ôm ấp làng quê rồi mới hợp lưu trước khi đổ ra biển lớn. Vì thế mà hai xóm ở hai đầu Đông - Tây của xã bị dòng chảy chia cắt. Đó là xóm Đồng Min và xóm Cát. Để thuận tiện đi lại người dân tự làm cầu tre, nhưng cầu tre thì “lắt lẻo, gập ghềnh khó đi”. Vì thế, họ luôn khao khát một cây cầu bê-tông chắc chắn hơn. Thế rồi ước mơ thành sự thật. Vào năm 2018-2019 nhà nước cho xây cầu bê-tông bắc qua xóm Cát, kết thúc sự cô lập bấy lâu nay. Người dân vui mừng khôn xiết khi nhìn theo những chiếc xe cộ cách chở hàng tấn lúa nhẹ nhàng qua cầu và đưa tới tận mỗi nhà. Những chiếc máy cày, máy gặt cũng đi đến nơi về đến chốn. Xóm thôn buồn tẻ tự bao đời giờ lại nhộn nhịp hẳn lên, con người gần như được tiếp thêm sức sống mới.

Từ khi xóm Cát có cầu, người dân Đồng Min càng ao ước.

Nhưng địa hình ở lưu vực này phức tạp hơn vì sông rộng, nước sâu bắc cầu rất khó. Hơn nữa là kinh phí lớn nên phải chờ đợi từ nguồn ngân sách phân bổ của nhà nước. Tuy vậy họ vẫn cứ ngóng trông, hi vọng. Mỗi lần nhớ lại sự việc xảy ra vào khoảng cuối tháng tám của hơn 20 năm về trước là họ không khỏi xót xa và thậm mong *“trời đất phù hộ, mau tới, mau sáng”* để có được cây cầu bê-tông. Mùa mưa năm ấy, lũ đầu nguồn tràn về cuộn cuộn; nước sông dâng cao cuốn trôi cả chiếc cầu tre ọp ẹp. Ngoài đồng, lúa vụ Hè - Thu đã bắt đầu chín lác đác. Thấy thời tiết không thuận lợi, bà con nông dân tranh thủ gặt hái với phương châm *“xanh trong nhà hơn già ngoài đồng”*. Gia đình anh H. ở thôn Đông Yên nhưng phải qua sông làm ruộng bên Đồng Min. Chiều hôm đó bầu trời thật u ám, mưa tầm tã. Sau khi gặt xong đám ruộng hai sào, bốn anh em quần áo ướt đầm như chuột lột. Họ hi hục khiêng vác, chất gọn các bao lúa tươi vừa gặt vào khoang ghe rồi ngồi lên thành ghe chuẩn bị về nhà. Dù mệt nhọc vì dầm mưa, trải gió cả ngày nhưng họ vui vẻ, mừng thầm là đã có đủ cái ăn trong mùa Đông sắp tới. Anh H. nổ máy cho ghe chạy qua sông. Rủi thay, ra đến giữa sông thì ghe bị lật úp, chìm ngấm. Bốn người chới với, kêu cứu. Nhưng

đang thời điểm chập choạng; mưa tuôn như xối; trời tối sầm và nước lũ lên nhanh nên mọi phương tiện đành phải bó tay. Sau sự việc ấy có nhiều đoàn của Huyện, Tỉnh về khảo sát địa hình, dự định làm cầu bê-tông để nhân dân qua lại khỏi gặp hiểm nguy. Nhưng thời gian thấm thoát trôi qua, người dân cứ trông mòn, trông mãi...

Và sự chờ đợi nào cũng đến hồi kết thúc. Năm nay cấp trên đã đầu tư kinh phí xây cầu. Sau mấy tháng thi công ngày 23/6/2021 cầu Đồng Min được hợp long trong niềm hân hoan vui sướng của người dân Bình Dương. Gương mặt quê hương tiếp tục thay đổi sang bước ngoặt mới. Cuộc sống rực hồng trong ánh bình minh.

Thật là:

Cám ơn Đảng đã cho ta dòng sữa / Bốn ngàn năm chan chứa ân tình (Tố Hữu)

Nhịp cầu nối những bờ vui. Đó là niềm mong ước của mỗi người dân quê tôi. Giao thông thuận tiện là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển kinh tế, văn hóa của vùng đất hạ lưu sông Trà. Nhịp sống đang từng ngày đổi mới, gấm lại thêm hoa. Với bốn cây cầu bê-tông bốn hướng, ước mơ của ông cha ta bao đời nay đã thành hiện thực. Một miền quê nghèo đang được hóa thân khởi sắc trong phong trào xây dựng Nông thôn mới đẹp giàu♦

Nỗi lo mùa dịch

○ Tản văn HỒ NGHĨA PHƯƠNG

Đây là lần thứ hai “cô Vy” ghé thăm tỉnh nhà, chỉ mới tròn năm mà quê tôi hai lần dịch Covid-19 là “khách” không mời nhưng vẫn đến. Còn lý do thì đang truy nguyên nhưng chắc chắn một điều là “F0” từ nơi khác về lây nhiễm về. Một lần nữa chính quyền và các cơ quan vào cuộc quyết liệt khẩn trương truy vết đưa một số F1 đi cách ly tập trung ngay và truy tìm số F2 có liên quan để có biện pháp ngăn chặn dịch bệnh hữu hiệu.

Lướt qua các cửa hàng, quán xá, chợ búa và đường phố sau một đêm thức dậy vắng vẻ hơn mọi ngày, mọi sinh hoạt bị xáo trộn và dòng người xe thưa thớt. Nắng hạ hình như đổ dầu vào lửa ngày càng hanh nóng hơn. Tuy nhiên, khi ra đường mọi người đều che chắn kỹ nhất là đeo khẩu trang y tế. Họ gặp nhau người quen chỉ nhớ mang máng, gật đầu chào nhau, không còn thân mật vài câu thăm hỏi hay bắt tay như trước. Cũng đúng thôi, xã hội đang thực hiện lệnh giãn khoảng cách, nhà ai nấy ở, khi thật cần thiết mới ra ngoài đường. Âm thanh thường nghe là tiếng còi báo

hiệu xe cứu thương chở người F0, F1... từ vùng dịch đến bệnh viện để chữa bệnh Covid và trung tâm cách ly, tiếng còi hụ nghe nhói nhói trái tim. Đâu đây loa phóng thanh lưu động của trung tâm y tế hướng dẫn mọi người phòng chống dịch bệnh, khai báo y tế... Hàng giờ, mọi người đều chăm lướt điện thoại, máy tính bảng, laptop, ti vi... hơn để xem thông tin dịch bệnh đang diễn ra ở đâu, số người mắc Covid... Và nghe ngóng xem em “cô Vy” đã ghé thăm những địa điểm mà mình tình cờ lui tới giao dịch không? Rồi những tin nhắn, chuông điện thoại thăm hỏi người thân ở xa “Tình hình nơi ấy có gì không? Và không quên lời dặn dò nhớ bảo trọng...”.

Trong sinh hoạt cá nhân, mỗi người đều biết điều tiết mọi hoạt động, thói quen sinh hoạt, chế độ ăn uống hợp lý, tăng cường rèn luyện sức khỏe, tập thể dục thể thao trong nhà... Có thể, đây là cơ hội cho mỗi chúng ta tự làm việc online mà không cần tiếp xúc với người khác. Nhiều shipper len lỏi mọi ngõ ngách mang hàng đến tay người có nhu cầu đặt hàng. Mọi

người cũng tranh thủ đến siêu thị, của hàng, chợ tạm... lúc thưa vắng người mua hàng hóa thiết yếu để tiêu dùng trong những ngày giãn khoảng cách xã hội.

Thương yêu lắm đối với các nhà tài trợ, nhà hảo tâm, tình nguyện viên ủng hộ động viên bằng hành động cụ thể: Những chuyến hàng thiện nguyện đầy tình nghĩa hỗ trợ bà con nơi vùng bị cách ly, nơi những người trong diện cách ly tập trung. Ngoài ra, họ còn hỗ trợ cho lực lượng ở tuyến đầu chống dịch bao gồm: Đội ngũ y bác sĩ, lực lượng vũ trang (Công an, Quân đội...), lực lượng trực tiếp và gián tiếp ở cơ sở tự nguyện giúp dân vượt qua những khó khăn trong những ngày bị cách ly. Không thể kể hết những tấm lòng vàng, sự hi sinh vượt qua khó khăn gian khổ với bao đêm thức trắng ở các chốt kiểm tra y tế, dịch tế ở các đầu cầu, cửa ngõ vào địa phương. Họ mặc trên người bộ đồ bảo hộ chống dịch, sự nguy cơ lây nhiễm với F0 là rất cao để mang sự bình yên đến mọi người, mọi nhà. Vừa mới đây, Tỉnh có chủ trương tổ chức những chuyến xe tình nghĩa chuyển gắp vào vùng tâm dịch nhiều loại hàng hóa, lương thực, thực phẩm... để hỗ trợ cho bà con tạm thời vượt qua khó khăn, nhất là tổ chức những chuyến xe đón bà con quê Quảng Ngãi đang kẹt dịch trong thành phố Hồ Chí Minh. Mặc dù điều kiện tổ chức các khu cách ly ở địa phương cũng gặp khó khăn về cơ sở vật chất, thiếu đội ngũ y bác sĩ

khám chữa bệnh và lực lượng hỗ trợ phục vụ công tác phòng chống dịch còn phân tán. Rất mừng một số doanh nghiệp và các nhà thiện nguyện đã đồng hành chia sẻ với những khó khăn của tỉnh.

Không thể không nhắc đến những khó khăn vì mùa “đại dịch”, thu nhập bà con sẽ giảm vì nông sản thu hoạch bán ra chậm hơn, việc kinh doanh giảm sút về doanh số, có nhiều cửa hàng thuê mướn phải đóng cửa tạm thời hoặc phải trả mặt bằng. Nhiều người ngồi trong nhà nhìn ra than ngắn thở dài, mong sao cho dịch bệnh sớm được ngăn chặn đẩy lùi để cuộc sống trở lại bình thường.

Bây giờ là tháng Bảy đi qua hơn hai tuần rồi, thỉnh thoảng có những cơn mưa đông cuối chiều nhưng vẫn chưa đủ làm mát không khí nóng rang nhất là những tin tức “nóng” về dịch bệnh Covid. Dải đất miền Trung đang đón những cơn mưa đầu tiên ngày Hạ, không khí có phần dịu mát dần để bắt đầu chuyển sang Thu. Khi tôi viết những dòng chữ này, thì thỉnh thoảng tôi vẫn nhìn lướt trên mạng xem cập nhật thông tin về có ca dịch bệnh mới được phát hiện không, nỗi lo chung hiện hữu? Ngoài kia dòng đời đang trôi chảy, niềm hạnh phúc và nỗi khổ đau của nhân loại đan xen nhau. Dòng sông trước nhà vẫn lững lờ con nước và rồi dòng nước sẽ trôi chảy ra biển lớn mênh mang. Tất cả sẽ đi qua, tôi cầu mong mọi người được bình yên - an lành trong mùa đại dịch♦

Trách nhâm

○ Truyện ngắn PHẠM VĂN HOANH

Chị Xinh mở toang cửa sổ để cho những luồng gió nồm thổi vào. Nhưng nó cũng không xua tan được cái oi bức của mùa hạ. Ngoài trời cái sân gạch nằm trơ mặt hứng chịu cái nắng cháy da cháy thịt. Những bông hoa bằng lăng cuối mùa nhợt nhạt rơi lả tả xuống mặt nó dấy lên trong lòng chị một nỗi buồn man mác. Hai năm trước giờ này chị đã dẫn đoàn tham quan đi Sa Pa rồi. Cũng tại con Covid 19 chứ không thì hè này dẫn đoàn tham quan đi Sài Gòn rồi lên Đà Lạt nghỉ mát. Chị nói một mình:

- Tình hình Covid 19 đang diễn biến phức tạp trên thế giới nói chung, nước ta nói riêng gây ra bao nỗi khổ cho nhân loại. Các ngành nghề đều đình trệ. Công ty Du lịch của hai vợ chồng chị đóng cửa mãi. Nhờ có hè mà hè nào cũng xuất hiện con Covid 19 lấy gì ăn. Mấy tháng nay nằm nhà không có tiền bực ghê. Bây giờ nó lại biến thể liên tục. Kệ. Nó có biến thể thế nào đi nữa thì

cũng không tránh khỏi sự tiêu diệt. Đã có vắc xin rồi không sợ. Nhất định nó sẽ bị tiêu diệt sớm. Nhiều nước trên thế giới đã tiêm vắc xin cho nhân dân rồi. Việt Nam cũng đang tiến hành tiêm. Nhưng nguồn vắc xin chưa đủ. Cách chống tốt nhất là mỗi người phải thực hiện đúng thông điệp 5K của Bộ Y tế: “Khẩu trang - Khử khuẩn - Khoảng cách - Không tập trung - Khai báo y tế”.

Nói rồi chị lấy nước sát khuẩn và khăn lau nhà, lau cửa, lau bàn ghế. Lau xong chị vào bàn ngồi lấy di động ra xem. Chị thấy tin nhắn của Tổng đài 1408 kêu gọi ủng hộ Quỹ vắc xin Covid 19. Chị liền ủng hộ theo khả năng của mình. Một phút sau chị nhận được tin nhắn cảm ơn của tổng đài 1408 lòng chị vui như mở hội. Chị mở facebook ra đưa tin nhắn lên để chia sẻ với mọi người. Nhưng khi mở facebook ra chị lại ngập ngừng. Có nên đưa lên không? Con tim thì bảo đưa lên, bộ não thì bảo không đưa lên. Chẳng lẽ cái gì cũng

đưa lên facebook sao? Đưa lên. Không đưa. Cuối cùng bộ não đã thắng được con tim. Hình như chị nghiện facebook. Mà không hình như nữa. Rõ ràng là chị nghiện rồi. Thằng Xấn xin phép chị đi qua nội mà chị không nghe. Chồng chị ngoài vườn gọi to bảo chị bật đèn cái cầu giao mô tơ tưới mấy cây kiểng mà chị cũng không nghe. Chồng chị phải chạy vào bật.

Chồng chị vừa bước vào, thấy chị đang dán mắt vào cái di động, anh sững sốt nói:

- Hồi nào cũng facebook. Gọi bật cái cầu giao mô tơ mà không thấy ai cả.

Chị Xinh cười:

- Chứ thằng Xấn mới đó mà anh. Sao anh không kêu nó bật?

- Kêu rồi mà không thấy đâu. Chắc thằng này mê game nên không nghe.

Chị Xinh nói:

- Cũng tại anh. Mấy bữa nay nó lấy di động anh chơi game miết thành ghiền.

- Anh tưởng để nó giải trí. Chứ hay nghiện liền vậy ai cho.

Chị Xinh nói:

- Thôi từ nay anh không đưa di động cho nó chơi game nữa! Di động thông minh đụng vô là ghiền ngay. Mấy ngày nay cách ly không biết làm gì, mở facebook ra tương tác tự nhiên em mê luôn. Thấy cái gì cũng muốn đưa lên phây.

Nói xong chị gọi to:

- Xấn ơi! Xấn ơi!

Không thấy Xấn trả lời. Chị chạy vào phòng của nó. Chị thấy di động của chồng còn đang sạc pin. Chị ra bàn lấy di động gọi. Di động của thằng Xấn đổ chuông nhưng không thấy nó trả lời. Chị nói với chồng:

- Mới thấy nó đang đứng đằng sau em đây mà. Cái thằng lẹ như tép. Dặn rồi phòng chống Covid 19 là phải ở nhà và thực hiện đúng 5K. Vậy mà cũng đi. Không biết có đeo khẩu trang không nữa? Chắc là đi chơi game rồi. Bực ghê. Tìm được nó phải biết tay tôi.

Chị dắt cây xe vision ra sân nổ máy chạy đi tìm. Chị lòng vòng mấy quán game thấy quán nào cũng dán thông báo đóng cửa vì dịch. Chị quay về nhà thấy Xấn đang nạp sạc. Chị hỏi:

- Hồi này giờ con đi đâu?

Xấn nhỏ nhẹ:

- Con qua bà nội.

- Con nói dối. Con đi chơi game phải không? Quán đóng cửa con chạy về phải không. Mới chơi game mấy bữa mà nghiện rồi.

Xấn nhỏ nhẹ:

- Con đâu có nghiện.

- Chứ con đi đâu mà không nói để mẹ tìm.

- Con xin phép hồi này. Thấy mẹ gục đầu rồi con mới đi. Con qua bên nội. Không tin thì mẹ qua hỏi bà nội.

Chị Xinh nhớ lại. Hồi này Xấn có đứng đằng sau mình. Chị nghĩ chắc có lẽ tập trung vào facebook

nên mình không để ý. Đúng là tai hại. Đúng là tai hại. Chị biết mình sai nên hỏi qua câu khác.

- Sao mẹ gọi con không bốc máy? Có thấy cuộc gọi nhờ của mẹ không?

- Máy con để ở nhà. Con để chế độ im lặng. Về con thấy cuộc gọi nhờ, định nạp xong cái cạc rồi gọi lại, mà nạp chưa xong mẹ đã về.

Nghe con nói nạp cạc chị Xinh trố mắt.

- Mới nạp năm chục ngàn hôm qua nay hết rồi là sao? Lấy tiền mua game chơi phải không? Tiền đâu có mà bây giờ con mua cạc? Lấy tiền của ai nói mau!

Rồi chị gọi chồng:

- Anh Xinh ơi! Ra đây để mà sáng mắt. Cứ chiều con mãi. Nó muốn gì được nấy là sao.

Anh Xinh từ buồng trong bước ra bảo:

- Từ từ chứ sao la dữ vậy em! Phải để cho con nó nói chứ. Ý làm cha làm mẹ muốn nói gì nói sao được.

Chị Xinh nói:

- Anh thì hồi nào cũng bênh con. Mắng không uốn để tre uốn sao được.

Anh Xinh nhìn Xấn hỏi:

- Con gọi cho ai mà nhanh hết tiền vậy? Hôm qua mẹ mới đưa năm chục ngàn cho con mua cạc mà. Nay mới mua hủ? Hay con vào mạng mua game rồi? Nói cha nghe thử.

Nghe cha nói thằng Xấn mếu máo:

- Con đâu có nghiện game mà mua. Hôm qua con nghe thấy trên ti vi nói Tổng đài 1408 kêu gọi ủng hộ Quỹ vắc xin Covid 19 qua tin nhắn, nên con đã nhắn tin ủng hộ 50k.

- Vậy mà sao con không nói cho cha mẹ biết. Lần sau không được tự tiện vậy nghe con!

- Con định hỏi nhưng thấy cha mẹ mắc công việc. Hồi nãy con định nói với mẹ là con ủng hộ Quỹ vắc xin Covid 19 và xin tiền nhưng sợ mẹ la nên con chạy qua nội xin năm chục ngàn rồi ghé qua quán mua cạc luôn.

Anh Xinh ôm con vào lòng âu yếm:

- Con của cha mới học lớp bảy mà giỏi quá, tốt quá! Biết lo cho đất nước quá!

Nghe cha khen Xấn nói:

- 50K có gì đâu cha. Con thấy trên ti vi hôm trước có đứa học trò ở Hà Nội mới học lớp năm ủng hộ Quỹ vắc xin Covid 19 năm triệu đồng từ tiền tiết kiệm bỏ heo đất đấy cha.

Nghe con nói chị Xinh thấy mình có lỗi với con, Chị cứ nghĩ trẻ con không biết gì. Ai ngờ con chị lại có tấm lòng nhân nghĩa như vậy. Chị chạy đến ôm con vào lòng khóc nức nở:

- Mẹ xin lỗi con! Mẹ đã trách nhầm.

Chị vỗ nhẹ vào lưng con âu yếm:

- Lần sau ủng hộ ai, ủng hộ vấn đề gì phải cho cha mẹ biết nghe con♦

Dang dở

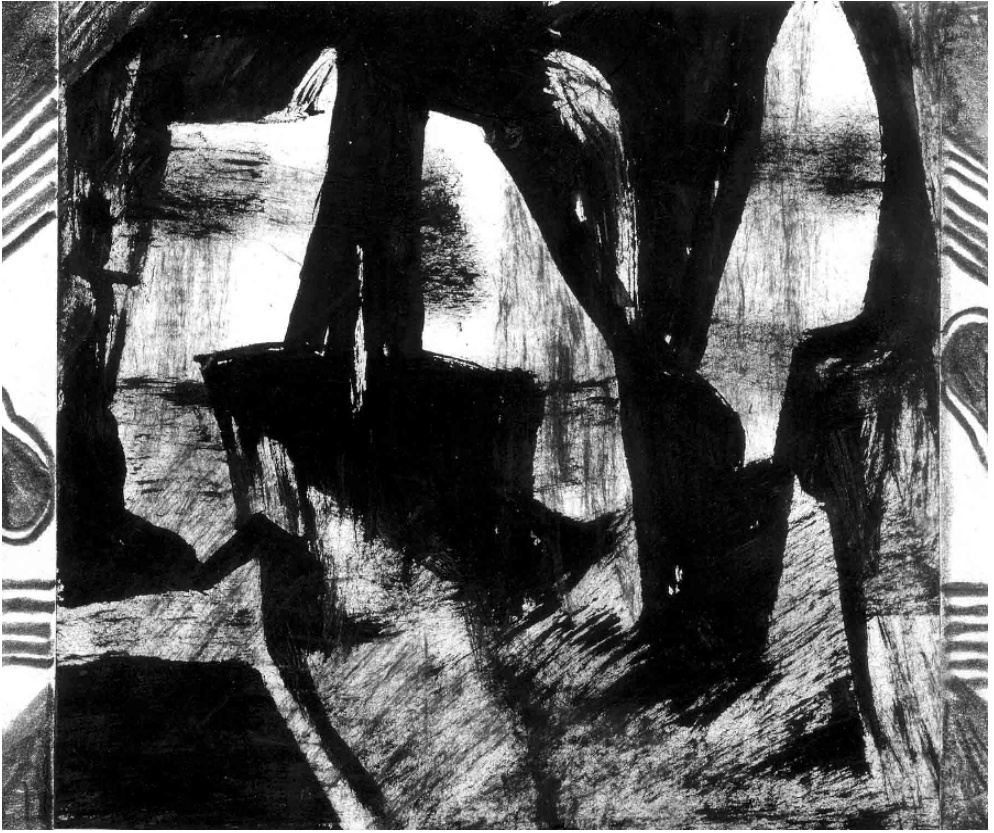
○ Truyện ngắn DUỖNG THANH HƯỖNG

1. Lan mệt mỏi buồng điện thoại xuống, rồi nằm thừ ra giường. Cả tuần nay liên lạc với Lành không được. Cô vô cùng tức giận. Yêu nhau hơn mười năm, đã nhiều lần cô phải đi bệnh viện phá thai, lần nào bảo cưới, Lành cũng chần chừ nói chưa được chuyện nọ, chuyện kia. Lần này, cô nhất quyết dùng cái thai để trói buộc Lành vào hôn nhân. Nhưng khi cô đưa giấy siêu âm báo cô đã mang thai được tám tuần thì Lành tức giận bỏ đi và cả tuần nay không nghe máy.

Cô và Lành là bạn đồng hương Quảng Ngãi, cùng học một trường làng, cùng lớn lên bên dòng sông thơ mộng, cả hai có với nhau biết bao kỉ niệm. Lúc nhỏ cùng cõng trườn tắm sông, cùng bắt chuồn chuồn cho cắn rốn, cùng hái trộm ổi nhà bà Tư bị chó rượt... Lớn lên một chút hai đứa lại cùng đến trường, qua chiếc cầu tre cao, thấp theo dòng nước nổi. Cùng ngồi bên nhau ngắm hoa lục bình tím ngắt cả khúc sông sau nhà khi lần đầu hò hẹn. Những đêm trăng, trẻ con đi chơi rước đèn,

hái bông bụt làm đèn lồng còn hai đứa trốn người lớn hôn nhau bên gốc rạ. Cái cảm giác yêu lén, yêu lút lúc nào cũng làm cho con người ta hào hứng. Chỉ cần vắng người lớn là hai đứa đến bên nhau. Cũng chỉ dừng lại ở cái hôn vội vàng, cái nắm tay siết chặt.

Rồi gia đình Lan chuyển vào Sài Gòn sinh sống khi cô mới hết cấp hai, tình thơ dại ngày xưa giờ chỉ còn là kí ức. Nhiều đêm trong giấc mơ Lan dường như gặp lại Lành, mỗi lúc đó người cô run lên bần bần nhất là khi thấy Lành đang ôm chặt mình, chặt đến mức không thể thở được. Tỉnh dậy, mồ hôi vã đầy mặt, ướt đầm cả chiếc váy ngủ, nhìn kĩ thì thấy chị Hai đang ôm cô ngủ ngon lành. Chị Hai cô vốn sợ ma, nên hay ngủ chung với cô. Rồi ba mẹ bạo bệnh lần lượt qua đời chỉ còn hai chị em dất dứu nơi xứ lạ. Với ý chí, quyết tâm học hành Lan đậu trường Đại học tài chính. Ngày đi làm thủ tục nhập học, nhìn thấy dáng người dong dong cao, nước da đen nhánh của người xưa cô đã suýt ngã.



Minh họa: NGOC BÌNH

Như một định mệnh, hai người lao vào nhau như con thiêu thân. Cô cháy hết mình trong tình yêu với Lành. Hai đứa như cố bù lại thời gian bao năm xa cách. Lần đầu tiên cô bị chị Hai phát hiện đã đến kì nhưng không thấy cô dùng băng vệ sinh. Chị dò hỏi, cô mới giật mình phát hiện đã có thai được mấy ngày. Cô sợ hãi báo với Lành. Sau một hồi suy nghĩ Lành dẫn cô đi hút điều hòa vì lí do cả hai đang còn học. Cô yên tâm làm theo và cũng từ chuyện đó chị Hai cấm hai đứa qua lại để học hành nhưng ăn quen nhin

sao quen. Cấm thế nào rồi hai đứa bọn cô vẫn thu xếp thời gian cho nhau được. Rồi chị Hai cũng có gia đình, căn nhà nhỏ ba mẹ để lại chỉ còn mình cô, hai đứa lén lút hoài cũng chán nên sống công khai luôn. Cấm hoài không được, chị Hai cũng chấp nhận, chỉ mong hai đứa mau chóng kết hôn. Đang yên ổn hạnh phúc sống già nhân ngãi, non vợ chồng thì Lành có công việc ở Bình Dương. Đi về xa xôi nên Lành thuê nhà ở luôn dưới đó, chỉ cuối tuần mới về. Lâu nay, Lành cũng không về nữa. Cô lo sợ, cô ghen tuông, bực

bội và chán nản vô cùng.

Hơn mười năm yêu nhau cô đã là khách quen của phòng khám tư bác sĩ Vi. Thấy cô đi khám một mình, cứ lần chần không muốn về, bác sĩ Vi tình ý gọi cô vào phòng nói:

- Em không nên phá thai nữa. Nếu em phá nữa thì sau này em sẽ rất hối hận vì không thể có con.

Bác còn nói thêm:

- Đứa bé làm gì có tội. Dù sao nó cũng là con em. Mẹ đơn thân ngày nay đây.

Được cảm thông cô òa khóc nức nở và nói trong tiếng nấc:

- Em đã chọn sai người rồi bác sĩ ơi. Hơn mười năm của em! Cả tuổi xuân của em, trót yêu một thằng Sở Khanh chính hiệu. Em đã đánh mất nhiều cơ hội tốt. Em chẳng để tâm đến ai ngoài hắn. Vậy mà giờ đây, hắn ta bỏ đi biệt khi biết em lại có thai.

Nước mắt làm cô thỏa cơn uất hận, bác sĩ bảo cô: “Trái tim người đàn ông làm bằng sắt nhưng sự mềm dịu, nhẹ nhàng có thể làm cho nó tan chảy”. Nghe lời bác sĩ, cô lấy điện thoại gọi, Lành không nhắc máy, cô nhấn tin:

- Anh ăn tối chưa? Em xin lỗi vì đã tức giận với anh. Thứ bảy này anh về không? Em đi chợ nấu món anh thích ăn nha.

Điện thoại không hồi báo, cơn điên trong người cô trở dậy. Cô cố dập tắt nó và nhỏ nhẹ:

- Anh về không anh? Em nhớ anh lắm! Em mang thai tự em

chịu, em không bắt anh cưới em đâu.

Máy lóa tin:

- Tôi không quay về nữa đâu. Tất nhiên tôi cũng không bao giờ chịu cưới cô.

Lòng thù hận trong người cô tự nhiên kéo về như bão tố. Cô nhấn bức tối hậu thư cuối cùng.

- Vậy là giờ chúng ta chấm dứt phải không? Tôi có quyền lấy thằng khác phải không?

- Tùy cô. Điện thoại báo.

Tức điên, cô đe dọa:

- Dù tôi có lấy một thằng đui, mù, què, sút hay điên điên, khùng khùng cho nó nuôi con anh. Anh cũng không quan tâm phải không?

- Tùy cô, tôi không quan tâm.

Lan đập cái điện thoại xuống đất vỡ toang, cô tức quá, đi đi lại lại trong phòng và chửi không tiếc lời kẻ đồn mặt không có mặt. Cô nghiến hai hàm răng đến bật máu và thốt từng chữ:

- Mày đợi đấy! Tao sẽ trả thù mày!

Chị Hai cô biết tin, Lành bỏ em gái mình, tức tốc chạy xuống Bình Dương hỏi cho ra lẽ. Lành từ chối gặp mặt và nhấn lại rằng: “Tôi và em chị không có quan hệ gì. Chị và nó nên tự trọng kéo xấu mặt”.

Giận tím người, chị lao vào phòng giám đốc quậy tung tóe lên. Lành bị đuổi việc trở về quê.

Mấy tháng trôi qua, cái thai lớn lên cùng với lòng thù hận. Lời chị cô hôm nào luôn vang bên

tai:

- Không lẽ em thua nó sao. Em coi đứa bạn nào còn son rồi, cái thằng gì, thằng Hoàng bạn học vẫn luôn theo đuổi em đó.

- Nhưng nó hơi mách mách.

- Càng tốt, nó có vợ là mừng rồi. Một mũi tên trúng hai đích. Vừa được đám cưới danh chính ngôn thuận sinh con, vừa để một thằng khùng nuôi dạy con thằng Lành cho nó hối hận không kịp.

Nghe lời chị, cô bắt đầu chiến dịch khóc than, buồn bã với Hoàng. Và đề nghị Hoàng làm đám cưới với mình. Cô nói với Hoàng, cả hai đã lớn tuổi rồi, cô vừa thất tình, không muốn yêu đương nữa, chỉ muốn cưới.

2. Hoàng là con trai út của một gia đình nghèo cùng quê với Lan. Nếu cả tuổi thơ của Lan và Lành là tình yêu học trò thơ mộng thì Hoàng là đòn roi bởi cậu luôn nghịch ngợm đủ trò. Đánh nhau nổi tiếng cả một xóm. Học chưa hết cấp hai Hoàng đã phải theo anh đi bôn ba xứ người học nghề sửa máy xúc, máy đào. Cũng lạ, học dở nhưng mấy cái máy móc đó như cuốn hút Hoàng. Cậu say mê học nghề và thành tài. Khi anh trai lớn lấy vợ. Ngại chị dâu. Cậu bỏ ra mở xưởng làm riêng. Hoàng có tính hơi manh manh nên khách nhiều nhưng tiền chẳng thu được mấy. Cuộc sống của Hoàng cũng cơ cực. Ngày còn đôi mươi hề Hoàng tán đứa con gái nào là nó chạy mất dép. Nó sợ cái tính manh manh của Hoàng.

Lần lượt các bạn lấy chồng, lấy vợ Hoàng vẫn đến đám cưới các bạn vui vẻ hết mình, rồi đêm về nhà lại cảm thấy cô đơn, trống trải. Những lần cùng khách hàng qua đêm ở những nhà thổ, Hoàng cũng cảm nhận được hạnh phúc của người đàn ông là phải có một người phụ nữ. Chát chít miết cũng ngán. Đêm nào Hoàng cũng nhậu say khuướt rồi ngủ. Lan cũng là cô gái mà Hoàng cố tình săn đuổi coi như hy vọng cuối cùng. Hàng trăm tin nhắn đi, không một tin trả lời.

Đêm, trăng lồng lộng soi xuống khu nhà trọ ẩm ướt, cũ kĩ nơi đã hơn mười năm cậu thuê để mở tiệm. Cậu bỗng cảm thấy nhớ quê da diết. Mở điện thoại, Hoàng thấy tin Lan trả lời:

-Bạn quá, hôm nay tớ mới đọc được tin cậu. Cậu khỏe không? Đang ở đâu? Làm gì?

- Nghệ An, vẫn khỏe và cô đơn. Lan thế nào?

Hình mặt khóc hiện ra.

- Sao Lan khóc vậy?

- Lan buồn lắm, Lan đang thất tình cần người an ủi.

Cả đêm ấy Hoàng cảm giác đang được tôn trọng, đang được nhờ vả và hình như cậu đang được đề nghị yêu.

Khi Lan hỏi:

- Hoàng có để ý đến quá khứ của Lan không?

- Không. Cậu dứt khoát trả lời.

- Dù tớ không còn trinh trắng.

- Không sao, chỉ cần Lan dành

trái tim cho mình.

- Chưa, trái tim tớ chưa hoàn toàn quên người ấy.

- Cũng được, tớ sẽ cho cậu thời gian.

Chưa đầy hai mươi ngày, Hoàng được điệu vào Sài Gòn, chụp ảnh cưới và đi khắp nơi đưa thiệp. Tất nhiên bạn bè, người thân được thông báo hạn chế.

Ai cũng vừa mừng vừa lo. Bởi ai cũng biết, người Lan yêu là Lành. Bạn bè có nói ý đồ với Hoàng, cậu gạt phắt đi bảo:

- Tớ có vợ, hãy mừng cho tớ.

Can không được thì đành. Nhưng kết quả của cuộc hôn nhân thế nào thì ai cũng nhìn rõ. Đám cưới xong, Lan lấy cớ vẫn chưa quên được người yêu cũ bảo Hoàng ra Nghệ An đi. Khi nào Lan thấy bình yên sẽ gọi Hoàng về. Hoàng nấn ná ở lại Sài Gòn mong bản thân có thể giúp Lan quên tình cũ. Nhưng Lan kiên quyết từ chối.

Hoàng đi được một tháng thì bạn bè gọi điện chúc mừng tới tấp. Thì ra Lan đã mang thai. Hoàng tức tốc vào lại Sài Gòn để hỏi cho ra lẽ. Hoàng biết chỉ mới hôn thì chẳng thể có bầu. Ai ngờ chưa kịp mở lời, Lan đã nghiêm giọng:

- Về làm gì? Ai gọi mà về? Anh nghĩ tôi lấy anh vì tình yêu à? Vì tôi chỉ muốn hợp thức hóa cái thai với xóm giềng và trả thù thằng bồ cũ của tôi mà thôi. Nếu anh chịu được thì ở, không chịu được thì li hôn. Tôi đã sẵn sàng,

Cái thá anh ấy à, cho tôi chùi chân, tôi cũng gớm.

Tức điên người, Hoàng bật một bạt tai như trời giáng xuống mặt con đàn bà ghê gớm đó. Rồi bỏ đi.

Nhưng mới cưới vợ được hai tháng đã li hôn, Hoàng cũng thấy kì. Với lại cậu nghĩ:

- Khinh ta ư? Để ta giày vò mi cho mi chết.

Cậu thu xếp công việc làm ăn và vào Sài Gòn. Cậu nói với Lan:

- Em không yêu anh nhưng anh trót yêu em rồi. Con ai kẹ, giờ anh coi như con mình.

Hoàng nếm gai nằm mật, sẵn sóc Lan lâm bồn chu đáo đúng vai trò người chồng. Năm tháng qua đi, Lan cũng quen dần với mái tóc lờm chớm của Hoàng, mùi mồ hôi thối khoắm của Hoàng cũng không làm cô ói mửa nữa. Con cũng bập bẹ nói, Lan đồng ý cho Hoàng vào ngủ chung giường. Khi đứa thứ hai biết đi. Lan an phận coi như trời đã an bài. Thì một hôm, cô đi chợ về, nhà cửa trông trơn, nhìn trên bàn thấy một tờ giấy, và một bộ hồ sơ. Cô lật tờ giấy và ngã bật xuống sàn. Dòng chữ như đang nhảy nhót trước mắt cô:

- Cô đã ngủ và có con với cái thằng đưa cho cô chùi chân cô cũng gớm. Giấy tờ li hôn tôi đã hoàn tất. Cô kí là xong. Tôi dẫn con tôi đi, tiền trả hàng đêm cô phục vụ tôi, tôi để hết ở dưới giường. Vĩnh biệt con đàn bà khốn nạn!♦

Sóng vô trăng cổng trời

○ Truyện ngắn MAI DUY QUÝ

Sáng nay, trời đầy mây. Mây đuổi nhau bay về phương Nam. Bầu trời u ám xám đục. Hắn ngồi nơi bãi biển đảo Lý Sơn mà tâm hồn thả trôi theo mây gió. Gió từng đợt vút cong ngọn dương tạo nên tiếng hú nghe buồn đến não ruột. Gió tinh nghịch, từng luồng xoáy vào cát, vốc từng nắm vãi lên trời, tung bay mù mịt. Gió xô từng ngọn sóng chạy nhanh vào bờ, vỗ lên cát, xoa bọt tung trắng xóa. Sóng liếm nhẹ lên bàn chân hắn. Hắn vội rụt chân, chạy thật xa sóng.

Ngày xưa, khi còn tuổi thơ, hắn thích đùa với sóng. Còn bây giờ thì hắn sợ sóng lắm. Hắn sợ sóng như người tắm biển sợ cá mập. Hắn nhắm tính thời gian mình sợ sóng đến nay đã mười bốn năm, ba tháng, hai ngày. Sóng đã làm hắn sợ đến phát khiếp nên mỗi lần nhắm tính chính xác không sai một ngày.

Hắn được sinh ra và lớn lên ở một miền quê. Quê hắn những năm tháng chiến tranh đã bị tàn phá như bao miền quê khác. Làng quê với sức sống mãnh liệt, cây đa

cành lá vẫn sum sê, gọi gió mát lành, gọi chim về làm tổ. Giếng nước, thành bằng đá vôi bị hũng xuống, nước vẫn trong veo, ngọt mát. Giếng là trái tim của làng, là cái hồn của xóm và còn là nơi hẹn hò, tâm tình của tuổi trẻ yêu nhau. Mái đình bị đạn pháo nã vào, những bức tường trống toang hoác, nhăm nhở đến bây giờ mới được trùng tu.

Gia đình hắn thuộc hạng khá giả, hắn được nuông chiều nên thỏa sức rong chơi. Bọn trẻ trong xóm chơi gì hắn cũng sà vào góp vui được. Trò chơi mà hắn tốn nhiều thời gian và công sức nhất là thả điều. Điều của hắn do bố làm. Hắn có con điều to và đẹp nhất xóm. Vì quá cưng con nên hắn đòi gì được nấy.

Chiều chiều, hắn đi thi thả điều. Ban đầu thi trong xóm. Cả xóm này bọn trẻ đứa lo chăn trâu, đứa giúp gia đình lên nương rẫy. Được mấy đứa rảnh rỗi để thả điều thi với hắn đâu. Hắn tuyên bố “Ta là tay chơi điều số một”. Nghe oai lắm. Trong xóm không có đối thủ. Hắn mang điều lên xóm trên,



Minh họa: LÊ VĂN QUÝ

xuống xóm dưới để thi. Điều của hắn luôn luôn chiến thắng chứ chưa chiến bại. Hắn sung sướng trong cả giấc mơ. Có khi hắn hét toáng lên làm cả nhà giật mình tỉnh giấc.

Tuổi thơ của hắn gắn liền với việc thả diều mà không chăm lo học hành. Dù vẫn đến lớp nhưng hắn đâu có nghe lời thầy giảng. Hắn mơ màng với cánh diều bay bổng tận trời cao. Mỗi lần thấy gọi trả bài, hắn đều giật thót. Giật thót vì không thuộc bài, vì bất ngờ nghe gọi tên mình. Mỗi lần như thế, mặt mày hắn tái xanh tái mét như tàu lá. Hắn trả lời lí nhí trông thật tội nghiệp.

Hắn biết phận mình học yếu nên thường đem quà đút lót cho bạn bè để được copy mỗi khi làm bài. Quà đút lót chỉ là những trái chuối, những củ khoai luộc vậy mà bạn bè vẫn vui vẻ giúp hắn toại nguyện. Cứ thế, cuối năm hắn cũng được lên lớp. Lên mà chẳng biết gì. Lớp năm rồi, bảng cửu chương hắn cũng không thuộc. Cái giá hắn phải trả là bị hỏng tốt nghiệp lớp năm. Biết con mình thi rớt, ông bố đứng ngồi không yên. Ông bèn chạy chọt. Chẳng biết ông chạy bằng cách nào mà bài của hắn được phúc khảo đủ điểm đỗ tốt nghiệp.

Sau cái lần thi trượt ấy, gia

đình quan tâm hơn về việc học của hấn. Nói là quan tâm để khỏi xót xa lòng bố mẹ vậy thôi chứ có giúp được gì cho con. Và, hấn ngồi vào bàn mà có học nổi đâu. Kiến thức cơ bản của cấp tiểu học bị hỏng. Lỗ hỏng to hơn hố bom ở đầu làng thì biết bao giờ mới lấp đầy đây!

Cứ mỗi độ sắp đến hè, tiếng ve râm ran, hoa phượng thấp lửa đỏ rực sân trường là hấn lo sợ. Sợ nghe thông báo kết quả học tập cuối năm bao giờ cũng dưới trung bình. Điều mà hấn không mong muốn. Sự đời, điều mình không mong muốn nó vẫn cứ đến. Có khi lại đến thường xuyên, thế mới khổ.

Nỗi khổ của hấn cũng dần được vơi đi, không phải vì hấn đã tiến bộ mà vì nó đã thành lệ. Lâu ngày quen dần thành đường mòn. Một con đường mòn hấn sâu trong tâm trí hấn. Một phần được vơi đi là do chỉ tiêu của nhà trường đề ra học sinh phải được lên lớp trăm phần trăm. Có chỉ tiêu này hấn ít bị thầy cô hành hạ (sự hành hạ là do hấn cảm nhận và đã ám ảnh suốt cả cuộc đời học sinh). Gia đình cũng dễ dãi với hấn hơn. Nhờ bệnh thành tích của trường, cuối cùng hấn cũng tốt nghiệp trung học cơ sở. Không tốt nghiệp mới là chuyện lạ!

Hấn biết mình đang ở đâu trong vòng quay của cuộc đời này. Hấn không học lên trung học phổ thông. Nói chính xác hơn là hấn không dám học lên nữa.

Hấn chọn một trường nghề nào đó để may ra tìm một việc làm ổn định. Lia mắt qua danh sách các trường, hấn sợ đến vã mồ hôi, sôi nước mắt. Cuối cùng hấn dừng ở một trường nghề. Trường này ra làm việc đồng lương ít ỏi nhất, có khi không đủ ăn. Những ai cùng đường mới vào trường này. Thì hấn chẳng cùng đường rồi đó sao! Thế là hấn chọn cái trường mà người ta thường nói câu cửa miệng “Chuột chạy cùng sào mới vào... sư phạm”. Hấn nghĩ, thôi thì chẳng ai đi ngành này may ra mình thi mới đậu. Hấn cũng khôn vặt và biết phận mình đấy nhỉ.

Vào trường sư phạm, hấn có cả một kho tàng kinh nghiệm của đời học sinh nên dễ dàng đủ điểm ở các học kì và tốt nghiệp ra trường hạng khá mới hay chứ! Giáo viên thời bấy giờ còn thiếu nhiều, hấn nghiêm nhiên trở thành anh giáo trường làng làng nhàng, bệ vệ.

Ngày đầu bước chân vào lớp, học sinh đứng lên cái rụp, chào thầy. Khuôn mặt em nào cũng dễ thương, đáng yêu vậy mà hấn mất bình tĩnh. Thật lâu, hấn mới gật đầu chào lại và mời các em ngồi xuống. Lần đầu làm quen, hấn trịnh trọng giới thiệu “Tôi là Trần Khắc Tiến. Tôi chủ nhiệm lớp chúng ta năm học này”. Các em nghe thành “khét tiếng” mà lạnh sống lưng, toát mồ hôi trán. Em nào cũng trơ ra, quên vỗ tay chào mừng.

Cuộc đời làm nghề giáo của hấn dù ngắn ngủi, bây giờ nghĩ lại

cũng còn cười ra nước mắt. Người ta trước khi lên lớp phải lo nghiên cứu bài, lo soạn giáo án. Hấn thì không, thời gian dành cho việc khác. Chân ngoài dài hơn chân trong mà!

Một hôm, có tiết hội giảng, hấn chuẩn bị theo kiểu của mình. Phần giới thiệu bài mới, hấn dang hăng trình trọng rồi vỗ vào mông, hỏi học sinh: “Đây là cái gì?”, học sinh đồng thanh “Dạ thưa, mông thầy ạ”. Hấn nghe cái cổ dài ngoằng của mình, hỏi: “Còn đây là cái gì?”, học sinh trả lời “Dạ thưa, cổ thầy ạ”. Hấn đắc chí cười, bảo: “Mông và cổ là hai bộ phận trong cơ thể người. Hôm nay các em sẽ được học một nước có hai từ đó là Mông Cổ”. Học sinh nghe thế chẳng biết chúng khoái chí ra sao mà em vỗ tay, em vỗ bàn. Hội đồng sư phạm ngồi dự giờ tức cười phải bịt miệng. Đến khi họp, đồng nghiệp góp ý về giới thiệu bài, hấn bảo “Đấy là phương pháp hay, học sinh thích thú vỗ tay tán thưởng đó mà”. Mọi người quá quen cái tật bảo thủ không chịu sửa sai của hấn, chẳng ai thêm góp ý nữa.

Cuộc đời nghề giáo mà đến bây giờ hấn vẫn còn bẽ bàng nhớ, bẽ bàng lau nước mắt là lần phòng Giáo dục về thanh tra. Hấn nghĩ mình mới thanh tra năm rồi, năm nay chắc không quay vòng lại. Hấn nhắm tính còn khối người đã ba, bốn năm chưa thanh tra. Hấn ung dung, không chuẩn bị gì cho tiết học ngày hôm ấy. Chẳng biết chừng hững thế nào, hấn vừa bước

chân lên lớp, được tin báo “năm phút nữa thanh tra vào dự giờ”. Hấn nghe ù tai. Hoa mắt. Lúng ta lúng túng như gà mắc tóc. Lầm bầm “Chắc có tay nào chơi mình đây”. Hấn loay hoay chẳng biết phải chuẩn bị gì. Bước vào dự giờ chỉ có hai con người mà hấn thấy đông như cả tiểu đội. Cán bộ thanh tra của phòng hấn sợ ít. Sợ nhất là hiệu phó chuyên môn của trường. Hấn đã nhiều lần chạm trán rồi. Thầy hiệu phó tuy giờ cao nhưng đánh khề, thầy đã dự giờ là góp ý như cắt ruột để qua, chân thành mà sâu sắc. Nhờ thế nhiều thầy cô đã tiến bộ. Chỉ có hấn là không thích người khác nói những điều sai sót về chuyên môn của mình.

Trời mùa đông lạnh ngắt, mưa phùn giá rét, cắt da cắt thịt con người. Vậy mà dạy được mười phút, hấn toát mồ hôi hột. Cầm khăn lau bảng mà hấn tưởng khăn mùi soa. Hấn lau một đường dưới cằm. Cầm hấn như mọc râu trắng xóa. Học sinh cười rúc rích. Mồ hôi nhễ nhại, hấn lại lau từ má phải vòng qua trán sang má trái. Mặt hấn bây giờ như mặt thẳng hề. Cả lớp cười oà. Thanh tra không nhìn được, cười khúc khích. Lớp cười nghiêng ngả. Hấn đi ra ngoài, giặt mình, hấn phải xuống phòng vệ sinh rửa mặt.

Hôm ấy góp ý kiến, tiết dạy không đạt. Hấn giãy nảy như phạm nhân giãy giữa với bản án tù chung thân. Hấn bảo, tại học sinh cười làm hấn mất bình tĩnh.

Dù có bảo thủ thế nào, cuối cùng thanh tra cũng đánh giá tiết dạy loại yếu.

Bình thường hấn không yêu nghề, mền trẻ. Giờ đây hấn càng sợ cảnh dự giờ góp ý. Hết của trường lại của phòng rồi đến sở. Hấn chán chường, rệu rã với nghề của mình. Thử hỏi có ai không yêu nghề mà sống được với nghề đâu? Hấn còn bám víu với nghề là để chụp ảnh dán thẻ cho học sinh, ảnh lễ hội của trường. Sự bám víu của hấn chỉ như người chết đuối vớ được chiếc lá trôi sông. Đã đến lúc giáo dục là quốc sách hàng đầu. Xã hội đòi hỏi chất lượng giáo dục mà lâu nay trôi nổi. Nghe hai từ chất lượng hấn sợ lắm. Hấn không muốn bị sa thải vì nghiệp vụ chuyên môn không vững vàng. Hấn chủ động làm đơn xin thôi việc.

Hấn mở phòng chụp ảnh. Căn phòng không rộng lắm nhưng cũng đủ để hấn trưng bày những tấm ảnh trần trụi, vô hồn. Hấn chụp không biết bao nhiêu ảnh mà có tấm nào đẹp đâu! Muốn có được bức ảnh đẹp người nghệ sĩ nỗ lực, đầu tư thời gian, tâm huyết và trí tuệ. Những điều hấn không có được. Tiệm ảnh của hấn vắng tanh như chùa bà Đanh. Đêm nằm hấn gác tay lên trán thở dài thườn thượt nghe buồn xao xác như lá vàng rụng cuối mùa thu. Mặt hấn trầm ngâm như người ngộ đạo. Nghĩ ra kể sách hấn phá cười, giọng cười man rợ.

Hấn nghiền ngẫm sách vở về

dạy cách chụp ảnh. Điều mà hấn chưa làm bao giờ. Bắt gặp câu: “Nghệ thuật không chỉ ở cảnh đẹp thơ mộng mà còn ở cái hiện thực sần sùi, góc khuất kia”. Mặt hấn ngời ngời như có mỡ chảy. Hấn vùng chạy. Không ai biết hấn đi đâu. Cuối cùng, hấn cũng tìm được khách hàng.

Hấn làm thám tử và chụp những tấm ảnh “góc khuất” để làm bằng chứng. Nghề này, ăn nên làm ra vì được các bà thuê nhiều tiền. Hấn an phận với nghề. Giờ đây hấn như kiếp con vạc ăn đêm. Tưởng đâu nghề này xuôi chèo mát mái vậy mà có đêm hấn bị rượt phải cắm đầu, cắm cổ chạy thực mạng. Nhiều lần vấp ngã bể cả ống kính. Hấn đành già từ kiếp ăn sương. Hấn nhận ra “cái hiện thực sần sùi, góc khuất” không dễ găm. Hấn tích cóp mua máy ảnh hiện đại, loại ống kính có thể thu gần để chụp. Lần này hấn quyết tâm tìm chụp những cảnh đẹp thơ mộng mà thiên nhiên đã ban tặng cho con người. Một tấm ảnh tuyệt đẹp cũng để đời. Tên tuổi cũng được lưu danh hậu thế.

Hấn lang bạt đó đây. Rồi con đò cũng về bến đỗ. Hấn dừng chân ở gành đá Cổng Tò Vò thắng cảnh độc nhất vô nhị của Quảng Ngãi. Hấn ngẩn ngơ trước những tầng đá lô nhô như một vườn tượng. Những trụ đá hình lục giác, cao thấp, thẳng đứng, nghiêng nghiêng chồng xếp lên nhau đều đặn tạo nên chiếc cổng. Dân gian truyền tụng đó là dấu tích của cổng nhà

trời. Thiên nhiên đã ban tặng cho Lý Sơn một Cổng Tò Vò muôn vàn quyến rũ. Quanh năm được sóng biển ru, lời ru dịu ngọt như nốt trầm xao xuyến. Biển xanh biêng biếc được mạ màu hồng của ráng trời buổi bình minh. Phong cảnh hữu tình. Hấn bấm máy lia lịa nhưng những tấm ảnh chỉ là cảnh đẹp tro trọi.

Hấn buồn rười rượi. Xa xa, trước mặt hấn, một cô gái có khuôn mặt tròn trĩnh. Đôi mắt đen láy sắc lẹm như dao đã hút hồn, cửa tim hấn từng nhát buốt đau. Cô gái mặc chiếc váy màu hồng phấn lộ lộ giữa cổng đá đen nhánh. Bỗng một cơn gió làm biển gợn sóng lẫn tăn rồi ào lên gành đá, tốc váy cô gái lên. Hấn tiếc rẻ chưa kịp bấm máy. Cô gái vẫn vô tư trước cảnh non nước hữu tình. Cô đâu biết có kẻ ngấm trộm mình qua ống kính. Hấn đợi gió đến như nằng hặn đợi mưa rào. Hấn thụt lùi, thụt lùi để lấy toàn cảnh khóm hoa đại sắc màu rực rỡ. Cơn gió lần này mạnh hơn, tốc ngược váy cô gái. Hấn chỉ chờ có thể liền bấm máy. Sóng theo gió vỗ lên gành đá, lôi hấn xuống biển. Hấn chơi vơi, kêu cứu ới ới... Cô gái chạy đến. Bám một tay, sợ hấn lôi mình xuống biển. Cô bám hai tay vào tảng đá. Đưa chân xuống. Hấn bám để trèo lên. Hấn vừa trèo vừa nhìn xuyên mắt xoáy vào vùng sâu thẳm ở váy cô gái. Cô nhận ra, kéo mạnh chân, lôi hấn xềnh xệch trên đá. Mặc đá cửa da thịt ở ngực hấn. Cô gái

bỏ đi. Hấn ngồi sù sụ một đồng như mớ thịt bèo nhèo cuối buổi chợ. Hấn tiếc gia tài sự nghiệp là chiếc máy ảnh đắt tiền phút chốc đã tan theo bọt nước.

Sáng nay đi trại sáng tác, hấn lại ngồi nơi gành đá Cổng Tò Vò. Hình ảnh ngày nào rơi tõm xuống biển lại hiện về nhảy múa, đùa cợt hấn. Hấn ước gì được gặp lại người xưa để nói lời cảm ơn và lời xin lỗi dù đã muộn màng. Nhưng những gì đã qua đi trong đời ta thì không bao giờ trở lại.

Hấn đợi hoài, đợi mãi. Bất chợt, hấn bắt gặp đôi mắt người con gái Lý Sơn. Đôi mắt cứ lim dim, lúng liếng, thiết tha một cái gì đó thật khó tả. Đôi mắt thu cả biển xanh ngăn ngắt, sóng gợn lẫn tăn, cả những con thuyền lênh đênh như chiếc lá trôi trên mặt hồ thu. Trên đầu cô gái, bầu trời sương trắng mờ như sữa, pha chút màu hồng của ráng bình minh. Trái tim hấn rung lên bần bật. Khoảnh khắc tuyệt vời. Hấn bấm máy.

Những tấm ảnh đẹp đã trả công cho hấn chờ đợi, tìm được cái đẹp tự nhiên, thánh thiện. Hấn đã biết vươn lên, coi mục đích nghệ thuật luôn ở phía trước để phấn đấu.

Mặt trời lên cao rực rỡ, dát vàng biển cả. Ánh nắng nhảy múa lung linh trên biển, trên gành đá Cổng Tò Vò nồng nàn, ấm áp. Hình như đất trời xòe rộng bàn tay đón người trở lại. Biển vỗ gió lên trời. Mây cứ vờn đỉnh núi Giếng Tiên, quán riết hấn. Hấn nghe tim mình thốn thức...◆

Xóm mô coi

○ Truyện ngắn SƠN TRẦN

1. Cứ mỗi buổi chiều, khi bầu trời phía tây ửng lên, những đám mây hồng từng mảng lớn trôi lững lờ, khi dãy tre làng bắt đầu sẫm đen lại, người ta lại thấy chị Len hối hả rảo bước đi về phía xóm mô coi.

Gọi cái xóm chài nằm tách biệt, gần bờ biển, chỉ rải rác chưa đầy năm chục nóc nhà, quanh năm hứng chịu hết đợt bão cát này đến mùa đông nọ bằng cái tên thua thiệt, chất chứa phận người như thế, là bởi... Người ta hay kể rành mạch về biển cổ năm ấy, trận bão ấy, về những chiếc thuyền bị sóng đánh tan nát và những người đàn ông của xóm chài không thấy về nữa. Để rồi, hàng năm cứ đến ngày ấy tháng ấy cả xóm chỉ toàn đàn bà, con nít và ông bà già làm giỗ chung...

2. Năm nay thời tiết khắc nghiệt, biển động liên miên. Những chiếc thuyền đánh cá không dám ra khơi, neo sát nhau dập dềnh trên sóng. Chị Len cấp chiếc thùng bên hông ra biển. Bến cá lèo tèo vài người đứng tùm tùm trò chuyện, đợi thuyền về. Những chiếc thuyền

đi chuyển trước, gặp bão, tấp vào đảo ẩn nấp, nay đang lần lượt về. Chị Len mỗi sáng sớm, khi mặt trời vừa lên bằng ngọn sào, lại ra bến, mong mua được cá hay mực đem lên chợ xã bán kiếm tiền xoay sở cuộc sống còn nhiều khó khăn.

Một chiếc thuyền cập bến. Những người đàn bà ngồi bật dậy, nhanh chân chạy ra mép nước. Trên thuyền là mấy chàng trai thân hình rám nắng, khuôn ngực vạm vỡ đang toe toét cười. Họ về từ khơi xa, vượt qua những đợt sóng dữ. Họ chính là những đứa con của biển, suốt đời gắn liền với biển dù biết nghề này nhiều bất trắc, lắm hiểm nguy. Biển cổ năm xưa xảy ra với xóm chài làm ông, cha họ không trở về là lúc họ còn nhỏ, chưa ý thức được nỗi đau quá lớn. Họ lớn lên mạnh mẽ như cây xương rồng mọc đầy trên trảng cát. Mặc nắng tấp gió giật vẫn kiên cường vươn lên, sắc hoa vẫn đậm dịu và hướng đến mặt trời.

Chị Len mua được một thùng đầy cá. Bận thuyền là bận của thằng Nhân, con trai chị. Khi thấy chị chen lấn để giành mua được

cá, họ đã vội vàng bung đến cho chị một thúng. Chị rối rít cảm ơn. Nhìn dáng người chị nhỏ thó, khệ nệ thúng cá băng qua trắng cát cho kịp buổi chợ, ai cũng lắc đầu, ái ngại.

3. Bão cát. Suốt đêm gió rít, cát ràn rạt mái tôn. Chị Len khó ngủ, hé cửa sổ nhìn ra ngoài. Trăng khuya nhợt nhạt, loang loáng trắng cát. Tiếng cú kêu. Tiếng chó hoang tru từng hồi thê thiết. Chị rút cổ, cài chặt cửa, nằm xuống, kéo chăn trùm kín đầu. Nỗi cô đơn lại vây lấy. Nhất là khi thằng Nhân không còn đi biển. Nó suýt đứt gân chân khi lặn xuống tháo dây neo vướng chân vệt. Nó nghỉ ở nhà một thời gian dưỡng thương rồi lên tỉnh xin làm công nhân nhà máy điện, đúng chuyên ngành đã học. Thỉnh thoảng, cuối tuần mới tạt về thăm má. Còn người đàn ông thợ mộc thì di chuyển đến vùng biển khác. Bởi xóm chài, sau nhiều mùa đánh bắt không hiệu quả, nhiều người bỏ nghề, lên bờ kiếm việc khác. Người đàn ông ra đi, có hứa hẹn, nhưng với chị Len, những ngày ít ỏi được sống với người đàn ông biết yêu thương, sẽ chia cũng đủ hạnh phúc rồi.

Bão càng về sáng càng mạnh lên. Biển nổi sóng bạc đầu, nghiêng nát bãi cát, hàng dương chắn cát nghiêng ngã, đổ ào xuống biển. Có tiếng keng báo động. Chị Len luýnh quýnh bật dậy, mở cửa. Tiếng người la hét. Tiếng loa phóng thanh trên cây bạch đàn cuối xóm vang lên. Biển ào ào,

cuồng nộ. Hừng đông là một màn mây xám xịt....

Tầm trưa, bão tan, biển dịu dàng nhưng trắng cát bị khoét lõm, mấy bụi xương rồng và cây gai thân thấp bị nước cuốn phẳng, lênh bênh trên mặt biển.

Phải di dời xóm chài vào phía trong trắng cát. Đây là chủ trương cấp bách được đưa ra. Chị Len nín lặng nhìn bàn thờ chồng nghi ngút khói. Chị phải xa nơi này. Nơi chị đã gắn bó hơn nửa cuộc đời. Chị không phải là dân vùng biển. Quê chị tuốt miền Nam. Chị gặp chồng, chàng trai miền biển, quanh năm làm bạn với sóng gió, khi anh tấp vào bờ trong một chuyến đi biển dài ngày, để bán mực cho các đại lý thu mua hải sản. Nhà chị cũng gần biển, nhưng gia đình lại buôn bán ngư cụ và những nhu yếu phẩm cần thiết cho việc đi biển. Họ đã phải lòng nhau sau mấy chuyến thuyền vào bến. Chị mến anh bởi cái nét thiết tha, nói năng nhỏ nhẹ. Cha mẹ chị sợ con gái phải chịu khổ khi lấy chồng xa nên cố tình ngăn cản. Nhưng chị nhất quyết theo anh về xứ biển làm vợ, làm dâu. Cuộc sống ban đầu đầy lo toan, nhất là vào mùa biển động, thuyền nằm bến, chồng chị và những trai tráng trong xóm chài bù khú bên bàn rượu hay sát phạt lẫn nhau. Rồi sự khó khăn càng ập tới khiến chị nhiều lúc muốn buông xuôi trở về với cha mẹ đẻ, ấy là lúc chị sinh thằng Nhân. Có hôm, nhìn mâm ăn sơ sài, không thể thiếu thốn hơn được nữa, chị



Minh họa: NGỌC BÌNH

ứa nước mắt. Chồng chị cũng nảo lòng lắm, nhưng đâu biết xoay sở như thế nào. Một người đàn ông sinh ra từ biển, cuống nhau dấp dính cát và nước biển. Suốt quãng đời tuổi thơ chưa khi nào bước qua trắng cát. Lớn lên chút nữa theo ông, theo cha lênh đênh trên biển. Cuộc sống phụ thuộc vào biển cả. Thế nên, khi biển giận, nổi đông thì chỉ biết nhìn trời mà than, nhìn biển mà cầu khẩn.

Chị không thể rời biển, xa chồng bởi thuyền theo lái gái theo chồng. Trở về với cha mẹ để là mang tội bỏ chồng, mà thuyết phục anh đi cùng chị thì khó hơn tìm được đường lên cung trăng. Chị ví von như vậy khi biết chồng

sống chết với biển. Nhìn bàn chân to bè, nổi u sần, nhìn vòng ngực rúm nắng, nhìn đôi cánh tay vạm vỡ. Cả thân hình chồng toát lên vị mặn mòi của sóng gió, chị đã hoàn toàn bị thuyết phục, không thể bứng chồng mình ra khỏi xóm chài dù là nửa bước.

4. Thành Nhân xin phép cơ quan nghỉ vài hôm để về giỗ ba. Chị Len và con trai ra dinh Ông thấp hương rồi lòng vòng xóm. Những ngôi nhà mái thấp, cũ kỹ, buồn thiu như gã say mệt mỗi nằm im lìm giữa trưa tròn bóng. Hai mẹ con lượn qua những con đường cát vào sâu trong xóm. Cảm giác nổi đau lớn mà cả làng gánh chịu cách nay gần ba mươi năm vẫn

còn tồn tại khi nhìn những cái dinh thờ trước nhà, mỗi ngày rằm hay mừng một đều đồ khói nhang. Nhắc lại chuyện cũ, chị Len không thể nào quên được cái biến cố khủng khiếp ấy. Năm ấy, thằng Nhân mới vài tuổi, chồng chị bảo đi chuyến nữa kiếm tiền mua đồ mới cho con và sắm Tết. Chị đã ngần ngại khuyên chồng đừng đi, nhưng anh cứ nhất quyết. Để rồi, đoàn thuyền gần hai mươi chiếc ra khơi chiều hôm trước thì trưa hôm sau đã nghe tin dữ. Chị khắc sâu vào lòng cái ngày định mệnh đấy. Ngày hai mươi ba tháng mười một năm Tân Mùi. Tiếng khóc bao trùm xóm chài. Khăn tang trắng đường ra trắng cát. Chị dắt thằng Nhân bước thấp bước cao sau quan tài chồng, nín lặng chứ không khóc được nữa. Nỗi đau vón cục cứ nghẹn tắt nơi cổ họng. Chỉ nước mắt từng đêm cứ tuôn dài dầm gối. Buồn đau chất ngát, từng chiều những người mẹ mất con, những người vợ mất chồng, những đứa trẻ mất cha thường ra bến cá ngồi ngóng ra biển như thể đợi thuyền về. Nhiều người đàn bà không thể chịu được quá khứ buồn đau luôn ám ảnh mỗi mùa biển động đã bỏ xứ ra đi. Chị Len cũng đôi lần nghĩ đến điều đấy, nhưng thằng Nhân còn nhỏ và mẹ chồng thì nay yếu mai đau.

Đi về cuối xóm, hai mẹ con gặp một nhóm các bà, các cô ngồi vạ lưới dưới tán cây bàng mùa trút lá. Những tấm lưới cũ rách rịn rít vị mặn, tanh nồng mùi cá. Chị Len dừng lại hỏi thăm đôi câu, thằng

Nhân cũng gật đầu lễ phép. Một bà già phe phẩy quạt nan, miệng bồm bồm nhai trầu bảo thằng Nhân càng lớn càng giống ba như tạc. Thằng Nhân mỉm cười với bà rồi bước đi.

Chợt chị Len dừng lại nhìn quanh, thằng Nhân cũng nghe ngóng. Tiếng hô bài chòi từ nhà cụ Danh và mấy thế hệ cùng chung sống vang lên. Giữa cái vắng lặng của ban trưa đầy nắng và gió vùng biển, tiếng hô của “anh hiệu” nghe rõ, chắc và cuốn hút làm sao. Cụ Danh nay đã ngoài tám mươi nhưng hăng hái còn minh mẫn. Cụ là nghệ nhân bài chòi và là người duy nhất ở xóm chài còn giữ gìn loại hình nghệ thuật dân gian này khỏi thất truyền.

Thằng Nhân kéo tay mẹ đi nhanh về phía nhà cụ Danh. Nó thấy lòng chợt chùng xuống, rưng rưng khi nghe mấy câu mà nó đã thuộc nằm lòng: Giữa đêm vừa sáng hai ba, trời thanh biển lặng lại pha gió nồm. Ngư dân ai nấy đều ham, tàu to thuyền nhỏ lại dòm ra khơi... Thằng Nhân đứng lặng và đúng lúc ấy chị Len giục con về vì muộn quá rồi. Có lẽ chị không muốn con trai nghe mấy câu hát nhắc lại biến cố năm xưa thì phải.

Họ ngược về con đường cũ đầy cát, len lỏi giữa những ngôi nhà nhỏ quen thuộc. Nếu lắng tai vẫn nghe được tiếng hô bài chòi vang vọng, đông đầy cảm xúc giữa mệnh mông sông biển vô hoài vào xóm mồ côi!♦

Miền mơ tưởng mong manh

○ Truyện ngắn HÀ HƯƠNG SƠN

Căn nhà trọ nóng gần ba mươi lăm độ C giữa lòng thành phố Hà Nội đưa Tỉnh chìm vào giấc ngủ. Cái giấc ngủ chập chờn vừa được vừa mất kia làm Tỉnh dạt trôi vào một vùng mơ hồ nào đó trong dĩ vãng xa xăm. Nơi Tỉnh từng là một đứa trẻ.

Hoang cát trắng mênh mông hiện lên trong giấc mơ. Hình ảnh nhập nhòa về những ngày thơ bé nô đùa bên My kéo Tỉnh đi theo những lần ranh giữa hiện thực và mơ ước. Ngày đó, My và Tỉnh đã từng kết hôn.

Rồng rắn lên mây

Có cây lúc lắc

Hỏi thăm thầy thuốc

Có ông chủ ở nhà không?

Chi tiết đám cưới giả giữa hai người lại bị thay thế bởi khung cảnh một đêm trăng tròn long lanh bóng trắng, đám bạn đang chơi trò rồng rắn lên mây. Lúc này thằng Hân đang cố sức bắt cái đuôi rắn do Tỉnh làm đầu. Sau lưng Tỉnh, My thở dồn dập, ra sức níu lấy cái áo bạc màu vì cũ của Tỉnh.

Hoang cát rộng dài nhất làng, hơn sáu mẫu đất chỉ toàn là cát trắng. Trời vào đêm, cát không còn nóng như ban ngày nữa, toàn hoang cát mang trong mình cái mát dịu dễ chịu. Cạnh lũ nhóc là những người đàn bà đang ngồi quây quần bên nhau, kể những câu chuyện trong làng. Tiếng nói cười lanh lảnh vang xa. Những người đàn ông thì ngồi ở một góc nhỏ, nhâm nhi từng giọt rượu, vừa đàn vừa hát những bài hát về kiếp nghèo. Không gian làng quê yên bình hiện lên trong giấc mơ của Tỉnh thật ngọt ngào.

Thằng Hân cố chạm cho được cái My, nhưng Tỉnh ra sức cản lối. Sau một khoảng thời gian rất lâu, Tỉnh vẫn đảm bảo được mục tiêu bảo vệ cái đuôi của mình. Hân tức quá, đâm vào mặt Tỉnh. Tỉnh ôm mặt khóc. Đầu rắn rời ra. My và đám bạn đằng sau Tỉnh không còn bám áo nhau nữa. Cả lũ quây vòng quanh Tỉnh. Đứa nọ đứa kia đua nhau trách Hân sao lại dùng bạo lực.

Tỉnh đập đầu vào thành giường, mồ hôi túa ra như tắm, nhưng vẫn im lìm trong giấc mơ.

My la Hân rất nặng lời, đá Hân một cái thật đau. Hình như trúng hạ bộ của Hân. Hân ôm bụng vừa khóc vừa chạy về nhà. Những người lớn bên cạnh chẳng bận tâm về chuyện của lũ nhóc.

Trăng miệt mài tuôn những dòng ngọc trắng mát xuống hoang cát, in rõ bóng từng người một. Xung quanh hoang cát, những cây dương liễu đang vươn mình hứng lấy những mát dịu của đêm trăng.

Tâm trí Tỉnh chìm đắm vào một bầu trời đầy huyền diệu. Rồi giấc mơ vụt biến.

Từng giọt mồ hôi lăn dài trên trán Tỉnh. Nóng thế này mà Tỉnh vẫn ngủ được. Tài thật!

Đạo này Tỉnh hay thao thức về quê nhà. Quá khứ như mảng rêu phong cũ kỹ, Tỉnh không muốn nhớ đến, nhưng tiềm thức của con người cũng thật kỳ lạ, khi con người càng cố quên đi cái gì thì hình ảnh đó lại càng cố hiện lên một cách sống động. Tỉnh nhớ My.

Chẳng biết người bạn hàng xóm khi xưa giờ này ra sao? Điều đó làm Tỉnh khó chịu vô cùng. Từ ngày My vào miền Nam ở, thì bất tin luôn. Cũng có thể Tỉnh quá vô tâm với người bạn thuở xưa. Hay vì Tỉnh quá bận bịu với những câu chuyện của cuộc đời mình để rồi vô tình không ngó ngang gì đến My nữa. Mười lăm năm ôm trong

mình giấc mộng hoang đường đã biến Tỉnh trở thành một con người khác. Một kẻ vô tâm với tất cả những gì thuộc về quá khứ?

Ngày học hết mười hai, My từng ước mơ được vào giảng đường đại học. Nhưng cánh cửa tương lai của My khép lại, khi người bố bị ung thư giai đoạn cuối và chết sau đó vài tháng. Chuyện đến quá bất ngờ, My không trụ vững được. Câu chuyện gà trống nuôi con gây xót xa trong nội bộ ngôi làng Hoang Vu.

Sau khi lo mọi chuyện cho người bố bất hạnh xong, My dứt khoát vào Sài Gòn để tìm kiếm công ăn việc làm. Mảnh vườn bé tí và căn nhà nhỏ gửi lại cho người bác ruột.

Năm đó, Tỉnh bạn học ngoài thành phố nên không quan tâm nhiều đến My. Nhiều khi ngôi học trên giảng đường, lòng Tỉnh mang một nỗi niềm xa vắng. Hình bóng My cứ hiện rồi ẩn, ẩn rồi hiện trong tâm trí Tỉnh. Nỗi u buồn và niềm tiếc nuối về người bạn có số phận không may mắn của mình, đôi lúc làm Tỉnh cảm thấy cuộc đời thật trống trải, vô nghĩa biết bao.

Tết về, Tỉnh không gặp My. Nhiều cái tết trôi qua, cuộc sống của My vẫn là một ẩn số với người dân làng Hoang Vu. Người bác ruột thi thoảng nhận một ít tiền do My gửi về qua đường bưu điện để lo đám giỗ và những chuyện liên quan đến gia đình, còn lại thì không có thông tin gì về My cả.

My có số điện thoại, nhưng gần như không liên lạc được. My luôn giữ mối liên hệ một chiều, chỉ My gọi về, còn lại không ai gọi được cho My cả.

Ngày từ bỏ giảng đường đại học khi đang học năm hai, Tỉnh vào Sài Gòn với hi vọng tìm gặp được My. Hàng trăm lần gọi, nhưng Tỉnh không thể nào liên lạc được với My.

Hơn mười lăm năm trôi qua, câu chuyện về người bạn hàng xóm dần chìm vào trong đáy ký ức. Rồi như một linh cảm chi đó, thời gian gần đây Tỉnh hay nghĩ về My.

Tuổi thơ của hai người là một bầu trời những điều kỳ thú. Hoang cát hiện lên là thiên đường, là thế giới của những điều đẹp đẽ. Nơi đó, họ cùng lũ trẻ trong làng trải qua bao nhiêu đêm trăng dăm say.

- Hôm nay, chúng ta sẽ nấu mậ mía nhé!

Ba hòn đá được xếp chéo nhau để tạo thành một cái lò nấu, bên trên được đặt một cái bát nhỏ bằng inox. My đánh lửa nhiều lần mà chiếc quẹt lửa vẫn không cháy. Cuối cùng thì chỉ có Tỉnh mới đánh được lửa. Những thanh củi nổ lép lép. Bát nóng, My nhẹ nhàng cầm bị nước mía được chuẩn bị sẵn từ trước, đổ vào bát. Họ học cách nấu mía đường từ mấy bác ở lò mía đường của xóm, lò mía nằm ở một góc của hoang cát.

Những đứa trẻ khác đang vô tư chơi trò rồng rắn. Bóng trăng

sáng như ban ngày, soi rõ từng cái bóng xuống dưới cát mềm. Tiếng cười rộn vang. Âm thanh theo cơn gió bay khắp làng.

- Sau này lớn lên, Tỉnh cưới My nhé!

My không nói gì, chỉ lẳng lặng thổi lửa. Lửa bắn lên càng mạnh hơn.

- My đồng ý là sẽ lấy Tỉnh nha!

Tỉnh cầm tay My lắc lắc nhẹ, ra vẻ nũng nịu. My đưa mắt nhìn Tỉnh, gật đầu.

Ôi! Những đứa trẻ, có biết gì về tình yêu, có biết gì về gia đình, vậy mà vợ chồng chồng. Hình như Tỉnh rất vui vì được My đồng ý lời cầu hôn.

Bên kia hoang cát, tiếng guitar của những người đàn ông ngân lên. Những người đàn ông vẫn vô tư ngồi uống rượu, ngắm trăng, và hát. Những người đàn bà ngồi ở một góc khác, đang kể cho nhau những câu chuyện xóm làng, vang lên muôn âm sắc xôn xao.

Trong nhóm bạn, My và Tỉnh quá thân nhau. Nhiều người khác xóm lắm tưởng họ là anh em chi đó, vì lúc nào họ cũng bên nhau. Cánh đồng cát trắng đã nuôi họ lớn lên, hoang cát đã nuôi dưỡng tâm hồn họ.

- Khi lớn lên, My muốn làm gì?

- My muốn làm cô giáo.

- Dạ! Học sinh Tỉnh xin chào cô giáo My ạ!

Hai người tự tách khỏi nhóm bạn và tự dành cho nhau những khoảng thời gian riêng tư như thế. Điều gì đã làm cho hai người

trở thành đôi bạn thân đến quán lấy nhau thì chính họ cũng không biết được. Có lẽ, giữa họ có một điểm chung duy nhất, là nghèo nhất xóm. Cứ như thế, họ cùng nhau lớn lên.

Một ngày, khi nắng chiều tưới những dòng vàng rười rượi trên nền hoang cát, khi mùi mật mía bay thoang thoảng vào không gian xung quanh xóm Hoang Vu, thì một điều không may đã đến với gia đình My.

My chạy thốc qua hoang cát, lao đến nhà Tỉnh. Lúc này, Tỉnh đang cho đàn gà ăn. Nhà Tỉnh nằm gần hoang cát, My chạy sộc đến bên Tỉnh, khuôn mặt tái nhợt.

- Có chuyện gì vậy, My?

- Mẹ My chết rồi!

Vừa nói xong câu nói, My khóc to lên. Tỉnh ôm người bạn vào lòng. Rồi khóc theo.

Đó là một buổi chiều buồn nhất trong tuổi thơ của họ. Tỉnh nghe mọi người bảo mẹ My vẫn khỏe mà? Tỉnh vừa mếu máo, vừa hỏi My. My không biết! My vừa trả lời vừa khóc to hơn. Mẹ My bị sốt xuất huyết, tưởng sẽ qua được, nhưng mọi việc lại chẳng diễn ra theo cái cách con người ta tưởng.

Những đêm trăng của tuổi mười ba, họ cùng trải qua trong nỗi buồn khôn xiết. Sau đám tang của mẹ, My như một chiếc lá héo, bao nhiêu lời động viên của mọi người dành cho My đều như những giọt nước lã dài bên ngoài lá, không thể nào làm cho chiếc lá tươi xanh được nữa.

Chuyện học hành của My sa sút. Bố My bắt đầu nghiện rượu hơn. Ông luôn ôm guitar, uống rượu, và hát. Mọi người khuyên bảo bao nhiêu cũng vô ích.

Rồi hoang cát trở thành nơi chứng giám sự hiện diện của đôi bạn nhỏ suốt cả tháng trời, không còn biết là có trăng hay không. Một đêm trời không trăng, những cánh sao đua nhau khoe vẻ kỳ vĩ. Muôn ngàn vì sao ra sức thể hiện sự tồn tại của mình bằng những tia sáng lấp lánh.

Bất chợt, một ngôi sao băng xuất hiện. Cả hai cùng thấy hình hài sáng chói của nó. My ơi! Từ nay, My đừng buồn nữa nhé! Hãy sống như ngôi sao băng kia, cháy hết mình với ước mơ.

Mặc dù bố My ngày càng nghiện rượu, nhưng My luôn có Tỉnh bên cạnh động viên cố gắng, nên My đã quyết tâm hết sức để thực hiện ước mơ học tập của mình, mong một ngày sẽ trở thành cô giáo. Kết quả cuối kỳ, My đạt danh hiệu học sinh giỏi.

Nỗi đau trong lòng người bố cũng nguôi ngoai theo thời gian. Kết quả học tập tốt của My như mầm hi vọng gieo vào trong lòng ông. Ông uống rượu ít hơn, lo làm ăn và nuôi My ăn học.

Hiện thực giống như một giấc mơ, hay giấc mơ giống như hiện thực, Tỉnh không biết rõ nữa. Mọi chuyện cứ thật thật mơ mơ. Đó là tất cả những gì Tỉnh đã trải qua trong quá khứ, hay chỉ là một giấc mơ? Tiết trời nóng

đã làm chi Tỉnh ảo giác?

Rõ ràng là Tỉnh đã từng có My. Kỷ niệm giữa hai người ở tuổi ấu thơ, gia đình My, hoang cát gần căn nhà của Tỉnh. Tất cả đều là hiện thực Tỉnh đã trải qua. Cái hiện thực đó chỉ là một phần của giấc mơ. Đúng hơn là giấc mơ chỉ là một phần của hiện thực. Tại sao lúc này Tỉnh lại mơ thấy My?

My, người bạn suốt mười lăm năm qua chưa một lần gặp lại. Hình dáng, giọng nói, mọi thứ về My chỉ còn lại trong ký ức mơ hồ. Tỉnh không hiểu vì sao My lại như thế? Vì sao My lại bỏ rơi Tỉnh? Vì sao My lại trốn tránh tất cả để sống một cuộc đời không ai biết tới? Người trong làng có lẽ đã quên My. Hoang cát đã quên My!

Làng quê không còn như xưa nữa, con đường mọc lên, nhà máy mọc lên, mọi thứ đã thay đổi rồi. Mười lăm năm rời xa quê hương, nếu có trở lại nơi cũ, liệu My có tìm ra con đường về nhà mình?

Bao lần, Tỉnh từng ao ước gặp lại My. Bao lần, Tỉnh cố công tìm kiếm mọi tung tích về My. Rồi tất cả cũng thành công cốc. Năm ấy, Tỉnh bỏ đại học là vì My chăng? Không! Không phải. My không ảnh hưởng gì đến quyết định bỏ học của Tỉnh. Chỉ có một điều duy nhất đúng, Tỉnh vào Sài Gòn là để tìm gặp My. Và công cuộc tìm kiếm của Tỉnh rơi vào bế tắc. Tỉnh hiểu tính My, một khi đã quyết rồi thì không ai làm My thay đổi được.

Mười lăm năm qua, nhiều lần cố quên My đi, để yêu một cô gái khác, nhưng Tỉnh chưa thể quên. Tỉnh luôn nghĩ về những lời nói vu vơ của tuổi thơ. Tỉnh tin đó là thật. Điều gì đã kéo My rời xa Tỉnh?

Tiết trời Hà Nội đang vào đợt nắng nóng nhất trong năm. Nhiều lần Tỉnh định chuyển phòng trọ, nhưng cứ lần lửa mãi. Cuối cùng thì vẫn như cũ. Sống một mình ở thành phố lớn, với nhu cầu và điều kiện cá nhân, Tỉnh không thể thuê một căn phòng tốt hơn được. Nhiều lần Tỉnh tự nghĩ, dù sao thì cuộc sống của mình còn tốt hơn bao nhiêu thân phận trớ trêu khác.

Theo thói quen, Tỉnh lại lướt facebook. Trang facebook kết nối với hàng ngàn người trong làng. Một thông tin kinh khủng đập vào mắt Tỉnh. Chân tay rã rời, người choáng váng, bao nhiêu kỷ niệm cùng My tràn ngập trí tưởng, giấc mơ tuổi thơ bám lấy mọi đường biên cảm xúc.

Hơn một tháng Tỉnh sống như người mất hồn. Một tháng trôi qua, Tỉnh vẫn tham gia học tập và đi làm thêm như mọi ngày, nhưng người gần như không có sinh lực sống.

Chuyện quá đột ngột, Tỉnh đang bận việc học và làm thêm ngoài Hà Nội nên không thể về đưa tang My. My ra đi. Để lại trong Tỉnh một miền mơ tưởng mong manh vỡ nát. Vì điều gì mà My lại chọn cái chết?...♦

Không có con vi trùng

○ Truyện ngắn THOẠI VĂN



Minh họa: LÊ VĂN QUÝ

Đêm đã khuya, mọi người đứng dậy ra về. Buổi sinh hoạt kết thúc. Lâu lắm mới có cuộc tụ họp ý nghĩa như vậy. Hấn thông thả bước ra trong đầu mang theo những cảm xúc. Cảm xúc nhiều nhất là bài thơ viết về một dòng sông. Vàng dòng sông có kỷ niệm nhiều nhất với hấn. Mỗi câu thơ chừng như đang lặn hụp trong đầu hấn giữa dòng nước mát lạnh dưới trưa hè. Hấn xao xuyến thực sự, không hề đánh lừa mình bằng cảm giác tập tò ăn theo như hồi trước. Hồi trước hấn tập mê thơ để được ngồi cùng chiếu với các bậc niên trưởng trong làng, để tìm chút màu mè đánh bóng mình với mấy tay cà kê trong quán bò gân. Bây giờ tên tuổi hấn không nổi cho lắm nhưng được nhiều người biết đến như một tín đồ trong đền thiêng của câu lạc bộ thơ của xóm.

Các bậc niên trưởng xếp cho hấn một chỗ tạm tạm, gọi là khèo đèn thổi lửa nhưng với hấn vinh dự lắm. Nó cao cả và tự hào so với nghề buôn đồng nát. Đồng nát là góp nhặt, tả bí lù, mồ hôi trộn nước mắt chắt chiu từng đồng, từng xu gây dựng cơ ngơi. Cơ ngơi hấn lên từ mớ tạp nhạp đó. Rõn rền tiền bạc, sáng cũ cà phê, chiều bò gân. Nhưng đời như thế thì buồn lắm. Và hấn buồn thực sự. Buồn hơi giống kiểu “Tiền nhiều để làm gì”. Nên hấn làm

thơ. Hấn sang lĩnh vực phong phú hơn, cao cả hơn. Thơ giúp hấn suy tư mà không mưu toan lời lỗ. Thơ mọc cánh cho hấn bay vào những giấc mơ xa lạ tuyệt vời. Hấn lọ mọ chép thơ vào một nửa sau quyển vở. Nửa trước là sổ ghi chép nợ nần buôn bán. Vợ hấn phát hiện ra điều đó nhăn mặt nói:

- Thơ à? Có câu thơ nào đổi được gói thuốc lá hay ly cà phê chưa? Hay mơ mộng về mẹ nào rồi?

Hấn xịu mặt:

- Mẹ mày đừng nên nghĩ xấu người cho tốt. Cái thôn này nhà sang, nhà đẹp đếm không hết. Nhưng có mấy người yêu thơ và làm được thơ? Ở đời cái gì ít mới quý. Mẹ mày thấy không? Vàng mà như đất sét thì ai quý làm gì? Thơ cũng vậy, nó quý vì là tài sản tinh thần vô giá.

Vợ hấn như nghĩ ra điều gì, chợt nhớ lại ngày xưa. Ngày hấn còn đi buôn tre bán cho các xưởng dũa. Ngày làm việc mệt, chiều tối tu vài cút rượu gạo, phủi căng ngủ chèo queo, không thơ từ gì cả mà vẫn bị người ta trách móc. Bây giờ hấn chơi tới thơ e rằng tránh sao cho khỏi tiếng chì tiếng bác. Người ta trách móc hấn vì cái miệng hấn thiêng. Thiêng lắm. Bữa đó, đồn bụi tre góc vườn nhà Tám Phụng. Tám Phụng gieo vườn cải xanh mướt, đẹp tuyệt vời luôn. Hấn vác tre đi qua buột miệng: “Chà vườn cải

đẹp quá mà sao không rào lại ông Tám ơi! Vườn tui mà để như vậy gà vô phá sạch”. Ông Tám nghe nói bùm miệng hần không kịp:

- Ấy, chú đừng nói vậy. Hệ lắm đó.

- Hệ gì mà hệ? người ta nói chó treo mèo đây. Ông không đây lại tui e mấy em gà của ông...

Ông Tám về bực bội bỏ vô nhà. Hần tiếp tục vác tre. Trưa về ăn cơm, chiều đến tiếp.

Chiều đó, kịp đến đầu ngõ, ông Tám đã ra đón hần với vẻ mặt thất thểu buồn rầu:

- Chú vào xem đi. Vừa lòng chú chưa?

- Cài gì mà vừa lòng? Thì bụi tre giá cả xong xuôi, tiền trao cháo múc có gì mà vừa lòng với không vừa?

- Không phải chuyện bụi tre. Chuyện này này nè.

Ông Tám nắm tay hần dẫn vô vườn cải:

- Đó chú xem đi, còn cộng nào, lá nào không? Tui nói kiêng kỵ lắm mà chú không tin. Giờ thì tui lạy chú. Chú mua tre cứ lo việc mua tre. Heo gà của ai kệ họ. Tui lạy chú.

Hần xởi lởi. Chối không chối mà chịu không chịu, im re nghe ông Tám xót vườn cải than vãn.

Chưa hết. Chiều đó, hạ xong bụi tre, nghỉ tay hút thuốc, nhìn nhà Tư Hân kề bên có con trâu mới mua về nghe nói giá

rẻ, hần rề rà qua xem nói:

- Đẹp. Trâu đẹp quá anh Tư. Vai nở, sừng cong, lông thưa, da láng. Trâu này nuôi mau lớn lắm đây.

Tư Hân nghe khen cũng khoái chí. Khoe nói mua giá rẻ bèo. Nghĩa là nắm chắc khoản lời trong tay. Chợt hần nói:

- Nhưng mà anh Tư làm lại cái chuồng đi. Chuồng gì hỏng hẻo quá. Trâu của tui mà để chuồng như vậy, nó phá như chơi.

Mặt Tư Hân tái mét. Hình như hần biết mình lỡ lời.

- À xin lỗi, anh Tư tui tình thiệt. Chút nữa anh qua vác vài gốc tre làm róng. Tui biếu anh.

Tư Hân không nói không rằng. Chắp tay sau đít vô nhà.

Trời chưa tối hẳn, có nhiều người cầm gậy gộc bằng mương, bằng rào tỏa ra từ gò mả đến cánh đồng Bàu Dọ. Chó sủa vang trời. Họ đi qua các ngõ ngách trong thôn. Hần cũng chạy ra trước cổng gặp ngay Tám Phụng:

- Ta nói cái miệng mày ngiệt lắm. Mày trù vườn cải tao chưa đã, còn mon men con trâu Tư Hân chi vậy?. Vợ nó khóc quá trời. Dành dụm chút ít mua được con trâu, mừng chưa hết lớn, mới có nửa tháng giờ phá chuồng đi mất tiêu rồi.

- Ủa mà cháu có nói cái gì đâu?

- Cái miệng mày chứ cái gì. Mày nói con trâu phá chuồng,

phá đi thiệt rồi. Mày ác vừa vừa thôi chứ. Tao dạn rồi mày không chịu nghe. Biểu đừng có nói. Mà tao nói nghe nè. Cái đó người ta gọi thần khẩu. Thần khẩu không phải ai cũng có. Trong mười người có vài người thôi. Hề họ nói ra là y như vậy. Nên từ nay, biết giữ mồm, giữ miệng. Phiền lắm đó.

Mà phiền thiệt nghen. Con trâu Tư Hân bay mất dù không có cánh. Tư Hân tức ói máu mà không biết nói sao với hần. Chuyện mất trâu vừa lắng xuống, bài thơ con trâu trời lên. Số là để khích lệ phong trào chăn nuôi sản xuất nhân ngày thành lập chi hội nông dân xóm. Câu lạc bộ thơ mở cuộc thi thơ với chủ đề “chăn nuôi”. Lần này hần quyết chí đem tài năng của mình gọi là góp mặt vào hương sắc làng thơ. Bài thơ hần viết có bốn câu. Thể lục bát hần hỏi.

*Trâu ơi ta bảo trâu này
Ăn no hãy cứ ở rày cùng ta
Đừng chơi phá róng tuôn ra
Ngưu tộc núm được xương da
tan tành.*

Ban chấm thơ họp bàn tới bàn lui, cuối cùng chọn bài thơ Mất Trâu của hần đạt giải. Với lý do bài thơ có một từ rất đặc, rất mới. Mới là từ “Núm”. Núm là kiểu nói trại của nắm theo bà con làng Mộc. Từ núm này mang hơi thở cuộc sống. Rất đậm đà. Núm là động từ, chỉ sự hoạt động có nghĩa là cầm,

giữ kỹ, nắm chắc. Chứ không phải núm danh từ... Tin lành đồn xa đến tai Tư Hân. Bây giờ gió sóng bắt đầu nổi lên trước ngõ nhà hần. Vợ Tư Hân xưa nay bồ bã, giờ nghiêng rãnh như thể ăn tươi nuốt sống hần. Vừa đi chợ ngang qua nhà hần, bà xách hai ống quần lên, dậm chân xuống đất:

- Mồ tổ cha nó. Cũng vì nó mà con trâu tao đi mất. Trâu tao mất mà nó ăn giải thưởng. Giải gì mà giải...

Hần đang hí hửng gởi đầu lên mây vì mấy câu thơ viết với niềm cảm xúc đam mê, bỗng dưng mặt hần xếp lại đột ngột, khi vợ hần về:

- Tui nói có sai đâu. “Thơ”. Giải thưởng ngoài ngõ đó ra ăn đi cho hết. Chồng con mất, vãnh tai ra mà nghe. Hề rờ vào cái gì là hư cái đó mà.

Hần thừ người ra và nghĩ nếu đúng như lời bà nói thì bà là cái hư trước nhất. Nhưng bà còn xài được mà. Thành ra chưa chắc bà nói đúng à nghen. Nhưng từ đó về sau hần không dám mở miệng vào công việc người khác. Đi đâu hần cũng giữ kín miệng. Không khen và cũng không chê. Chỉ gặt đầu chiêm nghiệm trước một câu thơ bác học hay dân gian.

Câu lạc bộ thơ lâu lâu họp một lần. Những người trong hội thơ là những tài hoa của thôn, của xóm. Họ làm thơ như thể móc thơ từ trong túi

ra. Hay lắm. Hấn biết hay mà không dám khen. Và dĩ nhiên là chẳng dám chê. Hấn chỉ việc rót nước, kê bàn ghế, mở quạt và ngồi nghe. Hấn ngồi phía sau các niên trưởng là để có dịp điều dóm, nhớ có ai chơi facebook thì hình của hấn cũng ăn theo chút đỉnh vậy là oách rồi. Trong đám bò gân, bù khú với hấn là thằng Toàn, thằng Tài, thằng Thích... làm nghề trèo cau, chuyên tinh heo, hái dừa mươn tụi nó có biết gì thơ ca đâu. Trong khi tên tuổi hấn được nhiều người biết đến như một hiện tượng thơ nổi trội thì không oách sao cho được. Tuy bị vợ cản nhần nhưng đêm nằm cũng gối đầu lên mây vì lời khen của ban tổ chức. Bóng dáng thơ ăn dần vào tâm hồn hấn mỗi ngày. Nghĩa là có sự say mê. Thơ nhào nặn tâm hồn hay tâm hồn nhào nặn thơ? Vợ hấn biết không thể nào cản nổi cái đam mê của hấn. Nhiều lần nghe người ta nói trong các thứ mê như mê đạo, mê đời, mê vợ, mê các món ăn chơi, thì mê thơ là sang trọng hơn cả. Vậy tội gì mà không mê?. Trong một lần làm vài xì giải mỗi ở quán đầu xóm, Tám Phụng có nói sơ sơ về lai lịch của hấn như vậy:

- Hấn sinh ra chẳng phải “Một đêm rầm mưa gió ngày xưa” như ai đó nói, nhưng thực sự có bà mẹ vườn cắt rốn cho hấn. Bà mẹ có tay phục được. Nghĩa là cắt rốn bằng cái lưỡi

hái, lưỡi hái cùn. Theo bà cứ đo từ rốn ra một gang tay, cắt búp rồi cột lại. Bà mò trong túi lấy ra viên gạch loại gạch qua mấy đời, dùng lưỡi hái ngoáy ngoáy cho ra chút bột đỏ rắc vào là xong. Bây giờ nghe nói đã lạnh tới xương. Không uốn ván thì cũng nhiễm trùng mà chết. Vậy mà hấn không chết. Cứ xối xối lớn. Lớn lên, có trầy da chảy máu, hấn cũng hốt đất bột rắc vô, vậy mà cầm máu liền da. Tám Phụng thắc mắc. Hấn còn thắc mắc hơn Tám Phụng. Là hồi đó phía sau nhà hấn có một dòng sông nhỏ. Dòng sông trong đến cực kỳ. Những hôm trưa nắng hấn nhìn thấy cả đàn cá bơi. Nước trong vắt. Một ngày có đến hai lần hấn tắm ở đó. Lặn ngụp ở đó mà không sần, không sảy, không mẩn ngứa. Nên hấn mê, mê lắm hình ảnh con sông trong vắt ngày xưa. Nghe bài thơ nào nói về con sông trong mát là hấn ngồi xuống, lặng người như đang tắm trong vùng ký ức của mình.

Bây giờ mà tắm như vậy, góp phần cho bác sĩ da liễu công ăn việc làm.

Hấn đem thắc mắc này ra tra vấn Tám Phụng:

- Nè chú Tám, chú nói thử vì sao như vậy.

Tám Phụng vuốt cằm ra điều suy nghĩ rồi buột miệng:

- Có gì đâu. Vì hồi ấy không có con vi trùng♦

Đàn bà

○ Truyện ngắn TRẦN THU HÀ

1. Ngày ấy, anh có cả khối những người bạn văn chương. Người thì cao cao tại thượng, kẻ thì lẳng tử phong trần, lại cũng có người cứ như sống ở cõi mơ dấu tui lúc nào cũng rỗng nhưng xem tiền bạc là phù phiếm không đáng bận tâm... Thời thì đủ kiểu. thú nhất là, những lúc ngồi trong bàn nhậu, trăm thứ bà rần đề ra từ những câu chuyện văn chương, nhưng nói gì thì nói, câu chuyện về đàn bà là không thể thiếu bởi nó như là muối mặn làm tăng vị cho mấy chai rượu mía và dăm lát xoài xanh. Đời là thế. Cái tư duy cổ hủ hình như đã thấm trong căn cốt, dù có thêm bao nhiêu chữ nghĩa thời khai sáng thì cũng có mấy người đàn ông được sinh ra từ cái nôi văn hóa cả ngàn năm phong kiến này coi trọng đàn bà? Nếu không nói quá, trong tư duy hẹp hòi của họ, việc gì có đàn bà chen vào là xem như toang, toang hết. Đàn bà vì thế mà khổ, không bao giờ hết khổ. Vậy nhưng, thật lạ lùng thay, trong bất cứ cuộc đàm tiếu nào của đám đàn ông hay trong đời sống riêng tư của mỗi gia đình, đàn bà vẫn là nguồn cảm hứng bất tận.

Đôi khi ngẫm ngợi, anh lại tự bật cười sảng khoái.

2. Chẳng là, anh có thằng bạn thơ nổi khố từ thời đại học. Nhìn tướng hấn lù đù mà thơ hay phết, nhất là thơ viết về đàn bà, cho đàn bà, gửi đàn bà. Của đáng tội, trời chả lấy hết cũng chả cho ai hết cái gì bao giờ, đã không cho cái vóc thì bù lại là cái óc. Nó làm thơ cứ như mụ đàn bà mấn con, để sòn sòn mà đứa nào đứa nấy mặt mũi sáng sủa như tranh. Thơ nó câu từ chuẩn không chê vào đâu được, ý tứ thì sâu thẳm, giọng điệu lại mượt như bộ lông con mèo nhưng mà các nàng quý tộc hay ve vuốt, hôn hít đến thềm thuồng. Thế nên, hồi sinh viên, các em khoa Văn mê thơ nó đã đành, các em khoa khác cũng phải mềm lòng vì thơ của nó. Đến lúc đi làm, thơ nó vẫn niềm mong đợi của những quý bà, quý cô yêu thơ văn đến si mê, song nếu hỏi vì sao mê họ chỉ cười trừ. Chả bù cho anh, thơ cũng gai góc như người, thế nên đàn bà thấy anh lừ lừ chẳng dám lại gần. Họ đâu biết đó chỉ là cái vỏ bề ngoài, là anh đang cố gồng lên để bao bọc cái tâm hồn đa cảm, dễ mềm

lòng của mình thôi. Bằng chứng, một ngày đẹp trời cuối cùng của tháng, khi nghe thằng bạn thơ một thưở tuyên bố như đình đóng cột, lúc ba người, hai nam một nữ vừa đánh bay nồi cơm chiều tới ba sét gạo đầy: “Tháng sau mày nấu ăn riêng nhé!”. Còn cô bạn em thì mặt đanh lại, cái vẻ đon đả, dịu dàng mọi ngày bay biến mất. Anh đứng như trời trồng và nước mắt từ đâu bỗng tuôn ra không ghìm lại được. Chao ôi, lần đầu tiên anh thấy mình bất lực với chính mình. Anh ôm mặt khóc tu tu, tức tưởi như đứa trẻ lên ba được cưng chiều lần đầu bị mắng rồi lặng lẽ quay mặt đi chỗ khác. Căn phòng tập thể vốn chật chội, bỗng dưng rộng hẳn ra, trống rỗng. Nước mắt của anh khiến thằng bạn thơ và cô bạn em kia bối rối, họ đứng sượng trân, nhìn nhau, không nói thêm được lời nào. Bởi vì, bấy lâu nay họ là ba người bạn văn chương, làm cùng một cơ quan truyền thông, ở cùng khu tập thể, đậu gạo nấu cơm chung vui vẻ và thân thương biết mấy. Rồi hai người họ yêu nhau, anh biết và thầm mong họ sớm thành đôi. Anh cứ nghĩ, để lúc nào thuận lợi, anh sẽ lên tiếng trả lại không gian tự do cho họ. Nhưng anh đã chậm một bước. Trong tình cảnh này, chẳng biết họ hiểu đây là những giọt nước mắt đánh dấu sự thất vọng của một người đàn ông bị “lừa gạt cảm xúc” hay họ nghĩ rằng đây là những giọt nước mắt yếu mềm, hoảng hốt thường thấy ở một người đàn bà quen dựa

dẫm sấp bị bỏ rơi? Anh thực sự hoang mang.

3. Đêm đó, anh trần trọc mãi, không ngủ được. Anh hình dung lại những tháng ngày bè bạn chia nhau từng mẩu thuốc lá, từng miếng bánh mì. Rồi, những đêm chén thù chén tạc dưới trăng, bụng đói cồn cào vẫn đọc vang những câu thơ đắm tình đời. Bất giác, anh cười phá lên trong màn đêm tĩnh lặng. Sau lời đề nghị lạnh lùng đó, tối nay thằng bạn thơ sang ở hẳn với người đàn bà của nó. Chỉ còn mình anh ở lại trong căn phòng sực nức mùi thuốc lá, mùi giấy mực từ những trang bản thảo bữa bộn, mùi than củi thấm thía sự cả tin, sự cô độc và cả sức mạnh đàn bà. Anh cố bao biện cho bạn mình bằng những ý nghĩ hết sức nhân văn. Rằng, chắc nó phải đấu tranh nhiều lắm, phải đau khổ lắm và phải có lý do gì đặc biệt lắm không thể giải bày. Rằng, một người làm thơ hay như nó sao có thể nói bỏ bạn là bỏ được ngay. Hay mình vô tình có lỗi gì với hai người nhỉ. Anh quay cuồng tự giải mã để cho lòng nhẹ nhõm nhưng càng tự giải mã anh càng lâm vào bế tắc, càng rạn vỡ niềm tin. Vô hình trung, anh tự đẩy mình vào nỗi đau khổ vô hình. Rồi anh giật mình, hóa ra, cái thằng đàn ông từng vào sinh ra tử như anh cũng có lúc bị nhiễm chút đàn bà yếu đuối. Nhưng, sau khi nhìn thấy gương mặt tỉnh bơ của hai người họ sáng nay ở cổng cơ quan thì anh quyết định không lẫn tẩn nữa.



Minh họa: NGỌC BÌNH

Anh mỉm cười, tự thú, đúng là đàn bà, đàn bà thật. Không được, phải sốc lại tinh thần thôi, làm thằng đàn ông cũng phải biết việc đàn bà để ít nhất là lo được cho cái dạ dày xấu tính của mình chứ. Lâu nay, ba người ăn chung, cô bạn em kia nấu cho ăn quen miệng rồi, bây giờ tự chợ búa, nấu nướng quả là khó khăn đối với anh. Chậc! Ăn bám mãi cũng kì. Anh buột miệng: “Phải làm đàn bà thôi”.

4. Rồi nửa năm sau anh cũng tìm được người yêu, thoát khỏi tình trường lộn độn. Cuộc gặp gỡ nhân duyên của anh thật tình cờ mà cũng thật may mắn. Đó là một cô gái hồn nhiên, cá tính và thẳng

thắn, công việc của cô không liên quan đến văn chương. Cô đã nhẹ nhàng kéo anh ra, giữ cho anh một khoảng cách vừa đủ với thơ ca, chữ nghĩa một cách tự nhiên. Anh sống đời hơn, ít day trở kiêu văn chương hơn khi nghĩ đến tương lai xa của đời mình. Dĩ nhiên, anh vẫn có thể tự do thả hoa cảm xúc với những tứ thơ nồng nàn và những trang văn hào hoa, lãng mạn. Cắt ngang suy tư của anh, cô ào vào căn phòng lộn xộn, đầy áp giấy tờ như một cơn lốc nhỏ với nụ cười rạng rỡ. “Anh vẫn còn day trở đấy à?”. Cô khựng lại, cất tiếng hỏi khi bắt gặp gương mặt đắm chiêu và cặp mắt thoáng chút

buồn của anh đang hướng về góc phòng, nơi có cái bếp lò nấu than và mớ nồi niêu lỏng lỏng đã lâu không dùng tới. Kể từ ngày có cô trong đời, anh ít nấu ăn hơn, anh ăn ở quán của bà chị cùng cơ quan kinh doanh nấu cơm tháng, thỉnh thoảng anh rủ cô đến ăn cùng. Hôm nay, anh gặp thằng bạn thơ và cà phê với nó, cũng lâu rồi kể từ ngày nó cưới vợ, hai đứa hai mảng việc khác nhau nên cũng ít thời gian bù khú. Mà, muốn bù khú cũng chả được vì cô vợ - bạn - em kia khư khư giữ nó làm của riêng, vả lại cũng ngại chạm mặt nhau. Nhìn sắc diện trầm tư của nó, anh nghĩ bụng, tưởng có đàn bà chăm sóc thì tươi tỉnh hơn, ai dè già đi trông thấy. Lúc này, anh mới thấy mình may thật. Có cô, anh trẻ ra, sống thực tế hơn và vô tư thể hiện cảm xúc. Sau mấy phút để cô mở tròn đôi mắt đen láy trong im lặng, anh đáp ứng: “À, à..., không. Em ngồi xuống đi”. Anh đứng dậy nắm tay cô, đặt lên má cô một nụ hôn và kéo ghế cho cô ngồi. Họ nhìn nhau thật ấm áp. Rồi anh nói với cô về tập san sắp phải hoàn thành, về đêm thơ sắp tổ chức, về những bài thơ anh vừa viết, về những bài khảo cứu, về cái cốt truyện ngắn đang dần hiện hữu... Anh say sưa đến nỗi cô là một thực thể vô hình. Câu chuyện của họ cứ thế, chỉ xoay quanh những đề tài liên quan đến văn chương, chữ nghĩa, tuyệt nhiên không lạm bàn những chuyện đời đã qua hay những tin tức thời sự

ồn ào, kể cả những lời yêu thương có cánh cũng bay biến hết. Anh nói nhiều hơn, cô im lặng lắng nghe, thỉnh thoảng chen ngang vài câu cổ vũ. Ngộ thật. Nghe chừng bụng đã cồn cào, anh bưng tỉnh, nhìn cô rồi thầm nói với mình: “Đàn bà cũng hay mà”.

Ngày chớm thu, đất trời đón những cơn gió heo may đầu tiên thật dịu dàng. Anh mượn chiếc xe máy cà tàng của ông bạn văn nghèo cố hữu, lang thang qua vài con phố quen một thời gắn bó. Tất cả đã thay đổi hẳn sau mấy mươi năm anh rời đi. Nơi anh ở bây giờ đã là một tòa nhà ba tầng khang trang, phía trước là giàn hoa trang leo trắng hồng rực rỡ (hoa này còn có tên gọi khác là sử quân tử). Anh quyết định đến thăm vợ chồng thằng bạn thơ ngày ấy. Nhưng, anh không tin vào tai mình nữa, khi phía sau cánh cửa, tiếng một người đàn ông có vẻ nhũn nhặn lấy lòng: “Thì cứ theo ý em đi, em chọn bài nào cũng được!”, tiếng người phụ nữ đáp lại: “Anh phải nghe em, không thể để họ lấn lướt mình được, thơ ổng hay thiệt nhưng em không thích ổng...”. Anh khẽ rung mình thảng thốt, chẳng lẽ đây là kết quả “tôi luyện” mấy mươi năm qua của thằng bạn thơ một thời anh yêu quý (và ở góc độ thơ sẽ mãi còn yêu quý!) đấy ư? Cảm giác hụt hẫng xâm chiếm tâm hồn anh, anh không nhấn chuông nữa, trở đầu xe và nổ máy, trong óc anh hiện lên rất rõ hai chữ: “ĐÀN BÀ”!♦



○ VÕ THỊ HỒNG TƠ

Xanh với rừng xanh

Vẫn nguyên vẹn
Những cánh rừng êm ả
Đón chúng tôi
Thăm lại chiến trường xưa

Mái lá trung quân
Còn đợi đến bây giờ
Hơi ấm các anh
Vẫn còn đây
Trong căn hầm bí mật

Nghe nhịp đập
Những trái tim trong đất
Gửi hồn xanh ở lại với rừng xanh
Giữa điệp trùng
Thương nhớ mông mênh
Có đôi mắt người vợ hiền trông đợi

Để hôm nay
Trên cánh rừng tươi mới
Chúng tôi đi
Nghe gió gọi tên mình

Tiếng ve chiều
Nhắc mãi chiến công anh.



○ LÊ ANH PHONG

Tâm tình... tháng Tám!

Tháng Tám, mây trời xanh thê!
Mùa Thu tha thiết gọi mời
Tình Thu dịu dàng hoài niệm
Tâm tình thao thức... đầy vơi?

Tháng Tám, ngày trôi thư thả
Nắng loang màu cúc mơ màng
Bức bối, nồng nàn mùa Hạ
Xin nhường thanh thản Thu sang.

Tháng Tám, mệnh mang cô tịch
Hiên chùa thoảng tiếng chuông rung
Nghe lòng lằng lằng thanh thoát
Hư vô nổi nhớ người đứng.

Tháng Tám, chim chiều về tổ
Vườn ai trái chín rụng đầy
Tha hương, hồn ta phiêu lạc
Se lòng, cơn gió heo may.

Tháng Tám, trong veo mơ ước
Gió lành, nắng mật chen đưa
Thảo thơm dâng trào khát vọng
Xốn xang, mùa hối thúc mùa...!

○ NGUYỄN THÁNH NGÃ

Nỗi buồn thánh

Đêm cúi xuống
Lặng thầm nghe nước đổ
Máng xối trôi xuôi chảy bớt đêm dài

Bước chân ai
Hay bước chân ta đi vào cơn ngủ
Ru nỗi buồn uy nghiêm

Ơi vàng trắng
Vàng trắng lẻ loi bên rào
Còn ta lẻ loi bên nào
Bận bề xa mùa covid
Có người vừa mới cách ly...

Chợt mơ thấy mình kẻ trộm
Trộm vàng trắng cho em
Sáng soi con đường phong tỏa

Em đeo khẩu trang buồn
Cúi nhìn chiếc lá
Thấy lá cô đơn hơn mình
Là biết hương gieo mùi nhớ

Là biết tình như làn gió
Sẽ trôi
Sẽ bay
Như là sông dài...

○ BUI VĂN CANG

Những tâm hồn lớn

Em chạy đua với bao quãng thời gian gấp rút
Lưng áo đầm mồ hôi
Thân xác mỗi rã rời
Quên ăn, ngủ để cứu thêm nhiều sinh mạng
Có phải em, tiên nữ xuống giúp đời?

Anh cũng thế, như người lính quân y ngoài trận địa
Chẳng quản gian lao, nguy hiểm khó lường
Bàn tay, khối óc luôn hoạt động
Cố sao hàn gắn những vết thương
Cố sao vực dậy những linh hồn
Nằm thoi thóp bên rìa tận số.

Các vị Phật tiên đâu chỉ có trong câu chuyện cổ
Mà hóa thân người thật ở nhân gian
Ôi! Những tâm hồn như sông lớn chảy menh mang
Đứng trước họ, tôi thấy mình bỗng nhiên nhỏ bé.

Ngoài đường kia,
Nhiều người quen gặp nhau sao hờ hững thế
Bởi khẩu trang đã che giữa chúng ta
Nhưng đáy lòng vẫn dâng sóng thiết tha
Tình nhân ái muốn sẻ chia hơn bao giờ hết.

Anh, em và tất cả chúng ta cùng gắng lên
đẩy lùi đại dịch
Và tháo đi những mặt nạ vô tâm
Để lại gần nhau tỏ niềm thân mật
Sống chan hòa, xây ước vọng trăm năm.



○ KHÔI NGUYỄN

Đưa thuyền về bến bình yên

Nhiều khi tôi muốn khóc òa
Mà thôi, nước mắt chẳng xoa dịu buồn
Tai ương chẳng rõ cội nguồn
Từ đâu trôi nổi trên dòng nhân sinh
Ngày như sập tất bình minh
Mà nhìn đâu cũng rập rình Cô vi
Bao nhiêu người đã lâm nguy
Bao nhiêu áo trắng khổ vì bệnh nhân
Bao nhiêu tình nguyện dấn thân
Còi xe cấp cứu hú gần hú xa...
Mỗi ngày cứ lại thêm ca
Khổ đau bất hạnh tràn qua biển đời
Bút cầm tay, dạ rối bời
Viết bao nhiêu cũng chưa vơi muộn phiền
Phận người như giữa con thuyền
Mà chưa biết lúc nào yên bến bờ
Vẫn hi vọng, vẫn đợi chờ
Vẫn theo cuộc chiến từng giờ từng giây
Chống chèo góp sức chung tay
Đưa thuyền về với tháng ngày bình yên.



○ NGARIVÊ

Khát

Khát

Giữa hoang mạc sông suối tiêu điều
Đâu rồi cây đại thụ, sông trong, suối sạch?

Khát

Giữa im ắng âm thanh nguồn cội
Đâu rồi điệu Kalêu, Kachơi, Hát ru...
Tiếng Chiêng đồng, Ra ngói, đàn Vroac?

Khát

Khi trên tay cầm ly nước ngọt
Nhớ quay quắt vị Hanoac, rượu cần
Đứng trên tầng cao nhà ngói xây hiện đại
Nhớ quay quắt mái nhà sàn ấm áp tình người

Khát

Cứ thế khát hoài
Cứ thế khắc khoải
Khắc khoải...
Tê buốt cõi lòng

○ THANH LƯƠNG

Bên dòng Trà Khúc

Em vẫn đứng bên dòng Trà Khúc
Nhìn hoàng hôn ngả bóng Long Đầu
Vẳng bên tai sáo diều lộng gió
Bay cùng mây Thiên Ấn... qua cầu...

Em vẫn đứng bên dòng Trà Khúc
Thả bâng khuâng con nước xuôi chiều
Bên bờ bồi trái tim lạnh khuyết
Phía bờ kia lở đáy nông sâu

Chiều ngả bóng xuống cầu Thạch Bích
Mây trên đầu thương nhớ đây vơi
Em gái phố gửi niềm chờ đợi
Ai nhật về để gói lá tương tư?

Đêm buông xuống bên cầu Cổ Lũy
Ngắm trăng thề ghép ánh sầu vơi
Vùi tượng đá dưới chân đỉnh dốc
Thiên Mã bay về từng hạt sao rơi...

Dòng Trà Khúc hát lời tình rất lạ
Mai một hợp tan người có lại về
Vẫn lặng lẽ ta bên con phố nhỏ
Ru lòng cùng Trà Khúc điệu tình quê...

○ HỒNG MÃO

Lên Hà Giang

Lên Hà Giang
Vượt qua “Cổng trời”
Tôi lặn trong mây trôi
Choàng ôm cột cờ Lũng Cú

Núi giảng thành... biển núi
“Công viên địa chất toàn cầu”
Bãi công nhón nút ngàn cửa Tổ quốc tôi

“Ngôi nhà Vương” còn đó nói với đời
Ý chí người Tày, người Mông cao hơn núi
Moi hốc đá trông ngô... tháng năm lắm lùi
Để có bát ngô đầy cho lũ cháu con
Một chén rượu ngô ngây ngất xóm làng
Đón nắng xuân về Đồng Văn, Mèo Vạc...

Núi choàng ôm mây
Mây choàng ôm núi
Cột cờ Lũng Cú
Lồng lộng cờ bay
Vờn trong tiếng suối reo
Tiếng mõ trâu lật đất đường cày
Tiếng cồng chiêng bập bùng bên lửa đỏ
Tiếng ê a học bài của bầy em nhỏ
Hoa Giáp mạch dâng hương nở đỏ khắp vùng biên
Lan tỏa đầu dây
Tiếng chuông chiều uất nghẹn... đất Vị Xuyên!

Hà Giang công viên đá trình nguyên
Hang Chui, Động Tiên, Suối Tiên... ẩn dật
Chợ tình Khâu Vai Mèo Vạc
Tiếng khèn ái ân đánh thức con tim...

○ UNG VĂN KHÁNH

Mỹ Khê một trưa hè

Một thoáng trưa hè với Mỹ Khê
Đại dương sóng biếc rủ nhau về
Ôm bờ cát trắng ru cơn mộng
Ngập bến ghềnh vàng đỗ giấc mê
Bát ngát mây trời in mặt biển
Ngút ngàn đất nước dậy hồn quê
Buồm căng gió lộng thuyền chao lướt
Vươn cánh trùng khơi khắp bốn bề...



○ NGUYỄN MẬU CÔNG

Chút dư hương

Dịu nhẹ thơm đưa sát cổng tường
Lan vàng phảng phất tỏa dư hương
Nhà ai xáo động trăng vờn lá
Gác nọ ngân dài điệu nhạc vương
Lối cũ ta về tình cuối ngõ
Vườn xưa lá rụng động ven đường
Người ơi có nhớ mùa hoa nở
Dạ khúc hồi lai mấy đoạn trường.

Khắc Minh và những khúc tình thi

○ NGUYỄN DUY LONG



Nhà thơ KHẮC MINH
(8/3/1937 - 19/12/2020)

Khắc Minh tên thật Nguyễn Khắc Minh, còn có bút danh Nguyễn Quảng Ngãi, Nguyễn Thiên Bút. Quê làng Chánh Lộ, nay thuộc phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Bắt đầu viết từ năm 1956, đã có thơ đăng từ trước 1975 trên một số tạp chí tiến bộ ở miền Nam như *Phụ nữ Ngày mai*, *Phụ nữ Tiền phong*, *Thời nay*, *Văn học*... Tác phẩm chính: *Thơ tình* (1968), *Chân*

mây điệp khúc (1969), *Lời bày tỏ trong thơ* (2020)...

Tập thơ đầu tay “Thơ tình” của Khắc Minh (Nhà Xuất bản Thơ, in chung với “Thơ tình” của Luân Hoán) ra mắt năm 1968. Tập thơ nhỏ nhắn gồm 19 bài thơ rời, dài ngắn không đều, ra đời rải rác từ năm 1960 đến 1967 như dòng phụ chú ghi trên trang tiêu đề. Có thể nói, phong vị bàng bạc của cõi thơ này là dòng sông của tình yêu. Tình yêu cuộc sống, tình yêu quê hương, tình yêu lứa đôi và còn là tiếng vọng tâm thức của một lớp người khi đất nước còn chìm đắm trong chiến tranh. Nói cho phải, bao nhiêu cây bút đắm mình trong nguồn mạch yêu thương chứ đâu riêng gì ai nhưng ở đây là một Khắc Minh với cái dáng vẻ yêu kiều riêng. Không phải là bức khảm đầy sắc màu rực rỡ và lung linh, cũng không có những đột phá “lạ hóa” cấu trúc, nhịp điệu

khi ngắt câu, xuống dòng, “phá cũi sổ lồng” khi chọn chữ, đặt lời. Mà tìm về dáng dấp nhuần nhị, phong vận đăng đối, hương sắc dài các và đầy tính ước lệ: “*thả thơ bay cuối ngọn trời / lung linh bóng nắng chơi vơi khói chiều / gió khua sóng lúa đều hiu / ngàn năm tình thấp nửa chiều thơ bay*” (Thả bay sợi nhớ). Sở dĩ được thế vì chừng như có lớp thi liệu xưa cũ dậy nên làn hương khê khàng và trầm mặc: “*men rượu loãng dần trong ý thơ / giai nhân lỗi hẹn thế nhân chờ / cung mi ai khép vào hư ảo / vạn kỷ sâu lên giấc mộng hờ*” (Nhớ thương). Và cũng vì xem ra có điển cố mây Tần, sông Tương, sông Ngân, Ngưu nữ... Lại cũng vì lớp từ ngữ Hán Việt kiêu cách và trang nhã trong khuôn điệu cổ điển như ngũ trúc, song thưa, giấc mộng hoàng hoa... Như “*hai ngã đường đời hai nhớ thương / mắt xanh lịm chết giữa môi hồng / không gian vây kín hồn trinh nữ / hai ngã đường biết mấy nhớ thương?*” (Nhớ thương). Thơ ông không đi xa hơn so với đương thời, càng chưa hẳn là những “danh hoa” hay “dị thảo” song vẫn có lối đi riêng của mình.

Khung trời thanh khiết trong chiều muộn tịch mịch. Thoáng đó là dáng ngọc đương thì, bờ vai u huyền, mái tóc mươn mượt buông xòa: “*em còn chong mắt hong thơ / xòa phơi tóc ướt che mờ gót chân*”. Và tiếp theo, chiếc bóng không nhìn rõ được hình hài, thời khắc khi vơi khi đầy, như thực,

như mơ, ru võ trù mên: “*anh về cuối ngõ ngai ngần / nghiêng hôn tóc rối trong sân nắng tàn*” (Dáng thơ). Cơ hồ chồi xuân tựa mình, sức sống thanh tân đón đợi nguồn thương yêu. “Ga nhỏ” là những tình, những cảnh luyện nhớ của cuộc tiền đưa. Con tàu âm u trong đêm mang vẻ quạnh hiu và thê thiết: “*còn em với bóng ga buồn / đèn le lói thấp khói cuộn cuộn bay*”. Phải rồi, kể ở thì rầu rĩ: “*với tay đưa tiễn hồn ray rút sâu*” còn người đi thì thốn thức: “*còn tôi chừ tiếp niềm đau / nhớ thương chật cả chuyến tàu vào đêm*”. Ô kìa. Cảnh vật như tương giao với niềm đau hoang lạnh không thể lặn vào trong: “*đường rầy hút bóng dài lên / nối dài khoảng trống ga em đợi chờ / tôi còn buồn thấp trong thơ / đèn pha không đủ cắt bờ hoang vu / gió thì thâm chuyện riêng tư / cát ôm bãi vắng sương mù tiếp qua*”.

Hầu hết các bài thơ đều mang ý vị thanh tao thì bài “Say” này không thẹn thò nữa mà len vào thềm muộn nồng nàn da thịt “*tay vương đôi ngực em mềm / mắt ru mắt ngủ môi tìm môi ôm*”. E dè được cởi bỏ, lối nghĩ phóng túng, ngả sang cung bậc mỹ cảm khác. Bài “Tiếng nổ” kia bất chợt nồng rực nhục cảm của trai gái đương thì giao hòa hai tâm hồn, hai thể xác, cảm xúc yêu đương đã đến điểm ngắt ngảy: “*pháp trường đứt khoảng tiếng kèn / sao em gục ngã trên thềm môi anh?*”. Phải chăng ẩn hiện đằng sau kia là lối rẽ thử

nghiệm hay vì không thể giấu ngọn lửa nhục thể đậm chất thể tục. Sum vầy chỉ là thoáng chốc. Rồi mòn mỏi biết mấy chuỗi ngày cách trở *“Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia”* (Kiều). Lay động tình điệu xa vắng, gợi nhớ, gợi thương thứ men tình ái nghe chạnh lòng từ bến mơ, nẻo mộng xa, xa lắm: *“(…) chừng như bờ sáng sương mù / tàu neo đảo lạnh hoang vu biển dài (..) đếm sao tính tuổi ưu phiền / buồn ray rút nhớ đất liền của em (..) tôi chờ ở cuối non cao / nghe xa sóng vỗ lời trao lời thăm”* (Lời vọng). Đây đây, được chút mong manh của hạnh phúc nằm ngoài tay với. Đây kia, choàng nhẹ khung mơ sương khói mang mang. Cõi lòng càng đơn côi, càng cảm thương được hình bóng tịch liêu: *“buổi về sầu kín vây quanh / đành xin đứng đó đỡ dành quê hương”* (Trên quê hương yêu dấu). Để có một bài thơ hay cố nhiên đã khó rồi. Để có bài thơ động trong lòng công chúng lại còn khó hơn nữa. Khúc tự tình *“Bài đất mẹ”* là khuyên son khiêm nhường, tạo được niềm cảm mến như Võ Chân Cửu ghi nhận trong tập *“Vén mây”* (2017): *“Nhà thơ Khắc Minh (...) trước đó cũng đã được giới người đọc truyền tụng một bài thơ khá hay về quê hương khắc nghiệt này”* (trang 91 - 2). Đó là những thi phẩm biểu tượng thân thương nơi quê nhà như tiếng nói tha thiết: *“chiều Thiên-án bóng chìm mờ xuống thấp / sáng sông Trà mưa từng vệt nghiêng che”...*

Tôi không có ý đặt bên ông những tên tuổi lẫy lừng xưa nay. Nhưng... Không hẹn mà chợt nhớ Thần Siêu từng vẽ một biểu tượng văn hóa ở tháp Bút trước đền Ngọc Sơn: *“Tả thiên thanh”* gợi lại cho đời sau. Rồi cũng tự nhiên mà chợt nhớ Thánh Quát từng ký thác tâm can qua một dòng sông Hương dài như thanh kiếm dựng giữa trời xanh. Hơn trăm năm sau, Khắc Minh tiếp nối thi ảnh này khi ước vọng: *“xin Thiên bút viết thơ tình thứ nhất / cho thơ ta thấp sáng tận đỉnh trời”*. Giữa những dòng chữ bùng lên niềm kiêu hãnh trước bước chân vội vã của thời gian, tôi ngỡ như ông tự tin khuôn mặt tinh thần của mình mai này sẽ còn lại... Dù thế nào đi nữa, chỉ thế thôi đã là một hạnh phúc.

Đến đây, *“Chúc từ”* dạo cung đàn dồn thắt cả cõi lòng trước một cuộc tình gây đổ còn dang dở trong ký ức: *“anh bỏ về xin làm người thương cổ / đốt lá rừng sưởi ấm những cô đơn / rừng rú đó giang sơn xây huyết lạnh / chôn tình yêu và chôn cả giận hờn”*. Nếu Kim Trọng tự rỏ rúng mình là *“dấu bèo”* và xưng nàng Kiều là *“đài gương”*: *“Đài gương soi đến dấu bèo cho chăng”* và đến lượt Phạm Kim không ngần ngại thề bồi và cầu khẩn Quỳnh Thư: *“Xin soi xét đến tấm lòng ai”*. Thì sang thời hiện đại, tiếng lòng đã khác biệt, lẫn thẩn không đầu mà nhớ se thắt người tình đã xa ngàn dặm: *“xe hoa nào đưa em*

về địa ngục/ bờ môi nào ve vuốt môi em?”. Triện ngọc cuộc tình đã vỡ, đành cất lời dằn dỗi, hờn trách gởi đến người phụ bạc: “gió núi - mưa rừng - sa mù - bão táp/ con chim nào vừa gãy cánh bơ vơ/ xin đứng đó ngàn năm làm tượng đá/ để được nhìn em cúi mặt đi qua”. Cái ngạo nghễ (hay ngất ngưỡng) có vơi đi chút đắng đau ghen tâm can hay chỉ là tiếng thở dài tuyệt vọng đấy thôi?

Khung trời in dấu hạnh phúc lại ngân lên cung đàn buồn nào. Đôi môi đầm duyên, óng ánh mặt ngọt ngày nào mà sao đã ngoa ngoắc: “thành phố cũ còn vùng thơm địa ngục/ một dáng cười sao đã thoáng chưa ngoa?”. Cái cô tịch của thời gian bất tận, cái quanh quẽ của không gian muôn trùng, đã bớt chút rã rời, đã thêm chút xuân sắc mà ướp đọng vào hồn thơ, lắng kết vào bến bờ nghệ thuật: “rời tình yêu lớn dần trong trí nhớ/ trên mình anh rêu bụi kết thành thơ”. Xếp lại mối tình lỡ nhịp đã tàn nguội, cung đàn giấu kín dấu đó ngân vang: “đốt thư tình anh ghi lên vách đá/ chút từ buồn bày tỏ nỗi yêu thương”.

Sau tập “Thơ tình” đầu tay, Khắc Minh đánh dấu hành trình tinh thần qua tập thứ hai “Chân mây điệp khúc” (cũng in chung với “Ca dao tình yêu” của Luân Hoán, 1969). Nhan đề tập thơ se duyên từ câu thơ xưa “*Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chân mây*” (Chinh phụ ngâm). Nhưng không

phải là giai điệu tiêu tao của người khuê phụ mà là điệu ru trầm buồn của kẻ chinh phu ngoài “chân mây” cô liêu đang mòn mỏi ngóng trông người chinh phụ rất dỗi cô độc trong “cánh cửa”. “Chân mây điệp khúc” gồm 11 chùm lục bát truyền thống. Ngoài giai điệu “Chân mây” mở đầu, là 10 giai điệu được đặt tên “Chân mây điệp khúc 1” đến “Chân mây điệp khúc 10”. Tình ý “Chân mây điệp khúc” vẫn trong cảm thức thẩm mỹ của “Thơ tình”, không ngớt lay thức nỗi nhớ, nỗi yêu trong xa cách với lời thì thầm của một người đi trong miền mộng mơ vượt ra ngoài ràng buộc: “Xin tất cả dành trọn cho em như bày tỏ niềm tin của một người, thích làm thơ - ngợi ca tự do, tình yêu và khát khao hạnh phúc” như đã viết trong bài thơ văn xuôi “Lời bày tỏ trong thơ”. Có lẽ đấy cũng là khí chất và cũng là tín niệm văn chương: “Suốt đời đuổi mộng bờ phiêu bạt/ Tình vẫn giang hồ trong chiêm bao” (Tình giang hồ).

Những điệp khúc khá đồng dạng về thi liệu và bút pháp. Những cảnh sắc thiên nhiên thân quen trong thơ Việt từ thuở nào: Những đồi hoang bãi vắng, gió núi mây ôm, bãi chao bóng nước, những “*lưng triền dốc đứng cheo leo/ lỏng cương ngựa hí khuya se sắc buồn*” (Chân mây). Những tâm cảm tương hợp với nhịp giao hòa của đất trời, vài đốm sáng hắt lên trong đêm rừng hoang lạnh, giữa mệnh mang sông nước, trùng trùng mây phủ “bốn mùa khói đá chơi vơi/

nửa đêm đứng đợi sáng trời vọng trông” (Chân mây điệp khúc 4). Những nhạc điệu yêu thương cơ hồ vỗ về nỗi đơn côi và phiền muộn: *“rừng xa khuất nẻo thâm u/ trái hồng nổi nhớ xa mù mù xa”* (Chân mây điệp khúc 6). Nhưng kìa, phía ấy là âm điệu mang mang và dồn nén, mấy lần bồn chồn, lan thấm vào khói sương tâm tưởng: *“rừng xưa con động qua đêm/ dài lên nhớ tuổi khát thêm gặp nhau”* (Chân mây điệp khúc 8). Và đằng đó một tình yêu không trọn vẹn. Từ nơi non cao nhìn về biển xa, nỗi lòng đã dần dỗi cả tà áo thanh tân: *“phố phường sương nắng ai che/ gió lay áo mỏng ai ve vuốt nhìn”* (Chân mây điệp khúc 2). Chốn phồn hoa đô hội kia nào đâu hiểu tình cảnh lẻ loi của người ở nơi chân mây” xa thăm. Chợt nhớ Nguyễn Bính chẳng từng diễn tả tâm trạng cầu khẩn, van nài: *“Tôi muốn cô đừng nghĩ đến ai/ Đừng hôn, dù thấy cánh hoa tươi”*. Ở đây, hiền lành hơn, chỉ là ước hỏi bằng quơ của kẻ lạc mất tin yêu và lẩn thẩn trách móc nhân gian.

Lục bát Khắc Minh không khơi mở chân trời mới, vẫn là kiểu thức từ chương cổ điển. Phép tiểu đối, từ láy âm, điệp vần để lại dư ba nhớ nhung người tình đã chia phôi, đã cách trở tự thuở nào: *“tình chia cách nẻo non ngàn/ khuya ôm bóng đợi trưa dang tay chờ”* (Chân mây điệp khúc 6). Hình ảnh gợi cảm và gợi buồn, dặt nên sợi tơ óng ánh cảm xúc: *“lênh đênh sông chở tình nguồn /*

bồng bênh xuống núi menh mông biển chờ” (Chân mây). Hình ảnh này có thể không tân kỳ nhưng ai bảo rằng non tay, cũ càng: *“chợt nghe thoáng mộng trở hồn/ chiều mưa nhớ phố tháp ngàn động chuông”* (Chân mây). Cảm quan có thể không đặc sắc nhưng ai bảo rằng không điệu đà, biến ảo: *“dưới sương sao khép dáng buồn/ cành trên nghiêng bóng chim rừng thôi ca”* (Chân mây điệp khúc 1). Và đây nữa *“đêm nghiêng nghiêng bóng bóng mờ mờ lay”* (Chân mây điệp khúc 4). Ý và lời đăng đối, đan đi đan lại như dấu luyện tạo nên tiết tấu ngân nga như đợt sóng, đầu như thời khắc đang cựa mình, hồn người ngỡ như sóng sánh trong chốn hư không hiu quạnh. Quả là lúng túng trước cái tưởng chừng như chẳng có gì bày ra trên dòng chữ này. Sự thể là do đâu? Nghệ thuật thường ngoạn bằng tâm cảm và trực cảm mà đôi khi cái hay, vẻ đẹp thuộc loại “bất khả tri”, đâu dễ giải mã rành mạch. Mà nhọc lòng giải mã cũng không sao ra nhẽ, tâm tùy thích, mặc ai cảm thế nào thì cảm.

Có lẽ do quan niệm nghệ thuật, thơ ông ít va đập với tiếng đời xôn xao, tạp âm thời cuộc, nếu có, phải nói là chỉ là thoáng qua chút cảm khái thế sự và ký thác nỗi sầu nhân thế: *“tay cao với ngọn trời chiều/ đỉnh nghiêng im dáng hắt hiu mộ hồn/ vọng âm chuông thờ nhịp buồn/ theo chân dấu nắng đổ cồn cát xa/ người đi đất bụi nhạt*

nhòa/ tôi về sầu trải bao la ngậm ngùi” (Trên đôi Thiên Ấn thăm mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng)... Cho nên, tiêu biểu của đời thơ Khắc Minh chủ yếu vẫn là những khúc tình thi.

Và những vần thơ rời vẫn giữ gam màu hiền hòa và mộng mơ từ những năm 1960. Song càng về sau, tuổi đời thêm chín, dường như nhà thơ đi bên lề cảm hứng thế sự và “bất nhịp” với rung động đầu đời của cõi lòng yêu thương. Và có phần nhí nhảnh, trẻ trung và trong trẻo hơn nhiều. Thì đây, một “Vườn cổ tích” lắng gọi tiết tấu thắm tươi và rạng rỡ: *“Em về hong tóc đầu tiên/ Thả nghiêng sợi nhớ để tìm rộn ràng”*. Rồi đây nữa, giọng nũng nịu “Biển hát” khép mở khoảng trống vô tình kia như sợi khói tan mờ: *“Từ một lần qua đó/ Ai nói lời chia tay?/ Để cuộc tình thơ ngây/ Chập chờn xanh ký ức”*.

Ừ, lại có một “Mùa xuân mơ ước” mơn mẩn sức sống khi đất trời giao mùa: *“Khi mùa xuân tới/ Tình ta sẽ vời vợi/ Thơ sẽ bay - nắng sẽ ấm - chim sẽ ca - hương sẽ thơm/ ngào ngọt trong tim”*. Thì đây nữa, một “Lời chào tháng Giêng” chợt nhiên khơi động một bóng hình, ra rít nỗi niềm xao xuyến: *“Tháng Giêng em đứng bên đồi/ Hái chùm lộc biếc gọi mời ý xuân/ Như còn một thoáng băng khuâng/ Thẹn thùng ngỏ ý ngại ngần ước trao”*.

Nếu như trong “Thơ tình” đã gói ghém góc lòng với người bạn

đời (Ngón thơ) thì ở đây đọng đầy hình bóng miền sông Hương núi Ngự, nơi chôn rau cắt rốn của vợ hiền: *“Khi về đỗ giấc bình yên/ Nằm mơ thấy Huế dịu hiền trong tôi”* (Khi người qua cầu Trường Tiền). Một khúc ru sâu lắng và thoảng nhẹ sương khói của xao xuyến, chờ mong, thương nhớ trong thảng ngày cách trở: *“Làm sao quên cửa sổ phòng em học/ Ngọn đèn nghiêng cho khuôn mặt em buồn/ Anh đứng đợi từng đêm ngoài đậu vắng/ Em thoáng cười anh về ngủ mộng vui”* (Khi về thăm Huế).

Đây nữa, nâng niu biết mấy kỷ niệm dưới mái trường xưa êm đềm. Có còn đâu thầy trò rộn rã bên song cửa lớp, mạch cảm xúc thắm thiết nghĩa tình thầy trò: *“Con về nắng nhạt chiều nghiêng/ Đứng trên cầu Phủ lặng nhìn hoàng hôn/ Mưa đan sợi rối trên sông/ Nhớ thầy thương bạn bỗng lòng rưng rưng”* (Về thăm trường cũ). Và đây nữa, dòng hồi ức xúc động về mẹ già dẫu yêu, còm cõi, sớm hôm ngược xuôi bươn chải nơi đầu ghềnh cuối bãi. Cũng là hình bóng của muôn người phụ nữ thuở xưa. Cũng là cái nhớ, cái thương trong vòng tay mẹ ru mà hầu như ai cũng sẵn có nên dễ gây đồng cảm: *“Quê hương từ ngày trở lại/ Cối trâu ngời già mẹ mong/ Gậy tre tay cầm run rẩy/ Mỗi mồn thấp thỏm chờ con”* (Mẹ). Bên cạnh đó, cần nói thêm, trong nhiều bài thơ rời, dẫu vô tình hay hữu

ý, hình tượng như “chạm vào hồn thơ”, “trải tình vào thơ”, “bồng bênh ý thơ”..., không chỉ đến một lần, thi thoảng gặp ở bài này bài kia. Và dường như, nó đã ăn sâu trong tâm thức, không còn là thủ pháp luyến láy như trong “Chân mây điệp khúc” nữa mà tiềm ẩn hơi hướm lặp lại, không thể bút phá khỏi khuôn khổ chính mình. Sao cho không lặp lại chính mình là một điều rất khó.

Có thể có người cho rằng, như thế, có phần đơn điệu, ít biến hóa và giới hạn biên độ sáng tạo. Điều đó không hề gì. Biết đâu đấy là nét duyên riêng và mảnh trời riêng của một ngòi bút. Thơ hay đâu phải chỗ cách tân hay cổ điển mà là tâm cảm khao khát đi đến tận cùng cảm xúc. Và lối viết truyền thống dễ tạo không khí giao hòa và còn chỗ đứng trong lòng người yêu thơ hôm nay. Đó cũng là sắc diện thi ca không xa tiêu chí mà Thẩm Ước từng bàn (Lê Quý Đôn dẫn lại trong “Vân đài loại ngữ”): “*Văn chương nên theo ba điều dễ: Dễ thấy việc, dễ biết chữ, dễ đọc*”⁽¹⁾.

Thơ Khắc Minh là vậy đó. Còn văn xuôi cũng là nét vẽ của bức chân dung tự họa đầy sắc màu nên thơ và lãng mạn. Xin đọc lại tùy bút “Mưa giăng bên sông”. Phải chăng, dòng sông ấy là bến đỗ của hạnh phúc: “*Những vì sao mơ ước vẫn còn lấp lánh bên kia sông (...) Ở đó, tôi biết chắc em còn nâng niu ngọn tình thả chìm trong trí nhớ, còn đợi chờ*

một người trở về trong giấc ngủ mộng mơ”. Và tùy bút “Khu đồi triền dốc”. Phải chăng, khu đồi ấy vậy gọi ngả rẽ hoài niệm mà thương mà nhớ. Dường như kẻ đa mang, lòng càng thêm nuối tiếc những cuộc tình đi qua đời nhau, đã về đâu, biết đâu mà tìm. Không chút rụt rè, khép nép mà nhuốm vẻ phong trần và tình tứ với từng gương mặt rất đời thân thương: “*Và bây giờ, từ đôi mắt của Quyên, tôi có thể nhìn thấy màu áo tím của Phương, chiếc nhẫn màu hồng của Ngọc, lọn tóc màu nâu của Thụy và đoạn cuối bức thư tình của Trâm. Tất cả xin hãy bình yên trên khu đồi mùa xuân này*”.

Lại nữa. Lời thì thầm yêu dấu kia chợt như gói trọn thanh âm cuộc tình, phong lại dấu chân trên khu đồi này: “*Hình như mùa xuân đã về dưới kia, trên khu đồi tình còn để lại những gì hồi Phương, hồi Ngọc, hồi Thụy, hồi Trâm...*”. Nhưng làm sao khác được, những cái đã đi qua, nhất là những kỷ niệm tình yêu bao giờ cũng là những cái đẹp còn lưu lại. Đẹp và buồn. Thơ Khắc Minh là những khúc tình thi đẹp và buồn như thế!♦

CHÚ THÍCH:

[1]. Lê Quý Đôn. *Vân đài loại ngữ*. Tập II (Quyển 4, 5, 6, 7). Tạ Quang Phát dịch. Tủ sách Cổ văn, Ủy ban Biên thuật, Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa. Sài Gòn. 1972: 89.

Nhà thơ Thanh Thảo với Nam Bộ

○ MAI BÁ AN



Nhà thơ THANH THẢO

“**V**ăn hóa và sinh thái Nam bộ qua thơ và trường ca Thanh Thảo” là tên một tham luận tôi tham gia Hội thảo khoa học quốc tế “Văn hóa và sinh thái Nam Bộ trong văn học Việt Nam”. Để phù hợp với số trang Tạp chí, chúng tôi xin giới thiệu phần đầu và phần kết của tham luận.

1. Thanh Thảo với Nam Bộ

1.1. Những vùng đất đã qua, những con người đã gặp

Trong cuốn “Lang thang qua chiến tranh” (xuất bản năm 2017), dưới dạng hồi ức, Thanh Thảo đã viết: “có thời gian tới 5-6 năm trong chiến tranh, nghĩa là trước khi tôi đi chiến trường 1 năm (tôi ở chiến trường Nam Bộ 5 năm), tất cả những bài báo của tôi viết cho đài phát thanh, dù là đài Tiếng nói VN hay đài Giải Phóng đều không nhận được một đồng nhuận bút nào”. Nghĩa là suốt 5 năm với tư cách là phóng viên, Thanh Thảo đã dong ruổi khắp vùng đất Nam Bộ. Tập thơ đầu tiên “Dấu chân qua trắng cỏ” cùng những bài thơ nổi tiếng và cũng không ít “tai tiếng” của ông đều được viết trong những năm tháng ấy (Thử nói về hạnh phúc, Một người lính nói về thế hệ mình...). Ông tâm sự: “Từ Trường Sơn tới Đồng Tháp. Từ Gặp lá cơm nếp tới Một người lính nói về thế hệ mình - bài thơ dài đã làm khổ tôi không ít, nhưng cũng khiến tôi hạnh



Nhà thơ Thanh Thảo và nhạc sĩ Văn Cao.

(Ảnh: Tư liệu)

phúc cho tới tận bây giờ, dù tôi chỉ dám Thử nói về hạnh phúc chứ không dám, hạnh phúc là thế nào". Kể cả những chương đầu tiên của trường ca đầu tiên nổi tiếng "Những người đi tới biển" của ông cũng đã được hình thành trong thời gian đó: "Và ngay thời gian đó, tôi bắt đầu viết vài chương thơ chuẩn bị cho một trường ca sẽ được hoàn thành sau giải phóng với tên Những người đi tới biển" (Lãng thang qua chiến tranh).

Trên bước đường nhiệm vụ, đất và người Nam Bộ đã in dấu trong thơ Thanh Thảo. Đọc thơ Thanh Thảo ta thấy rất rõ dấu chân ông trải dài trong những bài thơ từ Campuchia tới miền Đông Nam Bộ, băng qua Đồng Tháp Mười tới miền Trung

Nam Bộ (vùng đất Mỹ Tho hai bên Lộ Bốn). Những tên đất, tên làng, tên sông, tên kênh rạch "đều mang tên người khai phá buổi đầu", đó là một đặc trưng văn hoá địa dư Nam Bộ: "*Những đìa Sáu bưng Heo gò Me sông Cũ / đã mọc rễ vào trí nhớ*" (Những người đi tới biển).

Thanh Thảo vào chiến trường những năm 1970 và làm việc tại Đài Phát thanh Giải phóng. Trong các tập thơ nhất là trường ca và trong các tập phê bình tiểu luận, đặc biệt là các cuốn hồi ức, ông thường xuyên nhắc đến những kỉ niệm đời lính và phản ánh những biểu hiện sinh động về con người và cuộc sống, sinh hoạt của cư dân Nam Bộ. Nhà thơ vào

Nam Bộ chính xác là tháng 5 năm 1971, dịp này ông kết bạn với nhiều người ở chiến khu, trong đó có Lưu giữa năm 1971 - nguyên là trung úy lái trực thăng của không lực Sài Gòn đã thoát ly lên chiến khu sau năm 1968 - người bạn mà tác giả đã có lần nhắc trong *“Một trăm mảnh gỗ vuông”*. Tác giả thú nhận tiểu luận của mình: *“chính giọng văn đặc sệt Nam Bộ với nhiều phương ngữ trong cách diễn đạt đã cuốn hút tôi”* (Mãi mãi là bí mật, tr.396).

Tháng 8 năm 1972 ông xuống chiến trường Mỹ Tho và tham gia trận càn ở Mỹ Tho năm 1973. Trong một lần qua Đồng Tháp Mười trong chiến dịch “Mùa hè đỏ lửa” năm 1972 của địch, nhà thơ đã tình cờ gặp người bạn (tên Lưu) ở cái lớp viết văn đáng nhớ ấy khi đang cùng “chém vè” tránh những cặp mắt điên đảo của đám trực thăng cá rô *“tôi gặp thằng bạn thân trong một chuyến bất ngờ / đêm Mỹ Long hai đứa nằm lộ đất / trải dưới trời một tấm ni lông / nơi khi chiều B52 bừa ba đợt...”* (Khối vuông ru-bích). Người bạn này, được ông tiết lộ trong hồi ức “Lang thang qua chiến tranh” chính là đồng chí Phạm Quang Nghị.

Những năm từ 1973-1975 ông ở vùng đất Tây Ninh, ở sát sông Vàm Cỏ Đông, và cũng gần nơi mà ngày xưa nhạc sĩ Hoàng Việt viết bài hát “Lên ngàn” -

đó là Trảng Cống. Trong một cuộc phỏng vấn nhà thơ Bùi Công Minh, Thanh Thảo đã cho biết, cuối năm 1974 ở chiến trường miền Đông Nam Bộ và được nghe bài hát “Hành khúc ngày và đêm” của nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu... (Ngón thứ sáu của bàn tay).

Ngày nào lạ lắm chưa quen khi mới đến giờ đây dấu chân nhà thơ in đậm qua những mảnh vườn, thửa ruộng: Đìa Hưng, Bàu Hớn, Cỏ Mít, Gò Me, Mỹ Long... Đất rừng phương Nam là đích đến của nhà thơ trong hành trình đời lính và cũng là cái nôi để thành nhân.

Sau chiến tranh, Thanh Thảo về Đà Nẵng dự trại sáng tác Quân khu Năm dưới sự lãnh đạo của nhà văn đàn anh Nguyễn Chí Trung rồi sau đó tiếp tục công tác ở Hội Văn nghệ tỉnh nhà... Khi còn công tác trong thời bình, nhà thơ thường xuyên vào Nam Bộ công tác, nghỉ dưỡng; cả đến lúc về hưu, ông vẫn không ngừng trở về thăm lại chiến trường xưa để gặp gỡ bạn bè, tiếp tục lấy tư liệu, tìm cảm xúc và thực tế cho các sáng tác của mình... Điều này được nhà thơ thể hiện trong các tác phẩm viết về Nam Bộ ở thời bình, đặc biệt là các trường ca mới, các tập tiểu luận phê bình và hồi ức.

Khi chọn Nam Bộ làm nền cho thơ và trường ca của mình, yếu tố trước tiên chính là chất

thô ráp như ngọc chưa mài giữa của ngôn ngữ Nam Bộ đã cuốn hút nhà thơ, kể đến là chất “biên khu” của những hình ảnh mang tính đặc trưng Nam Bộ. Chính lần đi gặp gỡ nhà văn Trang Thế Hy không thành vì ông đã đi xuống chiến trường, may gặp được nhà văn Anh Đức và được chiêu đãi thịt gà mà lúc trở về cứ, khi qua trắng cỏ voi, đã gợi hứng để bài thơ “Những dấu chân qua trắng cỏ” ra đời, sau này thành tên chung cho tập thơ “Dấu chân qua trắng cỏ” (Lang thang qua chiến tranh). Để kỷ niệm về tình bạn, nhà văn Trang Thế Hy khi gửi tặng Thanh Thảo tuyển tập truyện ngắn “Nợ nước mắt và những truyện ngắn khác” đề rằng: *“Tặng Thanh Thảo, người trở về vùng tháp Chàm còn để lại ở rừng già phương Nam những ‘dấu chân qua trắng cỏ’ (Trò chuyện với dòng sông). Với Nhà thơ Chim Trắng, Thanh Thảo kể: “Còn nhớ, trong lúc tôi buồn bã nhất (Sau vụ bài thơ “Một người lính nói về thể hệ mình” bị gỡ bỏ ngay khi tờ Văn nghệ Giải phóng vừa phát hành - MBA nhấn mạnh) bên sông Vàm Cỏ Đông, thì nhà thơ Chim Trắng đi bộ ngót một ngày trời đến với tôi... để anh em ăn với nhau một chén canh rau tàu bay, mắc võng nằm bên nhau chuyện trò suốt đêm... Anh Chim Trắng là người ngay thẳng, không biết sợ”.* Chính

sự quý nhau trong thời chiến ấy mà họ trở thành tri kỷ đến cả thời bình. Tại Sài Gòn, họ đã gặp lại nhau ở quán cà phê Niek-Ban để đến ngày 15/7/2006, Chim Trắng đã viết thư và gửi tặng Thanh Thảo bài thơ “Ở Niek-Ban coffee” và sau đó Thanh Thảo tặng lại bài thơ “Buổi sáng, gặp lại bài thơ bạn tặng”. Ngày 01/10/2011, khi Chim Trắng qua đời, Thanh Thảo đã *“vào Sài Gòn tiễn anh lần cuối”* (Lang thang qua chiến tranh). Bên cạnh đất và người dân, chính tính cách những nhà thơ Nam Bộ ấy đã chinh phục hoàn toàn Thanh Thảo...

Dựa vào tiểu sử, sự nghiệp và qua sự trao đổi giữa nhà thơ với các bạn trẻ, ta thấy chất Nam Bộ đã ám vào con người và thơ Thanh Thảo. Lời ăn tiếng nói, sinh hoạt đời thường của người Nam Bộ đã thấm vào ông. Rất nhiều nhà văn gốc Nam Bộ thể hiện chất Nam Bộ một cách tự nhiên trong sáng tác, thông thường là văn xuôi như Sơn Nam, Nguyễn Quang Sáng, Bình Nguyên Lộc... nhưng, với đặc trưng riêng của thơ, ta có cảm giác, văn hóa Nam Bộ đã được nhà thơ miền Trung này nâng lên một diện mạo mới với những nét khắc họa độc đáo làm phong phú, đa dạng thêm cho thơ ca viết về Nam Bộ^(*).

1.2. Nam Bộ - Chủ đề nổi bật trong sự nghiệp sáng tác của Thanh Thảo

Đến nay, Thanh Thảo đã xuất bản 8 tập thơ, 14 trường ca, 3 tập tiểu luận - phê bình - chân dung và 2 tập hồi ức. Thử làm phép so sánh về sáng tác của Thanh Thảo, chúng ta sẽ thấy rất rõ, ông đã dành phần lớn tác phẩm của mình viết về đất và người Nam Bộ. Cụ thể: Trong 7 tập thơ của mình, tỷ lệ thơ viết về Nam Bộ chiếm một số lượng khá lớn, đặc biệt là tập thơ “Dấu chân qua trắng cỏ” và Chùm thơ 9 bài trong cụm thơ có tên chung là “Ghi chép Tháp Mười”. Bên cạnh sắc thái Nam Bộ thể hiện trong thơ và các trường ca khác, ông đã có đến 6/14 trường ca viết trực tiếp về Nam Bộ gồm: Viết về đất và người Nam Bộ nói chung, có: *Những người đi tới biển* (1977), *Những nghĩa sĩ Cần Giuộc* (1982); viết về những danh nhân Nam Bộ có: Nguyễn Đình Chiểu và những nhân vật trong thơ ca của Nguyễn Đình Chiểu (*Trò chuyện với nhân vật của mình - 2002*), anh Chài Lịch - Nguyễn Trung Trực (*Cỏ vẫn mọc - 2002*), ông Sáu Dân và chị Ba Thi... (*Đạ, tôi là Sáu Dân - 2016*). Viết về những danh nhân không phải người Nam Bộ, nhưng cảm hứng sáng tác gắn liền với sự nghiệp, cuộc đời của họ ở vùng đất Nam Bộ có: anh hùng Trương Định quê Quảng Ngãi (*Trò chuyện với nhân vật của mình - 2002*), “ông quan khiêng vồng” Lê Đại Cang quê

Bình Định (*Người khiêng vồng, 2017*). Trong khi đó, dù là quê hương mình, Thanh Thảo cũng chỉ viết về Quảng Ngãi có 3/14 trường ca: viết về cuộc khởi nghĩa Ba Tơ (*Bùng nổ của mùa xuân - 1982*), viết về vụ thảm sát Sơn Mỹ (*Trẻ con ở Sơn Mỹ - 1982*) và viết về danh nhân lịch sử Trương Quang Trọng (*Hiển thánh tuổi 25 - 2018*). Với thể loại tiểu luận - phê bình - chân dung - hồi ức, chủ đề về Nam Bộ vẫn dày đặc trong những bài viết của ông, đặc biệt hồi ức “*Lang thang qua chiến tranh - 2017*” dày đến gần 300 trang là một hồi ức của cả 5 năm ở chiến trường Nam Bộ. Như vậy, có thể nói, 5 năm “*Lang thang qua chiến tranh*” ở chiến trường Nam Bộ và cả những ngày “*Cơ nhỡ trong hòa bình - 2017*” với nhiều lần về thăm chiến trường xưa, bạn cũ, đề tài về Nam Bộ luôn nổi trội và chiếm tỷ lệ tác phẩm khá lớn trong sự nghiệp văn chương của nhà thơ Thanh Thảo.

2. Nguyên nhân sự gắn bó giữa Thanh Thảo và Nam Bộ

Lý giải vì sao Thanh Thảo lại ưu ái với Nam Bộ trong sáng tác của mình như thế, theo tôi nghĩ có ba lý do cơ bản:

- Thanh Thảo là một nhà thơ nghĩa khí nên trọng những con người nghĩa khí - một đặc trưng của người Nam Bộ. Điều này đã được Chu Văn Sơn khẳng định

trong bài viết “Thanh Thảo - Nghĩa khí và cách tân”. Cũng chính vì vậy mà trong thơ ca của ông luôn ưu ái xây dựng hình tượng những con người nghĩa khí như: Cao Bá Quát, Nguyễn Đình Chiểu, Lê Đại Cang, Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Lê Văn Duyệt, Trương Quang Trọng, Võ Văn Kiệt,...

- Vùng đất Nam Bộ vốn dung nạp nhiều lưu dân miền Trung, đặc biệt lại có liên hệ mật thiết với quê hương Thanh Thảo (Quảng Ngãi) qua các gương nghĩa khí của những anh hùng Nam Bộ quê Quảng Ngãi như Trương Định, Lê Văn Duyệt... Hiện nay, ở Quảng Ngãi vẫn còn mộ và đền thờ Lê Văn Duyệt, đặc biệt là Đền thờ Trương Định được xây dựng uy nghiêm, bề thế ngay trên đỉnh núi quê hương người anh hùng với kinh phí chủ yếu là đóng góp tự nguyện của nhân dân hai tỉnh Tiền Giang (nơi ông dấy nghĩa, đặt mộ và đền thờ sau khi mất) và Quảng Ngãi (nơi ông sinh ra và trưởng thành trước khi vào Nam).

- Và trực tiếp nhất đó chính là trong quãng đời tuổi trẻ đầy năng lượng của một sinh viên vừa ra trường đã xung phong vào Nam với 5 năm sống, chiến đấu trên vùng đất Nam Bộ cùng vô vàn những kỷ niệm khó có thể nguôi quên. Xin được minh chứng những điều này bằng trường ca viết về Nam Bộ của

Thanh Thảo “*Dạ, Tôi là Sáu Dân*”:

Quê tôi ở Vĩnh Long

Không biết vì sao mình yêu

Quảng Ngãi

Có lẽ tổ tiên từng ở đó

Hay không phải?

Nhưng tổ tiên tôi là lưu dân

Không lang thang từ Bắc vào

Trung rồi vào Nam

Thì còn đường nào đi nữa?

(*Dạ, tôi là Sáu Dân*).

Và đây là hình ảnh của chính nhà thơ Thanh Thảo qua cảm nhận của ông Sáu Dân khi ông kể với một người bạn thân của mình ở Quảng Ngãi:

Có một nhà thơ hồi ấy trẻ

Hình như bây giờ đang viết
cái gì về tôi

Tôi chỉ gặp anh một lần
đường rừng vắng vẻ

Nhưng tôi biết anh ngày ấy
ngang hơn của (*Dạ, tôi là Sáu Dân*).

Và vì vậy, Nam Bộ đã trở thành chủ đề thường trực trong sự nghiệp Thanh Thảo với những nét thể hiện riêng biệt của một nhà thơ vốn được mệnh danh là nhà thơ của “Nghĩa khí và Cách tân”♦

CHÚ THÍCH:

(*) Phần này, chúng tôi có sử dụng một số tư liệu trong Luận văn Thạc sĩ của Trần Ngọc Thảo do chúng tôi hướng dẫn khoa học.

Một hướng tiếp cận thơ tình Nguyễn Thụy Kha

○ NGUYỄN THỊ THU THỦY

Tình yêu muôn đời không có tuổi và thơ tình qua bao năm tháng vẫn có sức hút khó cưỡng đối với người đọc. Lâm Thị Mĩ Dạ đã từng viết: “Trên đời không có tình yêu/ Như trái đất không có lá”; Xuân Quỳnh- cây bút nữ thành công về đề tài này từng trải nghiệm: “*Tình ta như hàng cây/ Đã qua mùa bão tố/ Tình ta như dòng sông/ Đã thay mùa thác lũ*”. Với Nguyễn Thụy Kha, cảm xúc chông chênh khi đứng giữa hai bờ yêu thương: hiện tại và quá khứ, giúp anh dệt nên những vần thơ được ghi vào lưu bút ngày xanh: “*Đưa người yêu qua nhà người yêu cũ/ Rơi cơn mưa ban trưa/ Chợt thấy mình tách làm hai nửa/ Nửa ướt bây giờ, nửa ướt xa xưa*”. Dõi theo trang thơ tình Nguyễn Thụy Kha, ta được gặp sức thanh xuân rùng rục, một cách nhìn, quan niệm tình yêu trẻ trung, tươi mới của một tâm hồn khát sống, khát yêu.

Nguyễn Thụy Kha (1949) là một nghệ sĩ tài hoa: vừa làm thơ, làm báo, soạn nhạc và có nhiều công trình nghiên cứu âm nhạc. Về lĩnh vực thi ca, đề tài ông thường hướng đến là chiến tranh bởi bản thân Nguyễn Thụy Kha vốn là người lính thông tin ở mặt trận Quảng Trị ác liệt. Bên cạnh, bài thơ “*Không đề*” (1977), 5 năm gần đây ngòi bút ông chuyển hướng sang đề tài tình yêu với tập: “*Hiện*” (2015); “*Nàng*” (2018) và những ngày cuối năm 2020, độc giả bị cuốn hút bởi sự xuất hiện song hành của “*Mây*” và “*Cung*”. Chất say đắm, mãnh liệt nồng nàn trong thơ tình của Nguyễn Thụy Kha ngay từ những vần thơ ông viết cho người vợ yêu thương: “*Nếu được về bên em/ Anh sẽ/ nghiêng bàn tay chảy đầy nỗi nhớ/ rót tràn tóc em*” (Hiện - tr 32).

Ở người đàn ông yêu tuổi xé chiều ấy, ta bắt gặp một quan

niệm, một cách nghĩ suy về tình yêu thật riêng biệt: *“Yêu là sinh, yêu là sống tận cùng”, “Chỉ tình yêu là bất diệt đời đời/ Chỉ tình yêu là mãi mãi sinh sôi”* (Mây - tr 41). Cách nhìn của Nguyễn Thụy Kha khiến ta liên tưởng những vần thơ của ông hoàng tình yêu Xuân Diệu: *“Yêu là chết trong lòng một ít/ Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu”*. Hai nhà thơ, hai thế hệ, hai vũ trụ yêu khác biệt; với Nguyễn Thụy Kha - người thơ của thế kỉ XXI, tình yêu có sức mạnh phục sinh tâm hồn, con người sẽ “rất người” khi yêu. Xuất phát từ quan niệm tình yêu làm trẻ hóa tâm hồn và cả thân xác; người thơ ấy nhận chân được giá trị của tình yêu: *“Chỉ tình yêu làm bé lại tinh cầu/ Khiến con người tìm ra mọi cách đi ngắn nhất/ Khiến ngắn lại mọi thời gian xa tít tắp/ Không thời gian và không không gian”* (Cùng - tr 74). Thật vậy, tình yêu có sức cải lão hoàn sinh, thu ngắn những khoảng cách, giúp con người gần nhau hơn.

Trang thơ Nguyễn Thụy Kha vút lên lòng yêu con người, yêu cuộc sống đến ngất ngây, tỏa lan đến độc giả niềm hi vọng về cái Đẹp, cái Thiện vẫn luôn hiện diện giữa những bon chen, xô lấn của đời thường. Nhà thơ đều trân quý mỗi phút giây trôi qua trong cuộc đời, tha thiết được yêu để tận hiến: *“Ôi đời thường ta yêu đến ngả nghiêng/ Hơn tất cả những cao sang giả*

vờ bần tiện” (Mây - tr 62). Đọc thơ tình Nguyễn Thụy Kha, ta phát hiện ra một quan niệm nhân sinh mới mẻ, xem cuộc sống trần thế là bữa tiệc, coi vẻ đẹp con người là thước đo của mọi vẻ đẹp. Để có được điều đó, nhà thơ phải là con người thành thật với tình yêu, thành thật với chính lòng mình và không ngại ngần khi bung tỏa những đam say đến bạo liệt, ngông cuồng: *“Ta thoát xác bay lên mê đại/ No nê tiệc này lại thêm khát tiệc sau”* (Mây - tr 70).

Khác với quan niệm tình yêu lí tưởng và ít nhiều mang tính sách vở, tình yêu trong thơ Nguyễn Thụy Kha rất đời thường, gần gũi với tất cả mọi người bởi là sự kết hợp giữa khoái cảm thân xác và rung động tâm hồn. Đó là cách nhìn trân trọng với từng đường nét trong thân thể của người mình yêu thương và niềm đam mê, đắm chìm trong vẻ đẹp ấy: *“Này uống đi cho hết cặp đùi dài/ Này say mềm ngực căng mới nhú/ Này đắm đuối cháy bùng đám lửa/ Này mê man hít thở hương tình”* (Cùng - tr 33). Bằng niềm khao khát yêu đến bỏng cháy, nhà thơ đã khắc tạc tượng khỏa thân người mình yêu bằng ngôn từ và có thể mượn lời F. Engels: đây là niềm xúc cảm chân thành của một “nhục cảm lành mạnh”.

Cảm giác yêu thương trong thơ Nguyễn Thụy Kha đầy đủ, trọn vẹn, bởi đó là một tình yêu

dâng hiến không so đo, tính toán; không hụt hẫng thất vọng dù rằng cuộc tình nào cũng có tất cả mọi cung bậc: nhưng nhớ, cô đơn khi cách xa; hạnh phúc, cuồng say khi gặp lại và cái kết dở dang là điều không tránh khỏi. Nhưng ở Nguyễn Thụy Kha, những dang dở của mỗi cuộc tình đi qua đều được dự báo, ông sẵn sàng đón nhận với cái nhìn đầy nhân hậu, vị tha và khi ấy thơ là người bạn chia sẻ trung thành nhất: *“Chỉ những câu thơ mới chống anh đứng nguyên/ Thốc bốn bề ưu tư lốc bão/ Chỉ những câu thơ mới vớt anh ra ngoài hư ảo/ Tắm gội anh ngộ đạo vị tha”* (Mây - tr 118). Ý thơ đề cao giá trị lớn lao của nghệ thuật chân chính; thơ ca đích thực sẽ là chỗ dựa cho tâm hồn con người giữa lốc xoáy của sự tha hóa đang bủa vây.

Đến với những vần thơ “có lửa” của Nguyễn Thụy Kha, tâm hồn con người như được hồi sinh, để biết yêu hơn cuộc đời này. Nhằm lan truyền niềm tin vào tình yêu cho độc giả, Nguyễn Thụy Kha đã vận dụng một số thủ pháp nghệ thuật làm mới một đề tài tưởng như đã cũ. Tần suất của những động từ mạnh mang màu sắc nhục cảm đậm đặc trong thơ ông: thèm, khát, ghi, uống, đánh thức, say, hít thở, cháy bùng, quặn thắt... Cùng hàng loạt từ láy vừa tượng thanh vừa gợi hình: rùng rục,

hôi hổi, bập bùng, vẩn vù, hỗn hển, rạo rực, lênh láng... Mỗi một ngôn từ xuất hiện trong thơ ông đều giàu sức biểu cảm, tự nhiên như hơi thở, nhịp đập của một trái tim yêu và say đến tận cùng: *“Anh thấp nổi văng xa bập bùng từng con chữ/ Mong câu thơ nguôi bớt nỗi đau em”*. Nghệ thuật phối thanh, gieo vần mới mẻ, cùng phép tu từ ẩn dụ, so sánh chuyển đổi cảm giác xuất hiện khá thường xuyên trong hai tập thơ tình Nguyễn Thụy Kha truyền cho người đọc niềm biết ơn và nâng niu những hạnh phúc giản dị từ tình yêu nhỏ bé, bình thường: *“Thu sẽ tàn tình vẫn ngùn ngụt cháy/ Soi nhân gian muôn thuở xa sau* (Mây - tr 79)...

“Chúng ta sinh ra trong tình yêu, lớn lên trong tình yêu và chết đi trong tình yêu” (Gót). Tình yêu trong thơ của Nguyễn Thụy Kha hiện lên với đầy đủ sắc thái, cung bậc; được thể hiện như một giá trị sống đích thực, đáng được trân trọng, ngưỡng mộ. Đi suốt 280 bài thơ ở hai tập: *“Mây”* và *“Cung”*, trái tim người đọc hòa điệu cùng những con sóng yêu đương mãnh liệt, nồng cháy; cùng đồng điệu về quan niệm tình yêu trẻ trung và mới mẻ dù nhà thơ đã “thất thập cổ lai hy”. Thơ tình Nguyễn Thụy Kha lan tỏa một sức sống trào dâng, một cái nhìn giàu chất nhân văn của một con người suốt đời tận hiến cho tình yêu và nghệ thuật♦

Giang Nam và cô du kích

○ PHẠM ĐƯƠNG

Ông khoe với tôi rằng suýt nữa thì mất cái vé tàu bay từ Sài Gòn về Cam Ranh: “Tôi bị kẹt xe nên đến sân bay làm thủ tục bị trễ. Nhân viên nhà tàu bay họ thấy ông già lơ ngơ nên hỏi “ông ơi, ông đi chuyến nào ạ?”. Tôi đưa vé ra thì... tàu chuẩn bị bay rồi. Nhìn cái tên Giang Nam, cô bé nhân viên chợt hỏi : “Ủa chớ ông là nhà thơ... *Xưa yêu quê hương vì có chim có bướm đó hả?*”. Tôi gật đầu xác nhận. Thế là cô bé đó dặn tôi “đứng im chỗ này” và chạy đi trao đổi với ai đó một lúc khá lâu rồi quay lại: “Ông đi chuyến sau nhé”. Tôi đi vé giá rẻ, nghĩa là đến làm thủ tục trễ thì mất, phải mua tiếp chuyến sau, nhưng trong trường hợp này, tôi được... miễn mua vé lần nữa. Tôi cứ suy nghĩ mãi, không biết do cái tên trên chứng minh nhân dân là Giang Nam hay là do kẹt xe nên họ “tha” cho ông già này?”. Tôi nói với ông: “Chắc là do cái tên Giang Nam

chớ Sài Gòn kẹt xe thì như cơm bữa, còn lâu nhà tàu bay họ mới “tha” cho chuyện hành khách đến trễ!”. Ông gật gù: “Thì ra cái “uy” nhà thơ cũng được ấy chứ, anh nhỉ?”. Nói rồi ông cười thành tiếng-điều khá hiếm ở nhà thơ ở tuổi đại thượng thọ này.

Lấy được vợ nhờ giỏi... tiếng Pháp

Nhà thơ Giang Nam tên thật là Nguyễn Sung, sinh năm 1929 tại Ninh Hòa tỉnh Khánh Hòa, trong một gia đình nông dân nhưng cha ông là người coi trọng chữ nghĩa, luôn nuôi ước mơ là cho con cái “học hết chữ” mới thôi. Nhà ông đông anh em, nhưng trước Cách mạng tháng Tám, có đến 3 người con trai trong gia đình ra tận Quy Nhơn để theo học “trường Tây”. Hỏi ông, cha là nông dân chạy, lấy đâu ra tiền mà nuôi những 3 người con ra học ở Quy Nhơn? Ông nói rằng, người anh trai cả Nguyễn Lưu hồi đó đã đi dạy học nhưng học thêm để lấy



Nhà thơ Giang Nam cùng vợ và con gái.

(Ảnh: Gia đình cung cấp)

bằng Thành chung nên gia đình không phải nuôi nữa. Người anh kế tên Nguyễn Quang (sau này là giáo sư tiến sĩ ngôn ngữ) vì học xuất sắc nên được học bổng toàn phần của chính phủ Pháp. “Riêng tôi thi vô Trường Collège Võ Tánh Quy Nhơn xếp thứ ... 28 trên 60 học sinh của các tỉnh từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận. Đứng thứ 28 thì không có học bổng nên cha tôi phải bán một con bò để nuôi tôi trong năm đầu. Nhưng qua một học kỳ, tôi vọt lên đứng thứ 3, chỉ sau anh trai Nguyễn Quang và một người nữa ở Tuy Hòa. Tôi giữ vị trí thứ 3 ấy suốt 4 năm. Đứng thứ 3, dĩ nhiên là cha mẹ không phải nuôi nữa vì có học bổng. Nhưng

chỉ học đến tháng 3.1945, Nhật đảo chính Pháp, chúng tôi phải về quê. Mãi đến tháng 9.1945, trường gọi mấy anh em ra thi lấy bằng, bấy giờ là dưới thời của Chính phủ Trần Trọng Kim. Bằng chưa kịp nhận thì “cách mạng bùng lên, rồi kháng chiến trường kỳ”, tôi lên đường kháng chiến”, nhà thơ hồi tưởng.

Trò chuyện với tôi, thi thoảng nhà thơ Giang Nam lại chêm một vài từ tiếng Pháp - điều thường thấy ở các cụ cao niên từng học trường Tây. Tôi hỏi ông vì sao từ năm 1945 đến nay, ông không đụng đến thứ ngôn ngữ ấy nữa mà vẫn không quên? Ông nói người Pháp họ dạy ngoại ngữ rất kỹ. Hồi đó,

học sinh ăn ở luôn trong khu nội trú của trường. Cô giáo dạy chúng tôi môn tiếng Pháp là người Pháp, vợ ông hiệu trưởng của trường. Nhà trường bắt buộc học sinh ở nội trú đều phải nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp, nếu không chấp hành, nhờ giám thị bắt được là kỷ luật nặng. Vì vậy, tiếng Pháp đã thành máu thịt của những học trò học trường Tây thời đó, quên thế nào được!

“Hèn gì người ta đồn rằng “cô du kích”, tức bà nhà, mê ông là vì ông giỏi tiếng Pháp chứ không phải do làm thơ hay...”, tôi chen ngang câu chuyện. Ông thú nhận: “Đúng là như vậy. Nhà tôi là người khá kỹ tính. Cô ấy sinh ra trong một gia đình chuyên làm nghề chế biến nước mắm và có truyền thống cách mạng. Năm 15-16 tuổi, cô ấy đã lên chiến khu để làm văn thư của Văn phòng Tỉnh ủy Khánh Hòa. Cô khá xinh, lại thùy mị nên nhiều chàng trong cơ quan cũng theo đuổi. Ai ngờ lời, cổ cũng nói có người yêu rồi, đến độ, mấy anh lớn tuổi trong cơ quan “truy lùng” cho ra cái anh người yêu của Chiêu (tên nhà tôi) nhưng đó chỉ là một cách nói khéo của cổ để khước từ những lời tỏ tình của họ mà thôi. Tôi thì làm bên bộ phận tuyên truyền của tỉnh, thi thoảng mang giấy tờ qua Văn phòng Tỉnh ủy để... “thăm định”. Thấy cô bé này cũng hay hay,

tôi hạ quyết tâm ... tán. Nói cho oách vậy chứ có tán tỉnh gì được, chỉ là “chăm” mang giấy tờ từ bộ phận tuyên truyền sang bên Văn phòng Tỉnh ủy thôi. Thế rồi một hôm, Việt Minh tóm được tay Tổng Đế ở Vạn Ninh và mang ra xử tội. Ai trong cơ quan cũng đi xem, riêng Chiêu không đi. Tôi thấy thời cơ để mình nói cái điều thầm kín đã đến nhưng cũng chả dám nói mà chỉ trao cho cô ấy lá thư. Nội dung chi tiết thì tôi quên rồi, đại khái là “anh muốn đặt vấn đề với em”, hồi đó hay dùng cụm từ này để nói về chuyện yêu đương. Tôi kẹp lá thư ấy trong tập công văn như mọi lần. Một lá thư “tỏ tình” duy nhất ấy thôi chứ không phải thơ, thế mà lại “được vợ”. Sau này tôi mới biết, nhà tôi khi ấy đọc rất chăm chú các tài liệu, trong đó có nhắc đến việc tôi được trên chỉ định tham gia phái đoàn của Việt Minh, phiên dịch trong các cuộc hội đàm với Pháp. Năm ấy tôi 26 tuổi, được điều qua bên quân đội, mang quân hàm đại úy, nằm trong Ban liên hiệp đình chiến, lại là thông ngôn chính nên tôi là “phương án” được nhà tôi chọn lựa cho chuyện “trăm năm”, chứ hồi ấy tôi đã có thơ phú gì đâu”.

“Khai tử” vợ bằng một bài thơ

Tôi hỏi nhà thơ là trong bài thơ “Quê hương”, ông có nói đến việc ông đã nắm được tay “cô

du kích” và cô ấy cũng “để yên trong tay tôi nóng bỏng”, vậy sự thật về “cô du kích” và bà Phạm Thị Chiêu làm văn thư ở Văn phòng Tỉnh ủy là như thế nào?

Nhà thơ Giang Nam nói ngay: “Hai cô ấy là một thôi”. Rồi ông giải thích thêm: “Có người trêu rằng tôi dám “qua mặt” tổ chức, cho vợ vào du kích để địch giết chết cô ấy; rằng tôi bịa chuyện chứ làm gì có... Đúng là nói bịa cũng được mà nói đó là sự thật thì cũng không sai. Chuyện thế này: Tôi cưới nhà tôi ngay sau ngày đình chiến 1954, ở với nhau đúng hai hôm, tôi khoác ba lô ra Quy Nhơn để đi tập kết. Dĩ nhiên là “đi giả vờ” chứ ngay sau đó, tôi luôn rùng để trở lại Khánh Hòa nhưng hoàn toàn không gặp được vợ nữa dù cùng ở thành phố Nha Trang. Tôi đóng vai một công nhân làm ở xưởng gỗ, còn nhà tôi thì về sống “yên ổn” ở nhà cô ấy tại Vĩnh Trường. Sau thấy địch bố ráp quá, tổ chức buộc cả hai vợ chồng “lánh” vào Biên Hòa. Con gái duy nhất của tôi ra đời trong thời gian này. Ở với nhau chẳng bao lâu thì tôi trở lại Khánh Hòa, lên luôn chiến khu Đá Bàn. Trong một lần “hớ hênh” của người đưa thư, đối phương phát hiện vợ tôi cũng là Việt cộng. Họ bắt cả hai mẹ con vô tù và đưa ra tòa án binh. Có một luật sư mà tôi ơn nghĩa suốt đời, đã bào chữa cho vợ tôi để cô ấy thoát án, không phải đày

ra Côn Đảo mà thả ngay tại tòa cùng đứa con nhỏ. Thế mà thông tin thế nào, cơ sở lại báo rằng, cả hai mẹ con đã bị giết chết tại nhà tù Phú Lợi. Tôi nhận hung tin ngay tại chiến khu vào một chiều mưa sục sùi thê thiết. Tôi ngồi vào bàn viết, bài thơ Quê hương đã được hoàn thành sau đó đúng hai tiếng đồng hồ, gần như không phải sửa chữ nào!

Phải nhiều năm sau đó, từ chiến khu, tôi mới nhận được tin “đính chính” rằng nhà tôi cùng đứa con vẫn còn sống. Tôi đã phải xuyên rừng từ Khánh Hòa vào tận miền Nam để gặp lại vợ con. Vậy là, “cô du kích” Phạm Thị Chiêu và cô con gái thì vẫn sống bên tôi cho đến năm 2013, nhà tôi mới mất. Còn “cô du kích” trong thơ thì đã chết từ năm 1960 rồi. Trong văn học, có những “nghịch lý” như vậy. Thôi thì, văn chương có đời sống riêng của nó, còn nhân vật ở ngoài đời lại có sự tồn tại mà không liên đới đến những gì được viết về mình. Nhà tôi luôn cười vui mỗi khi ai nhắc đến việc ông Giang Nam “khai tử” vợ. Bà ấy nói: “Nhờ vậy mà tôi mới qua được ngưỡng tám mươi đó”.

Chơi với nhà thơ cũng đã gần 10 năm rồi nhưng mới đây tôi mới biết sự thật về câu chuyện giữa “Quê hương” và “cô du kích”. Nhân vật trong bài thì đã về với tổ tiên từ 5 năm trước, nhưng bài thơ viết về nhân vật ấy thì còn sống mãi với thời gian ♦

Hoa trong Cung oán ngâm khúc của Nguyễn Gia Thiều

○ TRỊNH BÁCH THÙY

Trong **Cung oán ngâm khúc**, hoa không chỉ xuất hiện thường xuyên, đa dạng còn mang nhiều giá trị độc đáo. Đặc biệt, hoa trong khúc ngâm của thi hào Nguyễn Gia Thiều còn là những tín hiệu thẩm mỹ, những kí hiệu đặc biệt mà thông qua đó, có thể giải mã được nhiều vấn đề thú vị của tác phẩm.

1. “Muôn hồng nghìn tía” hoa

Trong 366 dòng thơ của “Cung oán ngâm khúc”, hoa xuất hiện 45 lần, trung bình 8 dòng thơ hoa lại xuất hiện một lần. Đây là một tỉ lệ rất cao, ít gặp ở các tác phẩm ngâm khúc khác.

Không chỉ xuất hiện với tần số lớn, hoa trong “Cung oán ngâm khúc” còn biểu hiện hết sức phong phú. Bên cạnh *hoa*, *bông* gọi chung, trong tác phẩm còn có nhiều loài hoa có tên cụ thể: *phù dung*, *hải đường*, *đô mi*, *thược dược*, *mẫu đơn*, *hồng đào*, *mai*, *đào*, *lê*, *sen*, *lan*...

Cách dùng danh từ chỉ loại thể để gọi cho hoa của Nguyễn Gia Thiều cũng rất đa dạng: *nụ* (*Nụ hoa chưa mím miệng cười*), *đóa* (*Đóa hải đường thức ngủ xuân tiêu*; *Đóa lê ngon mắt cửu trùng*; *Đóa hồng đào hái buổi còn xanh*), *cành* (*Đình trăm hương khóa một cành mẫu đơn*; *Cành hoa tàn nguyệt, bực mình hoài xuân*), *cái* (*Cái hoa đã trót gieo cành biết sao*), *bông* (*Góc vườn dãi nắng cầm bông hoa đào*), *đài* (*Đài hoa tịnh đế tro tro chưa tàn*), *chồi* (*Chồi thược dược mơ màng thụy vũ*)...

Kết hợp ngữ pháp của “hoa” trong tác phẩm cũng rất linh hoạt: Khi kết hợp với danh từ (*nguyệt hoa*, *hoa xuân*); với động từ (*hoa rụng*); với tính từ (*hoa thơm*); với đại từ (*hoa kia*, *hoa này*, *hoa xuân nọ*); khi kết hợp trong cấu trúc đối xứng, cấu trúc thành ngữ (*đắm nguyệt say hoa*, *hoa kia cỏ này*, *cột đào ghẹo mai*, *ôm đào gác nguyệt*, *nước*

chảy hoa trôi, hoa lạc nguyệt minh, nguyệt kia hoa này); khi đặt trong cấu trúc đảo ngữ (*Vẻ phù dung một đóa hoa tươi, Lan mấy đóa lạc loài thôn dã*)...

Trong tác phẩm, hoa còn xuất hiện với tư cách là đối tượng so sánh của một chủ thể khác: *má đào, đào kiếm, gót sen*...

Có thể nói, hoa có mặt trong “Cung oán ngâm khúc” một cách thường xuyên, đa dạng, linh hoạt không phải là một sự tình cờ. Hoa là hình tượng mang rõ chủ ý nghệ thuật của tác giả. Hoa được sử dụng trong tác phẩm như một mã tín hiệu đặc biệt hàm chứa trong đó nhiều lớp ý nghĩa, nhiều giá trị thẩm mỹ quan trọng.

2. Hoa là hoa của tự nhiên

Có một điều thú vị là nếu như trong “Cung oán ngâm khúc”, các tác giả rất chú trọng đến thiên nhiên thì ngược lại, trong “Cung oán ngâm khúc”, thiên nhiên hầu hết lại là bức tranh phản chiếu của nội tâm con người. Điều này giải thích cho hiện tượng hoa xuất hiện liên tục, đều đặn trong tác phẩm với số lượng lớn nhưng hoa với tư cách một thực thể của thiên nhiên lại chiếm số lượng khá nhỏ.

Trong tác phẩm, chỉ có đôi lần hoa xuất hiện với tư cách là một đối tượng của tự nhiên. Đó là vườn hoa mà người cung nữ cùng nhà vua từng dạo chơi trong những ngày mạn nông, “phải duyên hương lửa cùng nhau”:

- *Nào dạo lối vườn hoa năm ngoái*

Đóa hồng đào hái buổi đương xanh;

- *Cảnh hoa lạc nguyệt minh hôm ấy;*

Đó là thêm nhà có hoa rụng trong những ngày thu lạnh người cung nữ bị bỏ rơi trong lẻ loi, sầu muộn:

- *Lạnh lòng nào thấy ở ề*

Khí bi thu sức nước hè lạc hoa;

- *Một mình đứng tủi ngồi sầu*

Đã than với nguyệt lại rầu với hoa;

Nhìn chung, hoa của thiên nhiên tuy không xuất hiện nhiều nhưng luôn gắn liền với không gian sống của người cung nữ. Qua đó, có thể hình dung được ít nhiều về cuộc sống của người cung nữ trong cung.

3. Hoa là người cung nữ

Cuộc đời người cung nữ trong “Cung oán ngâm khúc” có thể chia làm ba giai đoạn: Trước khi vào cung, những ngày được sủng hạnh, những tháng ngày bị bỏ rơi. Gắn với ba giai đoạn này, nhà thơ sử dụng nhiều phương tiện nghệ thuật để đặc tả dung nhan, tài năng, tâm trạng của người cung nữ. Trong đó, hoa như là một tín hiệu được tác giả sử dụng một cách chủ động, thường xuyên nhất, mang đến nhiều hiệu quả thẩm mỹ độc đáo, bất ngờ. Đặc biệt, trong tác phẩm, người cung nữ gần như không bao giờ được gọi vai chính danh. Toàn bộ sự xuất hiện của nàng

đều được thay bằng một hình ảnh biểu tượng khác: hoa.

3.1. Hoa - người cung nữ trước khi vào cung

Nói cách khác, hoa chính là biểu tượng của vẻ đẹp hình thể và vẻ đẹp tinh thần của người cung nữ trước khi nhập cung.

Hoa là biểu tượng của cái đẹp. Trong truyền thống văn học trung đại, tiêu biểu như “Truyện Kiều”, hoa thường xuyên được sử dụng để hàm chỉ người con gái xinh đẹp. Trong “Cung oán ngâm khúc”, Nguyễn Gia Thiều không ra ngoài truyền thống này. Ông dùng hoa để chỉ vẻ đẹp tươi trẻ, kiều diễm của người cung nữ. Ngay từ thuở mới lọt lòng, người cung nữ đã là một trang thiên hương quốc sắc: *Trộm nhớ thuở gầy hình tạo hóa/ Vẽ phù dung một đóa khoe tươi*. Càng lớn lên, vẻ đẹp của người cung nữ càng kiều sa, lộng lẫy: *Hương trời đắm nguyệt say hoa/ Tây Thi mất vía, Hằng Nga giật mình*.

Hoa còn được dùng để chỉ vẻ đẹp trinh trắng của người cung nữ. Mượn hình ảnh hoa xuân chưa nở, vườn xuân còn rào hoa ngấn bướm, nhà thơ nhấn mạnh vẻ đẹp bằng trinh tiết ngọc của người con gái trước lúc vào cung, dù quanh nàng có bao người “ngấp nghé mong sao”, “rấp ranh bắn sê”: *Hoa xuân nọ còn phong nộn nhị* (nộn nhị: nhị hoa còn non); *Vườn xuân bướm hầy còn rào/ Thấy hoa mà chẳng lối vào tìm hương*.

Như vậy, khai thác những đặc tính, trạng thái của hoa (hương, sắc, còn phong nhị, được ngăn rào), đặt chúng trong những ngữ cảnh thích hợp để tạo sinh nghĩa mới, tác giả đã thành công trong việc dùng hoa để thể hiện vẻ đẹp toàn vẹn của người cung nữ.

3.2. Hoa - Người cung nữ trong hạnh phúc thăng hoa

Nói cách khác, hoa là biểu tượng của tình yêu, nhục cảm.

Hoa với vẻ đẹp thuần khiết được dùng để chỉ vẻ đẹp hình thể và tinh thần của người phụ nữ là điều thường gặp trong văn học. Nguyễn Gia Thiều cũng không ngoại lệ. Nhưng ít có ai làm được một điều rất táo bạo như ông: Sử dụng hoa để chỉ ái ân, nhục cảm với một số lượng và cường độ lớn như trong “Cung oán ngâm khúc”.

Trong đêm được đấng quân vương sủng hạnh, người cung nữ chìm đắm trong hạnh phúc thăng hoa. Hàng loạt loài hoa được sử dụng để chỉ người cung nữ trong cuộc ân ái “mây ngài lẫn mặt rồng lồ lộ” ấy:

- *Cái đêm hôm ấy đêm gì,*

Bóng dương lồng bóng đỏ mi trập trùng;

- *Chồi thược dược mơ màng thụy vũ,*

Đóa hải đường thức ngủ xuân tiêu;

- *Mây mưa mấy giọt chung tình*

Đình trâm hương khóa một cảnh mẫu đơn;

Trong những ngày tháng người cung nữ được vua yêu chiều tiếp đó, hoa tiếp tục được sử dụng để đại diện cho nàng cung nữ:

- Đóa lê ngon mắt cữu trùng

*Tuy mày điểm nhạt nhưng
lòng cũng xiêu;*

Đắm say trong hạnh phúc, người cung nữ vô cùng mãn nguyện, hãnh diện và biết ơn đấng quân vương. Hoa lại được dùng để nói lên thay những cung bậc cảm xúc này:

- Hoa thơm muôn đội ơn trên

*Cam công mang tiếng thuyền
quyên với đời;*

Trong những cuộc truy hoan ân ái, người cung nữ chỉ lên qua hình ảnh biểu tượng của hoa. Lời thơ nhờ đó tránh được chỗ tự nhiên, dung tục. Tuy nhiên, bằng nghệ thuật dùng từ tuyệt vời, nhà thơ đặt hoa trong những ngữ cảnh đặc biệt, phối hợp chúng với nhiều từ ngữ đặc địa để tạo sinh những nét nghĩa hết sức cụ thể, chân thực và ấn tượng. Ta chú ý những cách kết hợp độc đáo: “Bóng dương *lồng* bóng đồ mi *trập trùng*, Chồi thược được *mơ mòng thụy vũ*, Đóa hải đường *thức ngủ xuân tiêu*, Đình trầm hương *khóa* một cành mẫu đơn, Đóa lê *ngon mắt cữu trùng*...” Trong những câu thơ trên, hoa không còn mang nghĩa biểu trưng, khái quát, khách quan nữa mà trở nên hết sức gợi cảm, gợi tình. Có thể nói, Nguyễn Gia Thiều đã mang

tới cho hoa vẻ đẹp mới, vẻ đẹp của duyên ái, nhục cảm, nhưng không hề làm mất đi vẻ đẹp thanh khiết của hoa. Đó chính là tài năng nghệ thuật của thi hào.

3.3. *Hoa - Người cung nữ bị ruồng bỏ*

Những ngày tháng mặn nồng qua nhanh, người cung nữ đâu ngờ rằng “bỗng mỗi năm một nhạt/ nguồn ân kia ai tát mà vơi”, lòng quân vương trở nên hờ hững. Giữa “muôn hồng nghìn tía đua tươi”, “cái én ba nghìn”, người cung nữ giờ chỉ còn là “cái thân câu chõ”, chồng còn đó mà mình lại “hóa ra người vợi vong”. Bi kịch của nàng là trước càng được ân sủng bao nhiêu thì sau lại càng bị ghẻ lạnh, “rẻ rúng”, “ruồng rẫy” bấy nhiêu. Thể hiện hình tượng người cung nữ trong hoàn cảnh bi đát này, tác giả lại mượn đến hình ảnh của hoa.

Xuất phát từ đặc điểm đẹp nhưng mong manh, chóng tàn, hoa có những tương đồng với kẻ hồng nhan bạc phận nói riêng, người phụ nữ nói chung. Trong *Cung oán ngâm khúc*, tác giả liên tục sử dụng tín hiệu hoa với những tính chất rơi, rụng, tàn, rửa, gầy, xơ... để chỉ người cung nữ trong bi kịch bị ruồng bỏ của mình:

- Chơi hoa cho rửa nhụy dần
mới thôi;

- Để gầy bông thắm để xơ
nhụy vàng;

- *Buồn vì điều hoa rụng ai nhìn;*

- *Cái hoa trót đã gieo cành biết sao;*

Nếu như trước đây, trong những ngày được sung hạnh, người cung nữ là “hoa thơm”, “đóa lê ngon mắt”, “cành xuân hoa chúm chím chào”, là “đô mi”, “thực dục”, “hải đường”, “đào”, “mai”, “mẫu đơn”... được “quân vương chi chút trên tay” thì giờ đây, nàng chỉ còn là “cái hoa”, thậm hại hơn, lại là “hoa rữa nhụy”, “hoa rụng”, “hoa trót đã gieo cành”, hoa “gầy” trong cung quế “âm thầm chiếc bóng”. Mọi thứ đổi thay chóng vánh. Hoàn cảnh của nàng cung nữ thật nghiệt ngã, trớ trêu.

Tác giả còn kết hợp tín hiệu hoa với các tín hiệu quen thuộc khác như bướm, trăng, nước trong những cấu trúc đối lập hay hô ứng để khắc sâu tình cảnh trớ trêu, đau khổ, tủi sầu của người cung nữ:

- *Hoa này bướm nở thờ ơ;*

- *Đông quân sao nở bất bình*

Cành hoa tàn nguyệt bực mình hoài xuân;

- *Bây giờ đã ra lòng ruộng rầy*

Để thân này nước chảy hoa trôi;

- *Nguyệt hoa thôi lại thêm buồn nguyệt hoa;*

Mượn hoa để nói thay cho thân phận bất hạnh của người phụ nữ, nhà thơ Nguyễn Gia Thiều đã trở lại với truyền thống văn chương

trung đại. Ông đi con đường của nhiều nhà thơ lớn với tấm lòng xót thương vô hạn dành cho kẻ hồng nhan bạc mệnh mà Nguyễn Du là một điển hình. Trong “Truyện Kiều”, cụ Nguyễn cũng dùng hình ảnh ẩn dụ hoa để nói về cuộc đời trôi nổi, khổ đau của Kiều nhi với nhiều câu thơ lay động lòng người: *Hoa trôi bèo dạt đã đành, Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ làng, Còn chi nữa cánh hoa tàn, Hoa dù rã cánh lá còn xanh tươi...* Trong “Cung oán ngâm khúc”, những câu thơ mượn hoa để nói thay cho người cung nữ trong bi kịch cũng là những vần thơ đầy xót thương, ám ảnh.

Trong tác phẩm của Nguyễn Gia Thiều, hoa còn để chỉ những người cung nữ khác (*Muôn hồng nghìn tía đua tươi / Chúa xuân nhìn hái một hai bông gần*), những người phụ nữ khác (*Lan mấy đóa lạc loài thôn dã*) nhưng phần lớn tín hiệu hoa đều tập trung cho nhân vật chủ thể trữ tình: người cung nữ. Hiếm có tác phẩm dài hơi nào mà hoa được sử dụng vừa đa dạng vừa thống nhất cho một nhân vật duy nhất như “Cung oán ngâm khúc”. Hơn nữa, hoa trong tác phẩm này còn được sử dụng linh hoạt như những kí hiệu nghệ thuật, những tín hiệu thẩm mỹ mang nhiều giá trị độc đáo, ấn tượng. Đây chính là một phương diện trong thành tựu rực rỡ của “Cung oán ngâm khúc” cũng như tài năng nghệ thuật của thi hào Nguyễn Gia Thiều♦



○ TRẦN CAO DUYÊN

Nghĩ về một trang sách

Như một trang sách rời
Tôi nhặt được bên lề mùa hạ cũ
Em - một trang đời đầm dịu
Ấm sang tôi những chiều thao thiết mưa bay

Dù có lúc tôi băn khoăn
Một vốc nước biển có thể đủ đầy vị biển
Một trang sách liệu sẽ nói được điều gì về cuốn sách?
Nhưng tôi xác tín
Rằng em rơi ra từ một câu chuyện trọn đầy yêu thương

Tôi đặt nụ hồng lên trang viết về một góc đời em
Những dòng chữ không phải là tập hợp các con chữ
vô ngôn
Vì trong ấy nghĩa tình yêu lấp lánh

Khi nâng niu bàn tay em
Tôi cảm nhận sự dịu dàng từ trái tim tỏa xuống
Dù có cả những đắn đo lo lắng buồn phiền
Trang sách mờ cội dòng chữ nào cũng thẳng
Xô lệch có chăng chỉ ở dòng đời

Với trang sách từ mùa hạ ấy
Tôi đã gặp những ký tự màu trái tim đỏ thắm

Bây giờ trong muôn nỗi cách xa
Tôi vẫn không thể nào rời bỏ những dư vang kỷ niệm
Dù sau mỗi đêm là một ngày mai.



○ PHAN BÁ TRÌNH

Hai màu tóc

Tôi lặng lẽ nhặt từng sợi tóc
Thời gian trôi không ở lại bên người
Những vất vả của một đời khó nhọc
Cho thời gian xanh mãi những nụ cười

Sợi tóc bạc mẹ một đời tần tảo
Lo cho tôi nên vóc nên hình
Lần mối chỉ giữa hoàng hôn u tối
Mẹ thấp lên bao khát vọng bình minh

Có sợi tóc còn xanh sao vội rụng
Em vì tôi trong suốt cuộc hành trình?
Câu hỏi nhỏ mà lòng lúng túng
Vẫn là em chút hạnh phúc riêng mình

Hai màu tóc hai nỗi niềm nhung nhớ
Mẹ và em ôm ấp một trời thương
Đâu có thể bên bồi bên lở
Sợi tơ lòng còn mãi vấn vương...

○ TRẦN HỮU SƠN

Trà Giang thương nhớ

Trà Giang thuyền trẩy ngược, xuôi
Chở bao thương nhớ buồn vui quê nhà...

Tam Thương đón vạt nắng tà
Chuông chùa Thiên Ấn ngân nga - giọt thiền
Hà Nhai Vãn Độ - bến hiền
Môi hồng em gái nghiêng nghiêng nón cười

Tà Dương Thạch Bích - Chiều rơi!
Đàn cò xếp chéo góc trời vẽ hoa
Thuyền lên phố Quảng còn xa
Thương em ngược nước sông Trà tìm nhau
Vàng trắng còn đứng trên đầu
Vì sao em lại qua cầu - bỏ nhau...

Nhớ niêu cá bóng vàng au
Nhớ tô don ngọt đậm màu quê hương
Long Đầu Hỷ Thủy - Chiều vương
Bóng đa che mát con đường em qua
Dẫu rằng muôn dặm ngàn xa
Lòng anh vẫn nhớ quê nhà mến yêu.

○ NGUYỄN NGỌC HÙNG

Tình quê

Cơm khoai ăn với mắm cà
Chấm rau lang luộc đậm đà vị quê
Mo chè sủi bọt ngon ghê
Gió nồm hây hẩy mát mê cả người.

Có cô thôn nữ hay cười
Gheo chàng trai tuổi đôi mươi mơ màng
Đêm thì hương bưởi bay sang
Ngày chim ríu rít bên hàng giậu thưa.

Ông bà cấy nắng gieo mưa
Mẹ cha lằm lũi sớm trưa cuốc cày
Mùa lên vụ xuống trập trầy
Trái tim thơm thảo vẫn đầy thảo thơm.

Mái dột thì lợp cỏ rơm
Nắng nôi đã có quạt Bờm sẻ chia
Chân tay ai nở cất lìa
Tắt đèn tối lửa sớm khuya đỡ dần.

Hai vai áo bạc phong trần
Về quê lại thấy xanh ngần nương dâu
Đi tìm tận đâu tận đâu
Hóa ra mình nhớ... Mất nâu bên nhà!

Đêm chờ ngọn gió thổi qua
Mới hay hương bưởi gần xa vẫn nồng
Vùi mơ trong vụn đóa hồng
Còn nghe hơi khói đốt đồng thơm cay...



○ NGUYỄN MẬU CHIẾN

Man mác dò ời

Viết câu lục bát bỗng bênh
Con sông ký ức nổi nênh phận người
Bến xưa tiếng gọi dò ời!
Mà day dứt, mà bồi hồi, nhớ mong

Mái chèo khua nhịp trên sông
Điệu hò man mác nao lòng người ời!
Thương bên lở, nhớ bên bồi
Dò ngang, dò dọc dòng trôi lững lờ

Tuổi thơ tập trận phát cờ
Hoa lau nở trắng đôi bờ nhớ thương
Tiễn đưa, đón đợi, vấn vương
Bến xưa còn đó... người thương đâu rồi?

Giật mình nghe tiếng dò ời!
Dòng sông ký ức bồi hồi trong ta
Chiếc cầu giờ đã bắt qua
Đôi bờ gần lại... vỡ òa niềm vui

Bến xưa vọng tiếng dò ời!
Trong ta mãi nhớ một - thời - sông - quê!



○ HÀ QUẢNG

Mai bạn về Ninh Thuận

Tặng một đồng nghiệp rời quê

Mai bạn về Ninh Thuận đường xa
Bỏ lại sau lưng trời chiều Mộ Đức
Tôi cảm thấy bao điều ray rức
Khi bạn và tôi cách ngõ, xa hàng

Mai bạn về nơi ấy xa xôi
Ly trà nóng ai cùng tôi tâm sự
Dẫu biết rằng cuộc đời dẫu bể
Giờ chia tay... vẫn thấy ngậm ngùi

Tôi và bạn gần bó mấy mươi năm
Lúc buồn vui cùng nhau san sẻ
Chia tay bạn thấy mình cô lẻ
Tìm được người thân đâu phải dễ dàng

Khi bạn về Ninh Thuận sống với con
Tôi không còn những ngày cuộc bộ
Thả hồn mình trời chiều lộng gió
Đến nhà bạn chơi để quên bớt ưu phiền

Chúc bạn về Ninh Thuận được bình yên
Sống vui tươi khi tuổi đời không còn trẻ
Vùng đất ấy... chắc có nhiều mới mẻ
Xin bạn đừng quên chốn ở... nơi này.

○ TRỊNH MINH ĐỨC

Về thăm quê anh

Em về thăm Quảng Ngãi quê anh
Biển Mỹ Khê, sóng vô về cát trắng
Thiên Ân uy nghiêm một mình im lặng
Núi Bút vút cao vọng tiếng chuông chùa

Anh sẽ đưa em về thăm Chùa Ông
Giấu kỷ niệm ngây ngô của một thời thơ ấu
Thăm bến xưa một thời thuyền neo đậu
Phố Thu Xà nổi tiếng khách thập phương

Về quê anh thưởng thức món Kẹo Gương
Tình sâu đậm không thể nào quên được
Với tô Don nhiều lần em ao ước
Mình có tấm lòng sẽ được nghe em!

Em đừng sợ tháng ngày cô đơn
Vì đã có anh luôn kề bên cạnh
Đưa em đi thăm từng thắng cảnh
Dẫu biết rằng cảnh vật có đơn sơ

Biển Sa Huỳnh gió nhẹ sóng vô bờ
Cổ Lũy, Chùa Hang sương mờ xóm nhỏ
Ngắm nước xanh trong dịu dàng sóng vô
Nơi cộp thuyền nổi tiếng một thời xưa

Đưa em đến thăm Thạch Bích Tà Dương
Chiều buông xuống đá lam màu khói
Thạch Trạn La Hà tiếng reo của gió
Dẫu biết rằng nơi ấy vẫn nguyên sơ

Anh tin rằng em thỏa nguyện ước mơ
Với thiên nhiên và con người quê kiểng
Chân đã về xa... lòng còn quyến luyến
Nếu một lần... em về thăm quê anh...

○ HOÀNG THÂN

Đồng chiều

Đồng chiều ai gánh rạ rơm
Vai gầy chở những thảo thơm quê nhà

Duyên quê áo vải mặn mà
Nắng mưa tần tảo, phong ba dãi dầu

Dặt dìu tiếng sáo lưng trâu
Cánh cò bay lả nường dâu xanh màu

Bờ tre, giếng nước, hàng cau
Tình quê luôn ở trong nhau dạt dào

Cánh diều mơ ước bay cao
Cùng bao kỷ niệm ngọt ngào tuổi thơ

Câu thương, câu đợi, câu chờ
Lời em năm cũ bây giờ còn chẳng

Hương cau thơm buổi muộn mằn
Đóa tầm xuân nọ cầm bằng mây bay

Luyến ngày vạt nắng chừng say
Rạ rơm ai cuốn bàn tay bồi hồi

Đồng chiều đâu phải một tôi
Ngại ngần ngại ngần chiều trôi qua chiều.



○ THU NGUYỄN

Về lại Văn Hà

Hai mươi năm xa quê nhà có lẽ
Nhịp cầu xưa giờ vắng bóng một người
Con đường gió áo bay ngày đông chớm
Nắng vẫn vàng màu nắng tuổi hai mươi

Bến sông cũ thuyền buông dầm ngóng đợi
Chuông chùa ngân chiều nhuộm áo nâu sòng
Đây lối nhỏ anh hái dùm hoa bưởi
Tóc em giờ thơm mãi gió bên sông

Mái tranh nhớ bóng tre ngà ôm ấp
Cánh đồng xa mờ mịt khói lam chiều
Thời con gái bao lần chân bước vội
Vui sách đèn nào biết một lần yêu

Ừ... cát biển bây giờ mênh mông lắm!
Có còn quen để lại dấu chân người
Xóm Hà Trung hiền như trong cổ tích
Mẹ đợi con về chiều nắng cũng chơi vơi

Văn Hà đó mây ngàn che bóng núi
Cầu Trà Niên ai còn nhớ quay về
Em trở lại tìm một thời con gái
Nghe bóng mình soi sóng nước miền quê.

○ NGUYỄN TẤN HẢI

Gió cũ

Lòng nhủ lòng thôi hãy cố quên em
Dù gió cũ trong ta còn thổi mãi
Chảy về đâu nước mắt ngày thơ dại
Rớt trong hồn hay tan biến thành mây
Hạnh phúc bắt đầu từ những phút cầm tay
Anh khờ khạo suốt đời không giữ được
Để bây giờ mười ngón tay gầy guộc
Cứ rung lên sợi nhớ êm đêm
Mùa xuân về thôi hãy cố quên em
Dù gió cũ trong ta còn thổi mãi...

○ HOÀNG GIANG

Mẹ vẫn mong

Mẹ vẫn mong con qua từng đêm
Bụi chuối sau nhà xào xạc lá
Cứ ngỡ các con về gọi cửa
Năm, ba bận, mẹ hé cửa chờ
Mẹ vẫn mong con qua giấc mơ
Đầu đã nghe tin dữ dội về
Nhưng giấc mơ là chuyện có thật
Mẹ thần thờ khắc khoải đêm thâu...
Ngày thống nhất nối liền Nam - Bắc
Năm đứa đi xa, rời tay mẹ
Đứa trở về, thương tật đầy mình
Mẹ cười trong nước mắt lặn sâu
Đã qua rồi một thời lửa đạn
Mẹ vẫn mong các con trở về
Nén hương trên bàn thờ mẹ thấp
Khói lên ẩn, hiện những bóng hình...

Tám vãi liệm

○ **Truyện ngắn PREMCHAND* (ẤN ĐỘ)**

TRẦN NGỌC HỒ TRƯỜNG dịch



Premchand (1880 - 1936) tên thật là Dhanpat Rai. Ông là nhà văn lớn của văn học Ấn Độ hiện đại. Khởi đầu, ông viết bằng tiếng Urdu nhưng sau đó là tiếng Hindi. Tác phẩm của ông nói về nông thôn Ấn Độ nghèo khổ, bất bình đẳng và phân biệt đẳng cấp. Premchand đã viết hơn 300 truyện ngắn. Tác phẩm của ông mang giá trị nhân đạo sâu sắc. Tờ báo Hans do ông biên tập có ảnh hưởng xã hội khá lớn. Ông điều hành hội nghị sáng lập Hiệp hội các nhà văn Ấn Độ tiến bộ ở Lucknow năm 1936.

Ở cửa nhà của họ, trước đồng lửa, gã cha và gã con đang ngồi. Trong nhà, chị Budhiya, vợ gã con đang quận đau sinh con. Những tiếng rên đau đớn, thương tâm của chị làm họ run rẩy. Đó là một buổi tối mùa đông. Thiên nhiên dường như đang chìm trong yên lặng. Xóm làng cũng chìm trong bóng tối. Gã Gheesu nói, “Chắc nó không sống được. Tao mệt rồi. Vô mà ngó chừng nó”. Gã con trai Madhav bực bội, “Sao nó không chết nếu nó phải chết? Tôi thì có thể làm được gì?”. “Này, mày thật vô tâm. Mày đã sống vui vẻ với nó cả năm mà giờ lại lật lọng!”. “Tôi không thể nhìn nó bồn chồn và đau đớn lẫn qua trở lại”.

Họ thuộc một đẳng cấp thấp trong giới Hindu và bị cả làng phỉ báng. Nếu Gheesu đi làm một ngày, gã ta sẽ nghỉ ba ngày. Madhav cũng lẩn tránh công việc đến mức nếu làm việc nửa giờ, gã sẽ bỏ ra một giờ

để ngâm tấu, hút chillum. Bởi vậy, họ chẳng muốn đi đâu làm lụng cả. Một nắm gạo có trong nhà cũng đủ giữ họ lại, làm họ không muốn đi làm. Khi họ đói, gã Gheesu sẽ trèo lên cây chặt củi. Gã Madhav sẽ mang ra chợ bán. Miễn là có tiền trong túi, họ sẽ lang thang đây đó. Chỉ khi gần chết đói họ mới đi chặt củi và kiếm việc làm. Trong ngôi làng của những người nông dân, có không hiếm việc cho những ai nhẩn nại nhưng do họ lười biếng nên không ai dám thuê họ, trừ khi rất cần nhân công và sẵn sàng hài lòng với việc phải thuê hai lao động để làm công việc chỉ cần một người làm. Bởi lười biếng nên họ chẳng có kỷ luật nghiêm túc hay sự tự chủ trong công việc đồng áng và trong những khi cần sự nhẩn nại. Đó là bản chất của họ. Đời họ lạ kỳ là vậy. Ngoài vài dụng cụ để đào, cuốc, trong nhà họ chẳng có thứ gì khác. Với vài mảnh vải rách che thân, họ sống buông tuồng, chẳng quan tâm tới những đòi hỏi của cuộc đời đầy nợ nần của họ. Dù bị lăng mạ và đánh đập, họ chẳng thấy ân hận. Dù nghèo tới mức không có tiền trả nợ nhưng thì thoảng mọi người cũng vẫn cho họ vay mượn. Vào mùa khoai tây và đậu Hà Lan, họ nhổ trộm ở các trại của kẻ khác, nướng lên và ăn hoặc có khi họ bẻ năm bảy cây mía đem về ăn trong đêm.

Gheesu đã sống sáu mươi năm theo kiểu làm bữa nào xào bữa đó còn Madhav cũng vậy, do là một đứa con trai hiếu thảo nên gã không chỉ theo gót gã cha mà còn không làm hổ danh ông ta! Giờ đây họ đang ngồi bên bếp lửa nướng khoai tây ăn trộm ở các trại khác. Vợ gã Gheesu mất đã lâu còn gã Madhav thì lấy vợ đã được một năm. Kể từ đó, chị đã vun vén cho gia đình họ. Hoặc là chị nghiền bắp cho họ ăn, hoặc là chị đi cắt các loại ngũ cốc để kiếm một ít bột đổ vào hai cái bụng của hai sinh vật không biết hổ thẹn là gì. Từ ngày có chị, hai gã kia ngày càng chây lười và kiêu ngạo. Nếu có ai đó kêu họ đi làm, họ chường mặt ra đòi tiền công gấp đôi. Và giờ đây người phụ nữ đã chăm sóc cho họ thật nhiều đang dần chết đi do kiệt sức vì đau đẻ. Có lẽ họ đang đợi chị chết để được ngủ ngon.

Lấy khoai tây nướng từ đồng lửa ra và vừa lột chúng, Gheesu vừa nói, “Tới coi nó thế nào. Nó chắc bị lão phù thủy nào đó ám rồi. Gọi thầy phù thủy trong làng tới cũng tốn mất một rupee!”. Madhav sợ nếu đi khỏi đồng lửa thì sẽ bị gã cha ăn mất phần lớn khoai tây do đó gã vờ nói, “Tôi sợ, không dám đi vào”.

“Sao mày phải sợ? Có tao ở đây mà”.

“Sao ông không tự đi vào một mình?”.

“Khi vợ tao sắp chết, tao ba ngày liền không rời khỏi nó. Vợ mày sẽ không thấy ngưỡng khi tao đi vào à? Nó luôn che mạng khi thấy tao mà giờ mày bảo tao vào nhìn nó đang trần truồng à? Nó có thể tự chăm sóc cho nó. Có tao tay chân nó sẽ không còn được tự do nữa”.

“Tôi lo nếu nó sinh được con. Làm sao tôi lo được nhiều thứ. Gừng, dầu... đều chẳng có sẵn trong nhà!”.

“Mọi thứ khác có. Người từ chối mày hôm nay ngày mai sẽ gọi mày đến và cho mượn tiền nếu mày cầu Thượng đế. Tao có chín đứa con. Tụi tao chả có thứ gì trong nhà cả nhưng Thượng đế không bỏ tụi tao”.

Trong một xã hội mà người làm việc cật lực cả ngày lẫn đêm chỉ được sống tốt hơn gã Gheesu một ít và có những người biết lợi dụng những nông dân nghèo để được giàu thêm thì có những kẻ có suy nghĩ như gã Gheesu là điều không mấy ngạc nhiên. Chúng ta có thể nói gã Gheesu còn thông minh hơn kẻ khác nhiều. Thay vì gia nhập vào nhóm những người nông dân ngu dốt, gã dựa vào nhóm những kẻ chây lười đáng khinh. Sự thật là gã không đủ sức khỏe để chiều theo các qui tắc và lệ lối của nhóm gã. Song có một điều an ủi cho gã là mặc dù nghèo nhưng gã không phải lao động tích cực như những nông dân khác và thiên hạ không lợi

dụng thái quá sự giản đơn và việc rất cần sự giúp đỡ từ kẻ khác của gã.

Hai gã nhặt khoai tây nướng và bắt đầu ăn dù chúng đang nóng. Họ cả ngày đã chẳng có gì để ăn và giờ không còn đủ kiên nhẫn chờ cho khoai tây nguội. Khoai tây làm phỏng lưỡi họ. Dù ở phía ngoài không nóng mấy nhưng khi họ cắn sâu vào, lưỡi, vòm miệng và cổ họng lại bị bỏng. Cách thức để được an toàn của họ là không để món nóng đó nằm trong miệng mà cho chúng đi xuống cái bụng đang nguội ngắt. Bởi vậy họ nuốt nhanh khoai tây và do đó, nước mắt nước mũi chảy ra.

Gheesu bỗng nhớ tới bữa tiệc cưới tại nhà Thakur mà gã dự hai mươi năm về trước. Sự mãn nguyện sau bữa tiệc là một trong các sự kiện đáng nhớ trong đời gã. Nó vẫn còn tươi mới trong ký ức gã cho tới tận hôm nay! Gã thốt lên, “Bữa tiệc không thể quên được. Từ sau bữa đó, tao chưa có được bữa ăn dư thừa nào. Bánh poory chiên với món ghee được gia đình cô dâu bung ra cho mọi người lớn nhỏ, ngoài ra còn có món xốt, raita, rau xào, rau nấu càry, sữa đông và kẹo. Tao không tả được bằng lời là chúng ngon thế nào! Thức ăn nhiều không hạn chế. Người ta ăn nhiều đến mức uống nước không nổi. Nhưng bà con của cô dâu vẫn tới đặt poory nóng, thơm, tròn trĩnh vào đĩa của mọi

người. Tao nói với họ là không ăn được nữa. Tao đưa tay che đĩa lại để cản họ nhưng họ vẫn đồ thức ăn vào. Khi tụi tao đã chùi miệng, họ mời lá trầu và bạch đậu khấu nhưng làm sao tao có thể ăn được. Tao thậm chí đứng thẳng dậy còn không nổi. Tao nhanh chóng vào nằm, đắp mền. Lòng dạ nhà Thakur lớn to làm sao!”.

Vừa tưởng tượng vừa nuốt nước miếng, Madhav nói, “Nhưng giờ người ta không đãi những bữa tiệc như vậy nữa”.

“Làm sao có thể? Thời bây giờ khác rồi. Giờ ai cũng thực hành tiết kiệm, không tiêu tốn vào việc kết hôn, ma chay. Hỏi họ xem, họ sẽ cất giấu những thứ râu tóc được của kẻ nghèo ở đâu? Họ không tha chúng ta lúc râu tóc nhưng tàn tiện khi tiêu pha”.

“Ông đã ăn cỡ bao nhiêu cái bánh poory? Hai mươi cái?”.

“Hơn hai mươi!”.

“Tôi có thể ăn được năm mươi cái”.

“Tao cũng ăn được không ít hơn năm mươi cái. Hồi đó tao vạm vỡ. Mà giờ chắc bằng một nửa tao hồi đó?”.

Họ uống nước sau khi ăn hết khoai tây. Sau đó họ cuộn người trong khổ dhotis, co chân chạm bụng và ngủ bên đống lửa, như hai con trăn đang cuộn lại. Chị Budhiya vẫn đang rên đau.

Sáng hôm sau, khi vào căn phòng nhỏ bên trong, Madhav

thấy vợ gã đã chết. Ruồi bay vo ve trên mặt chị. Khuôn mặt xương xẩu của chị ngẩng lên, toàn thân bị phủ đầy bụi. Đứa bé trong âm hộ của chị cũng đã chết. Madhav chạy ra chỗ Gheesu và cả hai than khóc to và đấm ngực. Hàng xóm chạy tới an ủi hai kẻ bất hạnh, theo phong tục vốn có.

Nhưng đây không phải là lúc than khóc. Họ đang lo không có vải liệm và ván đóng hòm. Tiền đã biến mất khỏi nhà họ như thịt biến mất ở tổ điều hâu.

Gã cha và gã con đi tới nhà một điền chủ trong làng. Thấy họ, ông đã muốn tránh. Ông đã nhiều lần trừng phạt họ do họ ăn trộm và thất hứa. Ông khinh thị hỏi họ, “Nè, tại sao hai ông khóc. Đã lâu tôi không thấy hai ông tới đây. Hình như hai ông không muốn sống ở cái làng này”.

Phủ phục xuống đất, gã Gheesu than khóc, “Ông ơi, tôi thật bất hạnh. Vợ thằng Madhav đã qua đời tôi qua. Nó quần đau đẻ cả đêm. Hai đứa tôi tức trực bên nó. Chúng tôi làm hết sức để cứu nó nhưng nó đã bỏ chúng tôi. Ôi, ông ơi, sẽ chẳng còn ai cho chúng tôi bánh mì hàng ngày. Chúng tôi sẽ bị suy sụp! Nhà chúng tôi đã trống trơn! Tôi là nô lệ của ông, thừa ông. Ai có thể giúp chúng tôi làm nghi lễ cuối cùng, nếu không phải là ông? Có thứ gì thì chúng tôi đã dành mua thuốc men chữa trị

cho con dâu. Lòng tốt của ông sẽ giúp chúng tôi đưa thi thể nó ra nghĩa trang. Chúng tôi biết gõ cửa nhà ai đây ngoài nhà ông”.

Ông điền chủ là người tốt bụng nhưng ông biết rằng thương xót Gheesu là vô ích. Ông muốn hất hủi gã Gheesu, một người chả thèm trở mình khi được gọi đi làm nhưng hôm nay, bởi lợi ích cá nhân mà tới xu nịnh ông. “Đưa lười biếng, hoàn toàn lười biếng”, ông nghĩ. Trong lòng bực bội, ông điền chủ rút hai rupee về phía Gheesu, không nói một lời an ủi. Ông cũng chẳng thèm nhìn gã Gheesu. Hình như ông đã trút được một gánh nặng.

Vì gã Gheesu được ông điền chủ cho 2 rupee nên làm sao những người cho vay, các nhà buôn khác dám từ chối gã. Gã tìm cách đi nói khắp nơi là điền chủ Zamindar đã cho gã tiền. Người này cho gã hai anna, kẻ kia cho bốn anna và nội trong một giờ, Gheesu đã kiếm được kha khá, những 5 rupee. Một số người khác thì cho gỗ, một số nữa thì cho củi. Trong khi đó, mọi người bắt đầu đi chặt tre để làm dàn thiêu. Một phụ nữ tử tế trong làng đến nhìn tử thi, khóc cho sự bất hạnh rồi bỏ đi.

Khi họ đi tới chợ, Gheesu nói, “Nè Madhav, củi lửa để làm dàn thiêu đã được chuẩn bị”. Madhav đáp, “Vâng, củi lửa thì đã đủ, thế còn vải liệm thì sao?”.

“Hãy đi mua thứ vải nào rẻ tiền”.

“Vâng, hơn nữa khi chúng ta hỏa táng, trời đã tối, không ai nhận ra vải liệm”.

“Thật là một cái tục quái ác. Sống đã chẳng có vải che thân, chết lại lấy áo liệm mới phủ tử thi”.

“Vải liệm sẽ bị cháy cùng các tử thi”.

“Vâng, chả có gì còn lại. Nếu có 5 rupee sớm hơn, chúng ta đã có thuốc chữa chạy cho nó”.

Cả hai mạo muội đoán cảm giác của nhau. Họ đi dạo quanh chợ, đến từng tiệm vải và thấy có nhiều loại vải lụa, vải sợi nhưng trời đã tối mà chẳng có thứ vải nào làm họ hài lòng. Trời đã tối hơn và chỉ có Thượng đế hiểu là vì một ma lực nào đó, họ đi đến trước một quán rượu. Họ đi vào, như thể bị một kế hoạch tiền định nào đó dẫn dắt. Có lúc họ ở vào tình thế tiến thoái lưỡng nan. Sau đó Gheesu đi đến quầy và gọi, “Này chủ quán, cho một chai”.

Sau đó họ gọi bánh snack và cá chiên rồi ngồi ở hành lang uống ngon lành. Họ uống rất nhanh nhiều ly rượu đây và sớm bị say. Gheesu nói, “Nó sẽ được gì nếu thi thể nó có vải liệm? Cuối cùng vải cũng cháy theo tử thi nó. Chẳng có gì còn lại với nó”.

Madhav nhìn lên trời như thể muốn đòi các vị thần chứng nhận sự vô tội của gã. “Đó chỉ

là tục tập ở cõi đời. Tại sao người ta lại theo tục đó? Tại sao thiên hạ lại trao hàng ngàn rupee cho người Balamôn? Ai biết được là tiền có được người chết nhận hay không ở thế giới bên kia?”.

“Người giàu có tiền để đốt chứ chúng ta có gì?”.

“Nhưng ông sẽ trả lời người ta ra sao khi người ta hỏi vãi liệm ở đâu?”.

Gheesu cười to, “Nè, tao và mày nói với họ là tiền bị rơi mất khỏi túi, không tìm lại được. Người ta có thể không tin nhưng sẽ cho lại”. Madhav cũng cười to với của trên trời rơi xuống đang có và sẽ có và nói, “Con đàn bà tội nghiệp! Nó quá tốt! Chết rồi mà cũng còn cho chúng ta ăn”.

Họ uống cạn hơn nửa chai. Gheesu muốn hai ký poory, xốt, dưa chua và gan chiên. Cửa hàng thức ăn nằm bên kia quán rượu. Trong tích tắc, Madhav lao ra, nhanh tay mang về đủ loại thức ăn đựng trên hai cái đĩa. Một rupee rưỡi nữa đã bị tiêu cái vèo. Giờ họ chỉ còn lại một ít tiền. Cả hai ăn poory ngoạn ngoạn như sư tử đang ăn mồi. Chẳng còn nỗi lo cho trách nhiệm, chẳng còn bối rối gì về sự xấu xa. Họ đã bỏ lại sau lưng những cảm xúc như thế!

Gheesu triết lý, “Nếu nhờ nó mà tâm hồn chúng ta thanh thản, thì đó cũng là ân huệ của Thượng đế”.

Madhav cúi đầu tôn kính linh hồn đã khuất và hồ hởi đồng ý với cha già, “Vâng, nó chắc chắn sẽ được tưởng thưởng. Ôi Thượng đế thông suốt mọi sự, hãy dành cho nó một chỗ trên thiên đường. Lòng thương của chúng ta khẩn cầu cho nó. Nhờ nó mà hôm nay chúng ta ăn được những món mà hồi giờ chúng ta chưa được nếm”.

Nhưng trong một khoảnh khắc, sự ngờ vực len vào lòng Madhav, già hỏi, “Này ông già, ngày nào đó chúng ta cũng phải đi sang thế giới bên kia chứ?”.

Gheesu không trả lời câu hỏi ngây thơ đó. Gã chẳng muốn cảm giác sung sướng đang có bị phá hỏng bởi ý nghĩ về thế giới bên kia. Gã con nói:

“Nếu nó hỏi tại sao chúng ta không phủ vãi liệm cho nó thì chúng ta sẽ nói sao đây?”.

“Một câu hỏi ngu quá!”.

“Chắc nó sẽ chất vấn mà”.

“Làm thế nào mà mày biết nó sẽ không có vãi liệm? Mày nghĩ tao ngu à? Tao sống sáu mươi năm mà không có kinh nghiệm à? Chúng ta sẽ có một tám vãi liệm loại tốt. Để tao lo”.

“Nhưng sao ông không nói ai sẽ cho?”.

“Đó là những người đã cho tiền nhưng lần này họ sẽ không cho tiền mặt nữa”.

Khi đêm dần tối, sao trời nhấp nháy, vẻ vui tươi trong quán rượu dâng cao. Có kẻ hát, có kẻ nói khoác trong khi kẻ

khác thì ôm bạn nhậu và vài kẻ bung ly rượu đưa vào miệng bạn rượu. Không khí nặng mùi rượu, đầy sự say xỉn. Nhiều kẻ mới đến, uống một hớp đã say. Hơn cả rượu, không khí trong quán làm họ say. Nhiều gã mang đến quán những rắc rối trong đời của họ. Trong phút chốc, họ quên là họ đang sống hay đã chết hoặc chẳng sống mà chẳng chết.

Gã cha và gã con vẫn ngồi nhấp rượu. Mọi cặp mắt đều liếc vào họ. Mọi người nghĩ họ sướng biết bao! Có cả một chai rượu đầy đặt trên bàn giữa họ. Khi đã no nê, Madhav vút cái bánh poory còn lại cho gã ăn mà đang thèm thuồng nhìn. Lần đầu tiên trong đời, Madhav thấy thích thú với việc cho đi. Gheesu nói với gã ăn mà, “Cầm ăn hết đi và cầu cho linh hồn kẻ đã ra đi. Kẻ giúp để mua được bánh đã không còn nhưng từ từng lỗ chân lông, hãy cầu cho nó! Lời cầu của mày sẽ tới được với nó vì nhờ nó mà tụi tao có được những đồng tiền khó khăn này”.

Nhìn lên trời lần nữa, Madhav nói, “Chắc chắn nó sẽ lên thiên đường. Nó sẽ là nữ hoàng ở đó”. Gheesu đứng dậy và như thể đang trôi trong những cơn sóng hân hoan, xác quyết, “Đúng đó mày, nó sẽ lên thiên đường vì nó chưa từng làm tổn thương một con ruồi, chưa bao giờ gây phiền phức cho ai, thậm chí khi chết, nó còn

đáp ứng những thèm muốn lớn của đời chúng ta. Nếu nó không có chỗ trên thiên đường thì mày nghĩ bọn nhà giàu có thể à? Họ bóc lột kẻ nghèo và thanh tẩy bằng cách tắm trong nước thiêng sông Hằng rồi còn đem nước đó vào đèn!”.

Nhưng cảm giác tôn trọng đó sớm mất đi. Có cảm xúc dao động là đặc điểm ở kẻ say. Giờ hai gã vừa đau đớn vừa thất vọng. Madhav nói, “Ông này, nó đã khổ cả đời, u sầu cho tới khi nhắm mắt”. Lấy tay che mặt, gã than khóc. Gheesu an ủi gã, “Đừng khóc, con trai. Hãy thấy mày được an ủi vì nó đã thoát khỏi cái mạng ảo ảnh của cuộc đời, đã thoát khỏi mọi mối lo. Nó may mắn đã sớm phá đứt hết mọi ràng buộc ở chốn trần gian”. Cả hai cùng đứng dậy và hát:

“Ôi, hỡi người đàn bà quyến rũ, sao làm lóa mắt chúng tôi. Ôi, người đàn bà quyến rũ”.

Những cặp mắt của các kẻ say trong quán hướng về họ, trong khi họ vẫn vung vít hát. Sau đó, họ bắt đầu nhẩy nhót, đu đưa, xiên xẹo, lão đảo. Họ phô diễn cảm xúc của họ qua nét mặt và tay chân và cuối cùng, khi không còn chế ngự được, họ ngã xuống cái rập, hoàn toàn say♦

*Dịch từ Indian Short Stories,
1900 - 2000,
E.V. Ramakrishnan biên soạn,
Sahitya Akademi, 2000.*

Những guồng xe nước hoài niệm của một thời

○ LÊ HỒNG KHÁNH

Từ rất lâu, những guồng xe nước trên sông Vệ, đặc biệt là trên sông Trà Khúc đã trở thành biểu tượng của đức tính kiên trì và bộ óc thông minh của người Quảng Ngãi.

Hình ảnh guồng xe nhẵn nại quay đều bên lũy tre nghiêng bóng xuống dòng sông xanh mùa hạ đã từng là cảnh quan độc đáo, vừa thân thiết, gần gũi với bao lớp người Quảng Ngãi, vừa say lòng những ai có dịp đến với miền quê sông Trà, núi Ấn. Nhà nghiên cứu H.Parmentier (Pháp) là người đã từng chỉ đạo khai quật phế tích tháp Chăm Chánh Lộ và có nhiều thời gian khảo sát vùng đất Quảng Ngãi. Trong tập: “Ghi chú về những guồng quay nước ở Quảng Ngãi”, ông đã nêu ý kiến rằng người nông dân ở đây đã tiếp thu kỹ thuật làm xe nước của người Chăm. Còn chính những người nông dân Chăm thì học được những kỹ thuật lấy nước bằng guồng quay của cư dân

những vùng ảnh hưởng văn hoá Ả rập. Tuy nhiên đây cũng chỉ là một luận cứ chưa thật chắc chắn và không có nhiều dữ liệu minh chứng.

Các tài liệu về nông học, dân tộc học cũng cho thấy guồng xe nước có ở nhiều nơi trên đất nước ta từ Tây Bắc (của đồng bào Dao) đến Thanh Hoá, kéo dài đến Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Thuận và ngược lên vùng núi thấp Nam Trung bộ thuộc địa bàn cư trú của dân tộc Hre. Điều đáng chú ý là, nếu ở những vùng khác guồng xe chỉ có một bánh, bán kính hẹp, không có bờ cù dôn nước thì guồng xe ở Quảng Ngãi là một công trình thuỷ nông tương đối đồ sộ, với những guồng xe từ 8-12 bánh, đường kính đến 26 thước mộc (10,4m), có bờ cù kiên cố, có khi dài gần 1 cây số, kéo từ nơi đặt guồng xe, ở phía bờ sông bên này đến bờ sông bên kia, chéch theo hướng thượng nguồn để dôn nước, tăng lực đẩy

và nâng cao thể năng của dòng chảy, cùng với hệ thống mương máng tỏa khắp những cánh đồng ven sông đưa nước vào ruộng.

Tài liệu thành văn sớm nhất còn lưu giữ được có nói bờ xe nước là một tờ đơn xin miễn công ích cho những người “thợ xe” ở thôn Phước Lộc xã Bồ Đề (Mộ Đức, Quảng Ngãi) có lời phê với ba chữ “Thích chấp bằng”. Theo Laborbe (trong la Province de Quang Ngai) thì đây là châu phê của vua Thái Đức (Nguyễn Nhạc). Tờ đơn ghi niên hiệu Thái Đức thập nhị niên, tức năm 1790. Tờ đơn này cùng nêu lên việc các nhóm thợ xe ở xã khác đã được miễn sưu dịch. Như vậy, vào thời điểm cuối thế kỷ XVIII, hệ thống các guồng xe nước ở Quảng Ngãi đã khá phát triển, đóng vai trò đáng kể trong sản xuất nông nghiệp.

80 năm sau, quan Bố chánh Quảng Ngãi là Nguyễn Thông (1827-1884) dâng lên vua Tự Đức một tờ sớ đề ngày 28.2 Tự Đức năm thứ 23 (29.3.1870) trình bày việc thủy lợi và trồng cây ở Quảng Ngãi (Trần thủy lợi tài thụ nghi sớ). Trong tờ sớ này có việc đề nghị miễn thuế guồng nước đồng niên (khoảng hơn 80 quan/1 guồng) cho các guồng xe ở Long Phụng, Bồ Đề, Năng An (sông Vệ); Đông Dương (Trà Khúc). Ông quan rất chăm lo nghề nông này đã nêu lên những lý lẽ khá chính đáng và giàu tính thuyết phục cho đề nghị của mình “Sống

nghề nông không gì cần bằng nước, việc đắp đập khơi ngòi là làm lợi cho dân, dù cho tiêu tốn công quỹ triều đình cũng không tiếc, huống chi kẻ tiểu dân phải tự lo lấy mà bắt nộp thuế sao?..., vậy tiền thuế guồng nước các nơi ấy nên chăng tạm miễn để lấy chỗ khuyến khích nông dân? Xin chờ chỉ dụ”.

Trong dân gian hiện còn lưu truyền nhiều giai thoại về những người sáng tạo ra guồng xe nước. Song có lẽ đây chỉ là những người có công kiến lập, bổ sung kỹ thuật, nâng cao chất lượng vận hành của các guồng xe, dù sao thì những guồng xe cũng là những sản phẩm độc đáo của người lao động Quảng Ngãi, tự họ làm ra nó và liên tục cải tiến, hoàn chỉnh kỹ thuật để đưa nước từ dòng sông lên tưới cho đồng ruộng quê nhà.

Vào khoảng thập niên 30 của thế kỷ XX, toàn tỉnh Quảng Ngãi có 96 guồng xe. Riêng Sơn Tịnh có 29 guồng, trong đó 6 guồng 10 bánh, 19 guồng 9 bánh, 4 guồng 8 bánh. Cũng theo thống kê này thì phủ Sơn Tịnh dẫn đầu về số guồng xe, cũng như quy mô của từng guồng.

Cụ Nguyễn Văn (Trùm Lộc) quê ở thôn Thọ Lộc, xã Tịnh Hà (đã từ trần), làm nghề xe nước trên 50 năm, làm trùm xe gần 20 năm, thì vào thời điểm những năm 70-80, phía tả ngạn sông Trà Khúc thuộc huyện Sơn Tịnh có 52 guồng xe, lớn nhất là

các guồng Tú Thao (Tĩnh Sơn), chợ Hố, Bến Đò, Trường Xuân (Tĩnh Hà), Đông Dương, Quán Cơm (Tĩnh Ấn). Xã có nhiều guồng xe nhất là Tĩnh Hà với 8 guồng (Chợ Hố, Bến Đò, Ông Cổ, Công Điền, Trường Xuân, Hà Tây, Ngân Giang trên, Ngân Giang dưới).

Từ những năm cuối thập niên 70, đầu thập niên 80 thế kỷ trước, các guồng xe nước đã nhường vai trò của nó trong đời sống nông nghiệp cho những máy bơm nước bằng động cơ đốt trong, rồi những trạm bơm điện và tiếp theo đó là hệ thống thủy lợi Thạch Nham.

Tiện đây, cần nói rõ một điều, rất nhiều tài liệu, ghi chép, khảo cứu của các nhà văn, nhà nghiên cứu ở Quảng Ngãi, kể cả cuốn sách khảo cứu rất công phu là Địa chí Quảng Ngãi (NXB Từ điển Bách Khoa - 2009) đã có chung một kết luận không thật chính xác, khi cho rằng công trình thủy lợi Thạch Nham đã “khai tử” các guồng xe nước trên sông Trà Khúc. Sự thật không phải vậy. Chấm dứt hoạt động của guồng xe nước trên con sông lớn nhất tỉnh Quảng Ngãi là những trạm bơm dầu (động cơ đốt trong), trạm bơm khí than, sau đó là các trạm bơm điện. Hệ thống thủy nông Thạch Nham (khởi công năm 1985, hoàn thành giai đoạn 1 và đưa vào sử dụng năm 1992, hoàn thành cơ bản năm 1997) là tác nhân quyết định việc chấm dứt hoạt động của các trạm bơm

nước trên sông Trà Khúc. Người viết bài chỉ xin nêu một dữ kiện: Vụ đông xuân 1989 - 1990, guồng xe nước ở bến Trường Xuân, thuộc xã Tĩnh Hà, huyện Sơn Tịnh, đã được tháo dỡ và thay vào đó là một trạm bơm dầu. Đây là guồng xe nước cuối cùng còn lại trên bờ bắc sông Trà Khúc, sau khi lần lượt các guồng xe khác không được xây dựng lại theo định kỳ hàng năm vì đã có các trạm bơm điện và các máy bơm xăng dầu. Tương tự như vậy là guồng xe nước An Tráng (Tư Mỹ) thuộc xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, vào thời điểm sau đó 1 năm.

Về mặt, đời sống tinh thần, do những quan hệ sâu kín, lâu bền nảy sinh trong sản xuất và đời sống, guồng xe nước với bóng dáng quen thuộc, gần gũi và khung cảnh trầm lặng, thanh bình của nó từ lâu đã là một “điểm tựa tinh thần” của người Quảng Ngãi đối với quê hương. Không thể kể hết bao nhiêu nhà thơ, nhà văn, nhạc sĩ, họa sĩ, nhà nhiếp ảnh (người Quảng Ngãi, người trong nước và cả người Pháp, người Mỹ) cùng các tác phẩm của họ gắn với những guồng xe nước trên sông Trà Khúc và sông Vệ.

Đến nay, hình ảnh những guồng xe nước đã đi vào dĩ vãng, nhưng ký ức về những bánh xe quay cần mẫn ngày đêm và khung cảnh thanh bình của làng quê miền sông Trà, núi Ấn thì vẫn sống mãi trong tâm thức bao thế hệ người Quảng Ngãi♦

Đôi điều về chuyện quen và lạ

○ MAI MỘNG TƯỜNG

Xưa nay, trong sinh hoạt bình thường của dân gian có những tập tục (cả hủ tục lạc hậu) đã ăn sâu vào trong nếp nghĩ, cách làm của không ít cán bộ và một bộ phận không nhỏ dân cư, điều này không thể một sớm một chiều có thể xóa tan trong tâm thức vốn mang tính bảo thủ của nhiều người, bởi thói quen trên đã được hình thành từ thực tiễn đời sống tâm linh và xuất hiện bởi dòng duy tâm cố hữu của nhiều người. Hay nói cách khác, đó là thói “quen” không thể thiếu trong đời sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, nhân dân.

Ngay trong thời đại văn minh hiện nay, có những cái “quen” xuất hiện khá phổ biến trong sinh hoạt cộng đồng như: “quen” hưởng thụ, bất chấp nguồn gốc tài sản mình đang hưởng thụ từ đâu mà có; “quen” được nịnh hót tâng bốc; “quen” được ngợi ca khen thưởng; “quen” được biểu xén chung chi; “quen” được

chia chác của công... và 1001 kiểu “quen” khác theo khuynh hướng làm lợi cho mình (cho gia đình, người thân, phe nhóm, địa phương, đơn vị...), nó đồng nghĩa với việc làm hại, gây khó người khác, nơi khác. Tóm lại, là làm nghèo cho đất nước, lãng phí tiền của công sức của nhân dân.

Ngược lại, bây giờ có những hành động vô tư cống hiến nhưng không đòi hỏi hưởng thụ thì bị cho là chuyện “lạ”; những thái độ trong sáng như nhật được của rơi dù ít hay nhiều cũng tìm cách trả lại cho người đánh rơi lại bị cho là hành động “lạ”; ai thắng thần lên án đấu tranh phê phán những hành vi biểu xén, chia chác của công cũng trở thành chuyện “lạ”; ai chê bai những người ưa nịnh hót, mưu cầu địa vị cũng bị cho là “lạ”... Tuy nhiên, rất nhiều chuyện “lạ” khác diễn ra hàng ngày trên mọi mặt của đời sống xã hội, đang tác động tích cực, ảnh hưởng lan tỏa ngày càng nhiều, chi phối khá phổ biến trong cuộc sống đương

đại, đã góp phần từng bước làm thay đổi nhận thức, tâm trạng của những người chuyên sống với những điều “quen” như nói ở trên, kể cả những người đã từng có thời gian dài “quen” hưởng thụ một cách vô tội vạ!.

Ai cũng biết và hết sức phấn khởi khi ban lãnh đạo mới ở Trung ương vừa được kiện toàn, đã tạo thêm niềm tin và sự kỳ vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân cả nước trên mặt trận chống tham nhũng đang tiếp diễn đà thắng lợi từ nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng ta. Trước thái độ kiên quyết của Trung ương, sự hưởng ứng mạnh mẽ, đồng thuận cao của quần chúng nhân dân, chúng ta hoàn toàn có cơ sở chính trị tin tưởng vào sự thắng lợi chắc chắn trong trận

chiến chống “giặc nội xâm” này.

Trước tình hình chung của đất nước trong giai đoạn cách mạng hiện nay, đòi hỏi chúng ta phải có sự nhìn nhận đúng đắn, rõ ràng, minh bạch trong các mối quan hệ xã hội, không để cho những lợi ích vật chất tầm thường chi phối đến tư tưởng, tình cảm và hành động của mỗi chúng ta. Phải nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật, để củng cố nâng cao niềm tin yêu của quần chúng đối với Đảng, của nhân dân đối với chế độ xã hội chủ nghĩa, đây cũng là cách bịt lỗ hổng trong công tác tuyên truyền không để cho kẻ xấu lợi dụng tuyên truyền phản cách mạng, làm hại đến đất nước và dân tộc ta, gây chia rẽ giữa Đảng ta với quần chúng, giữa chính quyền với nhân dân♦

HỢP THƯ

Thời gian qua, Tạp chí Sông Trà đã nhận được sáng tác của các bạn sau đây:

Phạm Đường, Lê Hồng Khánh, Hồng Mão, Nga Ri Vê, Trần Cao Duyên, Nguyễn Ngọc Hưng, Nguyễn Tấn Hải, Lê Thị Thanh Hiếu, Vũ Tiến Đức, Hoàng Lan Quyên, Hồ Nghĩa Phương, Phạm Văn Hoanh, Dương Thanh Hương, Mai Duy Quý, Sơn Trần, Hà Hương Sơn, Thoại Văn, Trần Thu Hà, Nguyễn Duy Long, Phạm Tuấn Vũ, Nguyễn Thị Thu, Hoàng Thân, Phan Bá Trình, Hà Quảng, Nguyễn Mậu Chiến, Hoàng Giang, Bùi Văn Cang, Thanh Lương, Trần Hữu Sơn, Trịnh Minh Đức, Khôi Nguyên, Ung Văn Khánh, Nguyễn Mậu Công (**Quảng Ngãi**); Phương Lưu, Nguyễn Anh Hùng (**Hà Nội**); Bùi Việt Phương (**Hòa Bình**); Hồ Ngọc Diệp, Hoàng Thụy Anh (**Quảng Bình**); Mai Mộng Tưởng, Nguyễn Thị Thanh Thủy (**TP. Đà Nẵng**); Nguyễn Thanh Tuấn, Nguyễn Tam Mỹ, Lê Trường An (**Quảng Nam**); Lê Hứa Huyền Trân (**Bình Định**); Nguyễn Thị Bích Nhân, Y Nguyên (**Phú Yên**); Võ Hoàng Nam, Trần Ngọc Hồ Trường, Hoàng Bích Hà (**Khánh Hòa**); Lê Hưng Tiến, Lê Thanh Hùng (**Ninh Thuận**); Võ Hoàng Minh (**Bình Thuận**); Nguyễn Đức Hưng (**Kon Tum**); Lý Thị Minh Châu (**Lâm Đồng**); Lê Thành Văn (**Đắk Lắk**); Ngọc Thạch, Võ Thị Lệ Thủy (**Đắk Nông**); Nguyễn Thanh Vũ, Lê Anh Phong, Võ Thị Hồng Tơ, Nguyễn Thánh Ngã (**TP. Hồ Chí Minh**); Ngô Nữ Thùy Linh (**Đồng Nai**); Trần Đức Tín (**Cà Mau**) ...

Ban biên tập chân thành cảm ơn, mong sự cộng tác thường xuyên của các bạn.

Các anh ơi !

Nhạc: THIÊN VƯƠNG

Thơ: ĐÀO MẠNH THẠCH

Thành kính - Thiêng liêng ($\text{♩} = 62$)



Các anh ơi! những hồn thiêng sông núi. Đất nước mình đổi mới đẹp biết bao.



Gương các anh niềm kiêu hãnh tự hào. Công ơn đó không bao giờ phai nhạt.



Mấy chục năm Tổ quốc ta thống nhất. Vẫn nặng lòng với mất mát đau thương.



Nỗi tiếc thương trên khắp nẻo quê hương. Còn đọng mãi chiến trường bao



máu xương. Vì Tổ quốc các anh đi chiến đấu. Thà hy sinh xương



máu của chính mình. Cho quê hương cho Tổ quốc hòa bình. Để bình minh tràn



đầy nắng ấm. Từ rừng núi sông sâu hay biển lớn. Lại trào dâng thương



tiếc những anh hùng. Toàn dân tộc tưởng nhớ một ngày chung.



Hương khói tỏa. Kính dâng hương hồn. Các anh ơi!

Đất mẹ thương anh

Nhạc: SỸ HÙNG

Thơ: THƯỢNG ANH

Nhịp đi - Trầm hùng

The musical score is written on ten staves. The first staff is an instrumental introduction in 2/4 time. The subsequent staves contain the melody for the lyrics. The lyrics are written in Vietnamese and are aligned with the notes. The score includes various musical notations such as treble clef, key signature (one sharp), time signature, and various note values (quarter, eighth, sixteenth notes, rests, and slurs).

Anh nằm lại đất mẹ Minh Long. Nghe thác Trắng trường ca
bất tử. Nghe Phước Giang lịch sử lấy lừng. Mấy ngàn
năm máu đổi lấy hòa bình. Các anh đi ngày ấy tuổi đôi
mười. Xê rừng đập núi vì Miền Nam ruột thịt. Các anh
đi mong ngày thống nhất. Để về với Mẹ cùng em thơ đại khờ.
Có ngờ đâu bom rơi đạn nổ. Ba mươi năm chưa một giờ im tiếng
súng. Cuộc chiến tranh, cuộc chiến tranh... Ôi!
Máu và nước mắt. Niềm thương tiếc đậm vào hai mái tóc. Đất Phước
Giang, Minh Long Quảng Ngãi mãi ngàn đời dâng nén hương thơm.
Đất Phước Giang, Minh Long Quảng Ngãi, Mãi ngàn đời khắc ghi tên
anh. Anh nằm lại, anh nằm lại đất mẹ miền Trung./

Blouse trắng em đi

Nhạc: MINH CHÂU

Thơ: NGUYỄN THÁNH NGÃ

PowerRock ♩ = 120

The musical score is written on ten staves in treble clef with a key signature of one sharp (F#) and a common time signature (C). The tempo is marked as 120 beats per minute. The lyrics are written below the notes, with some lines split across staves. The melody is a simple, catchy tune with a mix of eighth and quarter notes.

Chiều CÔ VID em đi áo B louse trắng. Đám mây loang,
dần xuống chân trời. Chiều CÔ VID em đi áo B louse trắng.
Nơi đó niềm than khóc rã rời. Trái đất cô đơn, Bầy CÔ RÔ NA xâm
chiếm. Nơi đó Bàn tay cách ly bàn tay. Nụ hôn ly cách nụ hôn.
Chỉ còn lại ánh mắt em, xót xa tìm kiếm. Em mang trái
tim hồng thắm, Em đem trái tim nồng ấm. Xoa dịu vết đau ngày.
Em mang trái tim hồng thắm. Em đem trái tim nồng ấm Đường
phố vắng bóng xe qua. Khẩu trang tạm che lời nói. Bầu trời bớt đau vì khói.
Cho rừng thưa lá đâm chồi. Em đi áo B louse
trắng. Nhà vang tiếng trẻ thơ cười Hàng cây rực lên màu
nắng. Em đi áo B louse trắng. Xoa dịu nỗi đau ngày./.

Điểm tựa niềm tin

Tình cảm - Tự hào

Nhạc & lời: TẤN THÀNH

The musical score is written on ten staves in 2/4 time. It features a melody with various note values, including eighth and sixteenth notes, and rests. There are three triplets marked with a '3' and a red underline. The lyrics are in Vietnamese and are placed below the corresponding musical phrases. The score ends with a double bar line.

Tôi xin hát về người chiến sỹ. Nơi tuyến đầu chống dịch Cô Rô Na.

Và tôi xin hát ngợi ca người chiến sỹ Cảnh sát Giao thông, Anh là điểm tựa lòng tin.

Đã bao đêm thức trắng, đã bao ngày dầm mưa dãi nắng.

Chốt phòng dịch nơi đây luôn có các anh chung sức chung tay ngày đêm canh giữ.

Vì cuộc sống bình yên cho nhân dân, vì ngày mai tươi sáng,

"Không để ai bị bỏ lại phía sau" Tạm xa con thơ, tạm xa người thân, tạm xa người yêu dấu

Gác lại nỗi nhớ, gác lại yêu thương.

Gửi niềm tin ngày chiến thắng. Và tôi hát về người chiến sỹ nơi tuyến đầu chống dịch Cô Rô Na.

Và tôi xin hát ngợi ca người chiến sỹ Cảnh sát Giao thông. Anh là điểm tựa niềm tin./.